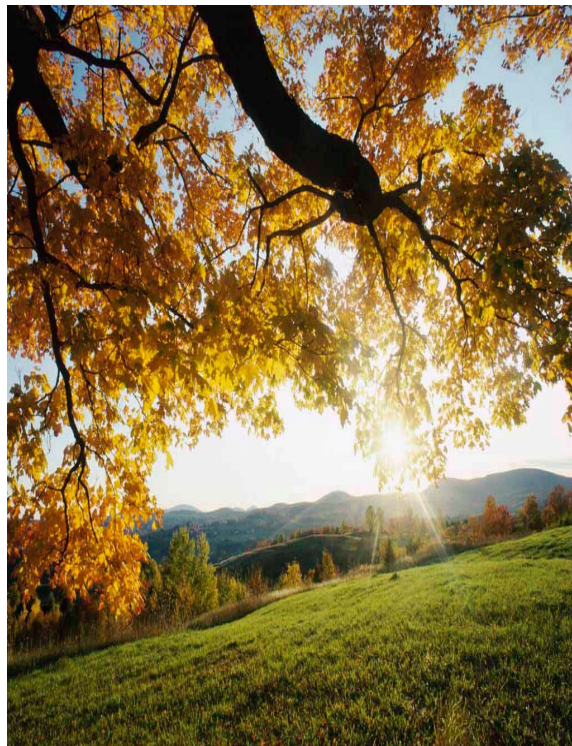


**Tập truyện Alexander Pushkin**

# **Con đầm pích**

**Phương Hồng dịch**



**WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.**

## Chương 1

*Con đằm pích có nghĩa là điều thù địch ngằm ngằm.*

*Sách bói toán mới nhất.*

**Còn vào những ngày mưa gió xấu trời**

**Họ thường tụ họp;**

**Tặng gấp đôi số tiền đặt cược**

**Từ năm mươi**

**Lên đến một trăm,**

**Và họ được thua.**

**Lấy phần chép ghi như vậy đó,**

**Công việc họ làm là như thế.(1)**

**H**ôm ấy có đám bạc ở nhà Narumốp, trung úy trong đội kỵ mã cận vệ. Một đêm đông dài đã trôi qua mà không một người nào để ý đến, và khi dọn bữa ăn khuya ra, thì đã năm giờ sáng rồi. Kẻ được bạc thì vào bàn ăn rất ngon miệng, những người khác thì thần thờ ngồi nhìn bát đĩa đã cạn thức ăn.

Nhưng rồi rượu sâm-banh dọn ra, chuyện lại nổ ran, ai cũng lên tiếng góp vào. Chủ nhân hỏi một người bạn:

- Xunrin, hôm nay anh có đánh chác gì không?

- Cũng như mọi khi thôi, tôi lại thua. Thực, tôi đen quá. Tôi chơi "*mia-răng-đôn*"(2), không bao giờ tôi nóng mặt, không bao giờ tôi rối trí, ấy thế mà tôi cứ thua hoài!

- Thế nào, suốt cả đêm, anh không thử đặt tiền vào bên đó một lần nào à?...

Thực tôi cũng phục cái gan lì của anh đấy.

Một tân khách chỉ một sĩ quan công binh trẻ tuổi nói:

- Các anh thấy Gherman thế nào? Suốt đời, cậu ta chưa hề cầm một quân bài, chưa hề chơi một ván bài, thế mà chịu khó ngồi xem bọn mình đánh đến năm giờ sáng.

Gherman nói:

- Tôi cũng thích đánh bạc, nhưng tôi không phải là người máu mê đến nỗi mang những đồng tiền cần dùng ra để liều lĩnh mong vợ được những đồng tiền thừa vô ích...

Tôm-xki nhận xét:

- Gherman là người Đức, anh ta tính chi li, thế thôi. Nhưng bà tôi mới thật là một con người khó hiểu: tôi muốn nói bá tước phu nhân Anna Phê-đô-tô-p-na ấy mà.

Tân khách đều thốt lên hỏi:

- Làm sao? Thế nào?

Tôm-xki tiếp:

- Tôi không thể hiểu tại sao bà tôi lại không bao giờ đánh bài.

Narumốp nói:

- Một bà cụ tám mươi tuổi mà không đánh bài, thì có gì là lạ!

- Thế các anh không biết gì về chuyện bà tôi cả hay sao?

- Không! Quả là chả biết gì cả.

- Ồ, thế thì để tôi kể cho mà nghe. Cách đây khoảng sáu mươi năm, bà tôi có đi Pari, và hồi đó tiếng tăm bà tôi đã vang dậy cả một thời ở đấy. Người ta chạy theo bà tôi để xem mặt *la Vénus moscovite* \*. Risolier phải lòng bà tôi, và bà tôi quả quyết rằng chỉ một chút xiu nữa thì hẳn phải nổ súng vào óc mà tự tử vì bị bà tôi nghiệt ngã quá.

Thời ấy, phụ nữ thường hay đánh bài pha-ra-ông. Có lần, trong một canh bạc ở Hoàng cung, bà tôi thua công tước Oóc-lê-ăng và nợ miệng mất một số tiền

rất lớn. Về đến nhà, bà tôi vừa tháo bỏ các nốt ruồi giả, cởi các váy xoè, vừa nói với ông tôi rằng mình vừa bị thua bạc và xin tiền trả nợ.

Nếu tôi không nhớ nhầm, thì hồi sinh thời, ông tôi chỉ là một thứ quản gia cho vợ mà thôi. Ông tôi vốn sợ bà tôi như sợ lửa, nhưng nghe đến số tiền bà tôi thua, ông tôi cũng phát khùng lên, lập tức đem sổ sách tính cho bà tôi thấy rằng trong sáu tháng, bà tôi đã vung phí mất nửa triệu bạc, rằng ở Pari chẳng làm gì có những lợi tức đất cát như ở nhà, trong những quận hạt Mátxcova và Xaratốp đâu, và thế là ông tôi nhất định không chịu xuất số tiền nợ. Bà tôi tát ông tôi một cái, rồi đêm hôm ấy ngủ riêng giường để tỏ rõ cái phần nộ của mình.

Hôm sau bà tôi lại cho gọi ông tôi đến, hy vọng rằng cái hình phạt gia đình vừa rồi có hiệu quả gì chẳng, nhưng ông tôi vẫn một mực không lay chuyển. Thế là lần đầu tiên trong đời, bà tôi chịu hạ mình xuống để bàn bạc và giảng giải cho ông tôi nghe. Bà tôi cố cắt nghĩa cho ông tôi hiểu rằng không phải món nợ nào cũng giống món nợ nào, và đối xử với một vị vương công mà như với một thằng đánh xe như thế thì còn gì là thể diện nữa. Nhưng ông tôi đã từ chối: “Đã bảo không là không, thế thôi!” Bà tôi không còn biết ăn nói làm sao được nữa.

May sao hồi ấy, bà tôi lại quen một người rất lỗi lạc. Chắc các anh cũng đã có nghe đến bá tước Xanh-Giécmann(3) là người mà hồi đó người ta gán cho biết bao nhiêu chuyện kỳ lạ. Ông ta tự xưng mình là một du sĩ, là kẻ đã phát minh ra nước phép trường sinh và hòn đá luyện vàng. Người ta cười nhạo ông ta là một lão lang bịp, còn Cadanôva(4) thì có viết trong tập Hồi ký rằng ông ta là một tên gián điệp. Nhưng, mặc dầu trong đời Xanh-Giécmann có những điều bí ẩn như vậy, tướng mạo ông ta vẫn rất đường hoàng bề thế, và trong khi giao thiệp, ông ta tỏ ra là rất lịch duyệt hoà nhã. Ngay đến tận bây giờ, bà tôi đối với ông ta vẫn còn giữ được một cảm tình sâu sắc, hễ

nghe ai nói đến ông ta một cách vô lễ là bà tôi nổi giận lên ngay. Bà tôi biết rằng bá tước sẵn có rất nhiều tiền. Bà tôi liền quyết định cầu cứu bá tước. Bà bèn viết cho ông ta một phong thư, mời ông ta đến nhà ngay.

Cái lão gàn dở đó quả nhiên đến ngay và thấy bà tôi đáng buồn rầu vô hạn. Bà tôi dùng những màu sắc hết sức thô lương ảm đạm miêu tả cho ông ta nghe sự tàn nhẫn dã man của chồng, và cuối cùng nói rằng chỉ còn hy vọng trông vào tình bằng hữu và lòng tốt hay giúp người của ông ta nữa mà thôi. Xanh-Giécmann suy nghĩ một lát, rồi nói:

- Thừa phu nhân, tôi rất sẵn sàng ứng ra một số tiền mà phu nhân cần dùng, nhưng tôi biết rằng một khi mà phu nhân chưa hoàn lại được số tiền đó thì phu nhân sẽ cứ thắc mắc không yên tâm. Mà tôi thì tôi không muốn để phu nhân phải mang thêm một nỗi lo âu như vậy. Tôi có một cách khác: phu nhân có thể đánh gỡ lại số tiền đó...

- Nhưng thưa bá tước thân mến, tôi đã có thừa chuyện với ngài rằng tôi không còn một xu nhỏ nào nữa.

Xanh-Giécmann tiếp lời:

- Phu nhân không cần đến tiền. Chỉ xin phu nhân hãy nghe tôi.

Thế rồi ông ta, truyền cho bà tôi một bí quyết, mà tôi chắc chúng ta đây, ai cũng sẵn sàng mua bằng một giá rất đắt...

Tất cả các sĩ quan trẻ tuổi đều lắng tai nghe hết sức chăm chú. Tôm-xki ngừng lại để châm lửa lên tẩu thuốc, rít một hơi dài, rồi mới kể tiếp.

- Ngay đêm hôm đó, bà tôi đến Vécxây, *au jeu de la Reine* \*\*. Công tước Oóc-lăng lại cầm cái. Bà tôi xin lỗi qua loa rằng hôm nay chưa đem tiền đến trả nợ được, rồi ngồi vào đặt tiền cửa. Bà tôi chọn ba lá bài: lá thứ nhất được, bà tôi đặt tiền gấp đôi và lá thứ hai, lại được, lại đặt gấp đôi vào lá thứ ba. Rút cục, bà tôi gỡ lại được toàn bộ số tiền đã thua.

Một trong những sĩ quan trẻ tuổi nói:

- Chỉ là gặp may thôi!

Gherman nhận xét:

- Chuyện bịa.

Một người thứ ba tiếp lời:

- Có thể bài có dấu chăng?

Tômxki nghiêm trang trả lời:

- Tôi không tin là có dấu.

Narumốp nói lớn:

- Thế nào, bà cậu biết ba lá bài ăn tiền, thế cậu còn chưa biết xin bà cụ truyền bí quyết lại cho à?

Tômxki đáp:

- Ô! Chính việc kỳ quái là ở chỗ ấy đấy. Bà tôi có bốn người con trai, mà cha tôi là một. Cả bốn người đều là những tay máu mê cờ bạc cả, ấy thế mà không một người nào có thể moi được của bà tôi cái điều bí mật đó. Ô, giá mà biết được thì có phải cả cha tôi, các chú tôi, lẫn tôi nữa đã sung sướng biết chừng nào? Nhưng mà này, các anh hãy nghe tôi kể lại lời của chú tôi, bá tước Ivan Ilích, ông ấy đã lấy danh dự mà nói với tôi như thế này: lúc sinh thời ông Tsáplítxki, người đã chết trong cảnh bần hàn sau khi đã vung phí hàng triệu bạc, ngày còn trẻ có lần đã từng thua bạc (tôi nhớ đâu là thua Dôrich(5) thì phải) đến ba mươi vạn rúp. Ông ta tuyệt vọng. Bà tôi xưa nay vốn rất nghiêm khắc đối với những lời chơi bọt mạng của thanh niên, lần ấy không biết làm sao lại rủ lòng thương hại Tsáplítxki: bà tôi truyền cho ông ta biết ba lá bài, lá nào đánh trước lá nào đánh sau, và bắt ông ta đặt cửa năm mươi ngàn rúp. Được, ông ta đặt cửa gấp đôi. Kết cục với ba lá bài đó, ông ra gỡ được số tiền đã thua mà lại còn được thêm nữa là đằng khác...

Nhưng đến giờ đi ngủ rồi đấy, đã sáu giờ kém mười lăm rồi.

Quả nhiên trời đã hửng sáng. Ai nấy cạ chén, rồi mọi người từ biệt nhau ra về.

*\*Thần vệ nữ Mátxcova (tiếng Pháp).*

*\*\*Đến phòng đánh bạc của Hoàng hậu (tiếng Pháp).*

## Con đầm pích

**Dịch giả: Phương Hồng**

### Chương 2

*- Il paraît que monsieur est  
Décidément pour les suivantes.*

*- Que vounlez-vous, madame?*

*Elles sont plus fraîches.\**

*Đàm thoại giới thượng lưu*

Lão bá tước phu nhân ngồi trước gương trong buồng trang điểm. Ba chị hầu phòng đứng quanh bà: một người cầm một bình phấn hồng, người thứ hai một hộp đánh ghim, người thứ ba cầm một cái mũ chụp rất to thêu đăng-ten, có những dải đỏ như màu lửa. Bá tước phu nhân không hề may mắn có một ảo tưởng gì về sắc đẹp đã tàn tạ từ lâu của mình, nhưng bà vẫn giữ những thói quen ngày còn trẻ, phục sức theo thời trang khoảng những năm bảy mươi và ăn mặc trang điểm một cách cẩn thận tỉ mỉ, mất nhiều thời giờ như sáu mươi năm về trước vậy. Một cô tiểu thư, con nuôi bà, đang ngồi thêu bên khung cửa sổ.

Một sỹ quan trẻ tuổi bước vào căn phòng, lên tiếng:

- Cháu xin chào *grand'maman* (1). *Bonjour, mademoiselle Lise* (2).

*Grand'maman*, cháu muốn đến khẩn cầu bà một việc.

- Việc gì thế cháu, *Paul* (3)?

- Bà cho phép cháu giới thiệu với và một người bạn của cháu và xin bà cho phép cháu được đưa anh ta đến dự buổi khiêu vũ của bà vào thứ sáu sắp tới.

- Cháu cứ dẫn anh ta đến dự buổi khiêu vũ của bà, rồi cháu sẽ giới thiệu anh ta với bà ở đây cũng được. Hôm qua cháu có đến đăng tiểu thư N. không?

- Có chứ ạ! Vui quá! Khiêu vũ mãi đến năm giờ sáng. Tiểu thư Êlétxkaia đẹp thật!

- Này, cháu ạ, cô ấy thì có gì là đẹp. So với công tước phu nhân Đaria Pêtorópna, bà nội cô ta, thì có thấm vào đâu? À, nhưng mà này, có lẽ bây

giờ công tước phu nhân Đaria Pêtorópna dễ cũng đã già lắm rồi đấy nhỉ?

Tôm-xki lơ đễnh trả lời:

- Thế nào! Già hả bà? Thưa bà ấy chết đã bảy năm nay rồi ạ.

Cô tiểu thư ngẩng đầu lên và ra hiệu cho người sỹ quan trẻ tuổi. Anh chợt nhớ ra rằng ở đây đã có lệnh phải giấu không cho bá tước phu nhân biết tin những người cùng lứa tuổi với bà đã chết. Anh ta liền mím môi lại, nhưng thật ra thì phu nhân lại rất bình thản khi biết cái tin đối với bà là mới mẻ. Bà nói:

- Chết rồi à, ừ thế mà bà không biết đấy. Ngày trước bà ta với bà cùng được cử làm ngự tiền phu nhân và lúc vào ra mắt, thì hoàng hậu...

Đến đây lão bá tước phu nhân lại kể lại đến lần thứ một trăm một câu chuyện trong thời thanh xuân của bà. Kể đến đoạn cuối bà gọi:

- *Paul*, cháu đỡ bà đứng dậy. Lida, hộp thuốc lá của tao đâu?

Rồi bá tước phu nhân cùng với ba chị hầu phòng đi ra phía sau tấm bình phong để trang điểm nốt cho xong. Còn một mình Tô-m-xki ngồi đối diện với cô tiểu thư.

Lidavêta Ivanópna cất tiếng hỏi khẽ:

- Công tử định giới thiệu ai với phu nhân thế?

- Narumóp. Cô biết anh ta à?

- Không. Quan võ hay quan văn?

- Quan võ.

- Sỹ quan công binh à?

- Không, kỵ binh. Tại sao cô lại cho rằng anh ta là sỹ quan công binh?

Cô tiểu thư cười, không đáp. Bá tước phu nhân từ đằng sau tấm bình phong gọi vọng ra:

- *Paul*, cháu gửi cho bà một cuốn tiểu thuyết mới nhé, cuốn nào cũng được, nhưng mà đừng gửi loại tiểu thuyết thời bây giờ, nghe không!

- Thưa *grand'maman*, thế là thế nào cơ ạ?

- Nghĩa là truyện nào trong đó nhân vật chính không bóp cổ cha cô mẹ, với lại không có người chết đuối ấy. Bà sợ nhất là những người chết đuối.

- Bây giờ thì kiếm đâu ra được loại tiểu thuyết ấy. Bà không thích đọc tiểu thuyết Nga sao ạ?

- A! Lại có cả tiểu thuyết Nga nữa kia à? Thế thì cháu gửi cho bà một cuốn nhé. Đừng quên đấy.

- Được ạ. Thôi cháu xin *grand'maman* thứ lỗi, cháu vội lắm. Chào cô Lidavêta Ivanópna. Tại sao cô lại cho rằng Narumóp phải là sỹ quan công binh nhỉ?

Và Tô-m-xki bước ra khỏi phòng trang điểm.

Lidavêta Ivanópna ngồi lại một mình: nàng bỏ tấm khăn thêu xuống và bắt đầu nhìn ra cửa sổ. Một lát sau, từ phía sau một nhà lán giềng ở góc phố



một chàng sỹ quan trẻ tuổi hiện ra phía bên kia đường. Má cô tiểu thư ửng hồng. Cô lại cầm tấm khăn lên thêu thùa, đầu cúi gằm xuống sát bức thêu. Cũng vừa lúc đó, bá tước phu nhân đã trang điểm xong lại trở vào phòng. Bà truyền:

- Lida, bảo thằng thắng ngựa vào xe đi. Ta đi dạo chơi một vòng.

Lidavêta Ivanốpna đứng dậy xếp gọn đồ thêu lại.

- Thế nào, cái con bé này, mày điếc hay sao? Đi bảo chúng nó thắng ngựa vào xe ngay tức khắc cho ta.

Cô tiểu thư vội đáp:

- Con đi ngay đây ạ. - Rồi cô chạy ra phòng ngoài.

Một gia nhân vào, mang theo mấy cuốn sách của công tước Paven

Alếchxandrôvích gửi lại.

- Cảm ơn lắm lắm. Lida! Lida! Chạy đi đâu thế?

- Thưa, con định đi thay áo ạ!

- Không vội đâu, cô ạ. Ngồi xuống đây, lấy quyển thứ nhất đọc to lên cho ta nghe...

Cô tiểu thư cầm cuốn sách lên đọc một vài dòng.

- Đọc to lên; cô làm sao thế? Cô khản tiếng à? Yên hăng, xích cái ghế dài lại gần đây... gần nữa... Được!

Lidavêta Ivanốpna đọc thêm hai trang nữa; bá tước phu nhân ngáp dài.

- Quảng cái quyển sách ấy đi. Thật là một mớ giấy lộn. Gửi trả lại cho công tước Paven Alếchxandrôvích và nói ta cảm ơn lắm lắm. Thế xe ngựa thế nào?

Lidavêta Ivanốpna vừa nhìn ra cửa sổ, vừa trả lời:

- Thưa, xe đã chờ sẵn kia rồi ạ.

- Này, thế cô chưa đi thay áo à? Bao giờ cũng cứ phải chờ cô thế này à? Thật không thể nào chịu nổi.

Lida chạy về buồng riêng. Cô mới vào buồng chưa đầy hai phút, bá tước phu nhân đã lại rung chuông gọi ầm cả lên. Ba chị nữ tỳ từ một cửa chạy vào, một anh hầu phòng cũng vào từ một cửa khác. Bá tước phu nhân la lên:

- Sao gọi mãi không thưa là thế nào hả? Đi gọi cô Lidavêta Ivanốpna, bảo là tao đang phải đợi cô ấy đấy.

Vừa lúc đó Lida mình vận một cái áo khoác, đầu đội mũ bước vào phòng.

Bá tước phu nhân day nghiêng:

- May quá, cô đã đến! Nhưng mà cô ăn mặc cái kiểu gì thế này? Để làm gì thế này?... Cô định chài ai vậy? Cô thử xem giời đất hôm nay ra làm sao? Cô không thấy giời nổi gió đấy à?

Anh hầu phòng bẩm:

- Thưa cụ lớn, không ạ. Hôm nay trời dịu lắm ạ.

- Mày thì bao giờ cũng nói lieù. Mở cái cửa sổ con trên kia ra. Đấy tao nói

có sai đâu.. Gió lạnh ghê người lên được ấy! Bảo chúng nó tháo ngựa ra, Lida, hôm nay không đi chơi nữa. Trang điểm cho đẹp thế mà làm gì, vô ích, con ạ.

“Cuộc sống của ta đây!” – Lidavêta Ivanópna trầm nghĩ.

Thật thế, Lidavêta Ivanópna quả là một kẻ bất hạnh vô cùng. Đấng tạo ra có nói rằng miếng cơm nhà người nuốt vào đắng miệng, ngưỡng cửa nhà người cao quá khó trèo qua(7). Nhưng có ai biết rõ nỗi tủi nhục của cảnh sống lệ thuộc hơn là một cô thiếu nữ đáng thương phải ở làm con nuôi một bà già quyền quý? Thực ra, bá tước phu nhân cũng không phải là một con người độc ác, nhưng bà ta lại có thói hay dở chứng của một người đàn bà được xã hội nuông chiều. Bà biến lặn, ích kỷ một cách lạnh lùng như tất cả những người đã hết thời, xa lạ đối với cuộc sống hiện tại. Bà tham dự vào tất cả những cuộc vui của giới thượng lưu, la cà ở khắp các nơi khiêu vũ. Phấn sáp ngồn ngộn, ăn mặc để làm một thứ ngoạn ộp, một thứ trang trí quái gở của phòng khiêu vũ. Người nào, khi mới bước vào phòng, cũng đến cúi rạp xuống để chào bà, nhưng xong cái thủ tục ấy rồi thì không người nào đến với bà lấy nửa lời nữa. Ở nhà bà, bà tiếp tất cả thành phố, giữ lễ nghi một cách hết sức chặt chẽ, nhưng chẳng biết mặt người nào cả. Bà có vô số những người hầu hạ; họ đều là những kẻ đã phì nộn, đã bạc đầu ra trong các phòng ngoài, phòng trong nhà bà. Đám gia nhân đó tha hồ muốn làm gì thì làm, ra sức ăn bót, ăn xén của bà già đã gần kề miệng lỗ. Cuộc đời của Lidavêta Ivanópna là một chuỗi những cực hình cứ tiếp diễn ngày này qua ngày khác. Cô hầu trà, thì bị mắng là phí phạm đường. Cô đọc tiểu thuyết cho bá tước phu nhân nghe, thì bị đổ lên đầu tất cả những cái ngu ngốc của tác giả. Cô đi theo hầu hạ bà trong khi dạo chơi, thì cô phải chịu trách nhiệm về nỗi đường sá gập ghềnh và thời tiết khó chịu. Người ta định cho cô một số lương, nhưng không bao giờ trả đủ số lương đó, thế mà người ta bắt buộc cô phải may mặc như "tất cả mọi người", nghĩa là như ít người có thể được. Trong xã hội thượng lưu cô đóng một vai trò hết sức thảm hại. Ai cũng biết cô, nhưng không ai để ý đến cô cả. Trong các cuộc khiêu vũ, cô chỉ được nhảy khi nào người ta thiếu một người *vis-à-vis*\*\*\*\*\*. Các bà đến kéo tay cô và dắt cô ra khỏi phòng khách, khi nào họ cần phải nhờ cô sửa lại một chỗ nào đó trên trang phục của họ. Cô có tự ái và cảm thấy sâu sắc tình cảnh hèn kém của mình. Cô nóng lòng chờ đợi một chàng quân tử đến giải thoát cô. Nhưng, các chàng trai trẻ, mặc dù trong những lúc bông lông vẫn không phút nào quên tính toán: họ không hề chú ý tới Lidavêta Ivanópna, mặc dù nàng còn xinh đẹp gấp mấy trăm lần những tiểu thư trơ trẽn và nhạt nhẽo mà các chàng vẫn lượn quanh. Đã bao lần, nàng lén ra khỏi căn phòng khách lộng lẫy và tẻ ngắt, trở về khóc trong căn buồng tồi tàn của mình, trong có bày một tấm bình một tấm bình phong cũ kỹ dán giấy hoa, kê một cái tủ đựng

quần áo, một chiếc gương nhỏ, và một cái giường gỗ sơn với cây nền mỡ lợn cháy leo lét trên chiếc đế đồng!

Có một lần (hôm ấy là hai ngày sau canh bạc đêm ở nhà Narumóp, và một tuần lễ trước cái cảnh mà chúng tôi mới phác họa ở trên) vào buổi sáng, Lida đang ngồi thêu ở trước cửa sổ, chợt ngẩng đầu lên lơ đãng nhìn ra ngoài phố, thì thấy một sỹ quan công binh đang đứng ngậy người nhìn về phía khung cửa nàng ngồi. Cô cúi đầu và lại tiếp tục thêu thùa một cách chăm chú hơn. Khoảng năm phút sau, cô lại nhìn ra phố, thì thấy viên sỹ quan vẫn đứng ở chỗ cũ. Vốn không quen với những thói lẳng lơ đưa đẩy cùng những sỹ quan lảng cháng trước cửa, cô lặng ngồi gần trọn hai tiếng đồng hồ, mắt không dám rời khỏi khung thêu, cho đến khi người nhà lên mời cô đi dùng bữa chiều. Lúc ấy cô đứng dậy để xếp dọn đồ đạc, và tình cờ nhìn ra phố, cô vẫn thấy viên sỹ quan đứng nguyên chỗ cũ. Cô thấy việc này có điều hơi lạ. Sau bữa cơm chiều cô lại tới gần bên cửa sổ, có phần xao xuyến, nhưng ngoài phố không thấy bóng viên sỹ quan đâu nữa và cô cũng quên bằng người ấy đi.

Hai ngày sau, sắp sửa bước chân lên xe ngựa với bá tước phu nhân, cô lại thấy người đó đứng sừng sững trước cửa; nửa mặt dưới che khuất sau cái cổ áo lông, đôi mắt đen sáng ngời long lanh dưới vành mũ. Lida bỗng dưng không hiểu sao thấy nao nao sợ hãi, cô bước vội vào trong xe ngồi, người vẫn còn run.

Khi trở về nhà, cô lại chạy ra cửa sổ, trống ngực đập rộn ràng; người sỹ quan đã lại đứng ở chỗ mọi ngày, đôi mắt như hai hòn than rừng rực, nhìn cô không chớp. Cô vội lùi vào, nhưng trong lòng thắc mắc như hun đốt, cả tâm hồn tràn ngập một cảm xúc dị kỳ mà cô chưa hề bao giờ biết.

Từ hôm đó trở đi, không có ngày nào người sỹ quan trẻ tuổi kia không có mặt dưới cửa sổ của cô. Chẳng bao lâu giữa cô và người đó, một mối cảm thông thâm lặng đã bắt đầu. Ngồi vào khung thêu, cô cảm thấy rằng người kia đã ở đó; cô ngẩng đầu lên và mỗi ngày lại nhìn người ấy lâu hơn hôm qua. Anh chàng tỏ ra cảm kích vô cùng đối với cái ân huệ ấy. Mỗi một lần bốn mắt gặp nhau, với cái nhìn sắc bén của tuổi trẻ, cô lại bắt chợt đôi má trắng tinh của người sỹ quan ửng hồng. Sau một tuần lễ, cô đã gửi cho anh ta một nụ cười...

Cho đến khi Tômxki xin phép bá tước phu nhân để giới thiệu một người bạn, thì trái tim của người con gái đáng thương đó đã đập rộn rã biết chừng nào. Nhưng khi cô biết rằng Narumóp không phải là một sỹ quan công binh, mà là sỹ quan kỵ binh, cô lại xót xa hối hận, giận mình đã chót hỏi một câu hớ hênh để lộ điều thâm kín nhất của lòng mình với một người thiếu chín chắn như Tômxki.

Gherman là con một người Đức tới lập nghiệp ở Nga. Cha anh đã để lại cho

anh một cái vốn nhỏ. Cương quyết muốn giữ cho đời mình không phải phụ thuộc vào ai, anh đã tự nghiêm cấm mình không bao giờ được đụng đến những hoa lợi đó, chỉ sống bằng đồng lương của mình, và không bao giờ dung túng cho mình một điều ngông cuồng nào dù rất nhỏ. Anh ra rất ít cỏi mở, có nhiều tham vọng, và điều đó khiến cho bạn hữu khó kiếm được dịp mà châm chọc tính tần tiện quá đáng của anh. Dưới một bề ngoài bình tĩnh, anh ta giấu bên trong những thèm muốn hung bạo, một trí tưởng tượng hùng hực như lửa đốt, nhưng lúc nào anh ta cũng làm chủ được mình và tránh khỏi được những phút sai lầm thường tình của tuổi trẻ. Cho nên, tuy vốn sẵn cái máu mê cờ bạc trong huyết mạch, không bao giờ anh sờ đến một quân bài, vì anh hiểu rằng, (và anh cũng đã nói ra mồm) hoàn cảnh của anh không cho phép anh được *mang những đồng tiền cần dùng ra để liêu lĩnh mong vơ được những đồng tiền thừa vô ích*; ấy thế mà anh đã thức nhiều đêm đến sáng, ngồi trước chiếu bạc, đầu óc bùng bùng như lên cơn sốt, trong khi theo dõi những cục diện đỏ đen thay đổi nhanh chóng trong canh bạc.

Câu chuyện ba con bài của bá tước Xanh-Giécmanh đã đập vào trí tưởng tượng của anh rất mạnh, và suốt đêm, đầu óc anh chỉ quanh quẩn nghĩ đến chuyện ấy; chiều tối hôm sau, trong khi đi dạo chơi trên những đường phố của thành Pêterburg, anh lại nghĩ vẩn vương: "Giá bà bá tước già ấy truyền cho ta cái bí quyết kia nhỉ! Giá bà ấy vui lòng chỉ bảo cho ta ba con bài ăn tiền ấy nhỉ! Việc gì không thử cầu may một chuyến xem sao. Ta phải tìm cách để được giới thiệu với bà ta, ta phải tranh thủ lòng tin của bà ta, nếu cần, trở thành tình nhân của bà ta... Nhưng làm những việc đó phải có đủ thời giờ mới được, bà ta đã tám mươi bảy tuổi rồi còn gì nữa! Có thể là, trong tuần này, có thể là vài ngày nữa, bà ấy chết thì làm thế nào... và lại ngay cả câu chuyện này... Liệu có tin được không? Không, tiết kiệm, điều độ, chăm làm, - đó mới là ba con bài ăn tiền của ta! Chính ba con bài ấy sẽ giúp ta tăng gấp ba, gấp bảy vốn liếng của ta. Chính ba con bài đó sẽ bảo đảm cho đời sống của ta nhàn hạ, và không phải phụ thuộc vào ai!"

Cứ vừa đi vừa mơ mộng như vậy, anh đã thấy mình đứng trước một căn nhà kiến trúc kiểu cổ dựng ở một dãy phố lớn của thành Pêterburg. Đường phố xe ngựa như nêm, lần lượt đỗ trước bậc thềm thấp đèn sáng trưng. Từ mỗi cánh cửa xe mở ra, anh thấy bước xuống đường khi thì bàn chân nhỏ nhắn của một thiếu phụ xinh đẹp, khi thì chiếc ủng kỵ mã kêu cộp cộp, lúc thì một đôi tất kẻ sọc, lúc thì một đôi giày đại sứ. Áo khoác, áo choàng tiếp theo nhau diễu qua trước mắt một người gác cổng oai phong lẫm liệt.

Gherman dừng lại, hỏi một viên cảnh binh gác đêm đang đứng thu hình trong chòi canh:

- Nhà này của ai thế?
- Thưa, của bá tước phu nhân...

Gherman giật mình. Câu chuyện ba quân bài lại vụt hiện ra trong trí tưởng tượng của anh. Anh bèn đi đi lại lại trước ngôi nhà, vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến cái người đàn bà ngự trong ngôi nhà đó, đến cái quyền lực huyền bí của người đó. Mãi đến khuya khi Gherman trở về cái ngôi nhà lụp xụp của mình, anh trần trọc mãi mới ngủ được; và khi bắt đầu thiêm thiếp, anh lại mơ màng thấy những quân bài, chiếc bàn trái thảm xanh, hàng đồng tiền vàng, hàng thép giấy bạc hiện ra nhảy múa trước mắt anh. Anh mê thấy mình đánh hết tiếng bạc này sang tiếng bạc khác, mỗi lần lại đặt cửa gấp đôi tiền, mà bao giờ cũng được, nhét hàng đồng tiền vàng vào túi, nhồi hàng xấp giấy bạc vào ví. Sáng hôm sau Gherman dậy muộn. Khi tỉnh giấc anh lại thờ dãi không thấy những cửa cái huyền hoặc ấy đâu nữa, rồi lại lang thang dạo chơi trong thành phố, lại đến trước cửa nhà bá tước phu nhân... Hình như một sức mạnh huyền bí nào đã lại lôi kéo anh đến đây. Anh dừng bước và nhìn lên cửa sổ. Đằng sau một tấm kính, thấp thoáng một cái đầu sơn trẻ có những làn tóc đen nhánh, đang cúi xuống. Có lẽ là đang đọc sách, hay thêu thùa gì đấy. Mái đầu ngẩng lên. Anh nhìn thấy một khuôn mặt xinh tươi, với một đôi mắt huyền. Giây phút đó đã quyết định số phận đời anh. -

\*Hình như ông nhất quyết ưa bọn hầu gái hơn.

Thưa bà, biết làm sao được? Chúng tươi hơn (*tiếng Pháp*)(6)

1-Bà (*tiếng Pháp*).

2-Chào cô Lida (*tiếng Pháp*).

3-Pôn (*tiếng Pháp*)

4-Tức là Lida.

5-Người đứng đối diện (*tiếng Pháp*).

## Con đầm pích

**Dịch giả: Phương Hồng**

### Chương 3

*Vous m'écrivez, mon ange, des lettres*

*de quatre pages plus vite*

*que je ne puis les lire\*.*

*Thư từ trao đổi*

Lidavêta Ivanópna vừa cởi chiếc áo choàng và bỏ mũ ra, thì bá tước phu nhân đã lại cho người sang gọi cô và lại bắt thắt ngựa vào xe. Lúc ra cửa, khi hai tên hầu đang lấy hết sức bình sinh nâng bà phu nhân già lên xe, thì Lidavêta Ivanópna đã nhác thấy người sỹ quan trẻ tuổi đến sát bên nàng; nàng cảm thấy người đó nắm lấy tay nàng; nàng bàng hoàng sợ hãi chưa kịp trấn tĩnh lại thì người sỹ quan đã đi biến mất rồi; trong tay nàng còn lại một mảnh giấy. Nàng vội vã đem mảnh giấy giấu vào trong đôi tất tay. Suốt dọc đường đi nàng không nhìn, không nghe thấy gì cả. Bá tước phu nhân, có cái thói hể ngồi xe là luôn luôn mồm hỏi chuyện:

- Người vừa chào chúng ta là ai ấy nhỉ? Cái cầu này là cầu gì? Cái biển kia đề những chữ gì thế?

Lidavêta Ivanópna trả lời chẳng đầu đuôi gì cả, khiến bá tước phu nhân nổi giận.

- Con bé này, hôm nay cô làm sao thế? Cô lú ruột ra rồi hẳn? Hay là cô không nghe thấy ta nói? Nhờ trời ta không nói ngọng mà cũng chưa đến nỗi lẫn kia mà?

Lidavêta Ivanópna cũng chẳng nghe bà ta nói gì nữa. Về đến nhà nàng vội chạy lên phòng riêng đóng cửa lại, và rút cái thư trong chiếc tất tay ra: thư không dán kín. Lidavêta Ivanópna liền giở ra đọc. Đó là một bức thư tỏ tình lời lẽ vừa âu yếm vừa cung kính, - dịch nguyên văn từng câu từng chữ một từ một cuốn tiểu thuyết Đức ra. Nhưng Lidavêta Ivanópna không biết tiếng Đức, nên nàng thấy rất vui sướng trong lòng.

Nhưng nàng cũng lại hết sức bối rối. Đây là lần đầu tiên trong đời, nàng có quan hệ thư từ lén lút với một người trai trẻ! Sự liều lĩnh của chàng trai làm nàng phát rùng mình. Nàng tự trách mình sao lại quá hớ hênh như vậy; nhưng cũng không biết tính cách nào cho ổn. Không ngồi thêu bên cửa sổ nữa, rồi tỏ thái độ thờ ơ, làm cho anh chàng sỹ quan trẻ tuổi kia phải chán nản không theo đuổi nữa, như vậy có nên chăng? Hay trả lại bức thư cho anh ta? Trả lời anh ta một cách lãnh đạm và quyết liệt chăng? Làm cách nào bây

giờ? Nàng không có ai là bạn bè, cũng không có người nào chỉ bảo; cuối cùng thì nàng quyết định trả lời.

Nàng ngồi vào bàn, lấy giấy bút ra và ngồi suy nghĩ rất lung. Đã mấy lần nàng bắt đầu viết, nhưng rồi lại xé. Lúc thì nàng thấy lời lẽ của mình quá xằng, lúc thì lại thấy giọng như quá dễ dãi. Sau cùng, mất bao nhiêu công phu, nàng mới thảo ra được vài dòng mà nàng lấy làm vừa ý lắm. Nàng viết như thế này:

“Tôi tin rằng những ý định của tôn ông là ý định của một người đứng đắn và tôn ông không nỡ nhục mạ tôi bằng một thái độ thiếu suy nghĩ chín chắn. Nhưng xin tôn ông hiểu cho rằng, chúng ta không thể bắt đầu làm quen với nhau theo cách như thế được. Tôi xin gửi trả lại tôn ông bức thư, và tôi mong rằng tôn ông sẽ không để tôi phải khổ tâm vì một thái độ bất kính mà tôi không đáng phải chịu”.

Ngày hôm sau, vừa thoáng trông thấy Gherman, nàng bỏ khung thêu xuống, sang buồn khách, mở cửa sổ con, và vứt cái thư xuống đường phố, tin chắc rằng người sỹ quan trẻ tuổi ấy sẽ không để lạc mất nó đâu. Quả nhiên Gherman nhặt lấy phong thư ngay và vào một tiệm bán bánh kẹo để đọc. Xé phong bì ra, Gherman thấy bức thư của mình và bức thư trả lời của Lidavêta Ivanópna. Gherman đã lường trước được sự việc này; anh trở về nhà, suy nghĩ rất nhiều về thủ đoạn vừa rồi của mình.

Ba ngày sau, một thiếu nữ có đôi mắt hết sức tinh anh đến đưa cho Lidavêta Ivanópna một phong thư nói là do một bà bán hàng thời trang gửi đến.

Lidavêta Ivanópna vừa bóc bì thư vừa thấy lo lo, đồ rằng không khéo lại là một bức thư đòi nợ chằng; nhưng khi mở mảnh giấy ra, nàng hết sức ngạc nhiên nhận thấy nét chữ của Gherman.

- Thưa cô, cô lầm rồi, cái thư này có phải gửi cho tôi đâu.

Cô hàng thời trang mỉm một nụ cười tinh quái trả lời:

- Không! Đúng là gửi cho tiểu thư đấy ạ! Xin tiểu thư hãy bớt chút thời giờ đọc cái thư đi đã.

Lidavêta Ivanópna liếc mắt đọc qua. Gherman xin được gặp mặt nói chuyện. Lời yêu cầu vội vã đó, cũng như cách chuyển thư, đều làm cho nàng hoảng sợ, nàng vội nói:

- Không thể được! Cái thư này không phải gửi cho tôi. - Rồi nàng xé tan cái thư ra nghìn mảnh.

Cô hàng thời trang lúc đó mới lên tiếng:

- Nếu cái thư này không phải của tiểu thư, sao tiểu thư lại xé nó đi? Đáng lẽ phải để tôi gửi trả lại cho người gửi chứ?

Lidavêta Ivanópna đỏ mặt lúng túng trả lời:

- Trời ơi, cô bạn tốt, cô tha lỗi cho tôi; tôi van cô, cô đừng bao giờ mang thư đến cho tôi nữa, và xin cô hãy về nói lại với cái người đã phái cô đến đây

rằng anh ta đáng ra phải biết xấu hổ...

Nhưng Gherman có phải là người dễ bỏ mọi như thế được đâu. Khi thì bằng cách này, khi thì bằng cách khác, chẳng ngày nào Lidavêta Ivanópna không nhận được một bức thư của chàng. Bây giờ thì chàng không gửi cho nàng những bản dịch từ tiếng Đức ra nữa. Gherman viết dưới sự chi phối của một tình cảm say đắm, nên đã nói lên những lời lẽ, đúng là lời lẽ của anh. Những bức thư này đều biểu lộ những nỗi thèm khát mãnh liệt và một trí tưởng tượng phóng túng. Lidavêta Ivanópna chống chọi sao được những suối lời sôi nổi ấy. Nàng không gửi trả các thư từ đó lại nữa, nàng khao khát đợi thư, rồi chẳng bao lâu, nàng bắt đầu trả lời. Những bức thư phúc đáp cứ mỗi ngày một dài thêm, âu yếm thêm. Rồi cuối cùng, nàng vứt bỏ qua cửa sổ, lá thư sau đây:

"Hôm nay, ở nhà đại sứ N. có khiêu vũ. Bá tước phu nhân sẽ tới đó. Phu nhân và em sẽ ở đó đến hai giờ sáng. Anh sẽ có dịp đến gặp em một mình. Khi bá tước phu nhân đã đi khỏi rồi, thì bọn người nhà chắc cũng tan tác hết. Ở phòng ngoài, sẽ chỉ còn người gác cửa, mà người đó thì thường thường cũng bỏ về buồng mà ngủ. Anh hãy tới vào lúc mười một rưỡi, đi thẳng vào cầu thang lên gác. Nếu anh thấy có ai ở phòng đợi, thì anh hãy hỏi bá tước phu nhân có nhà không. Người ta sẽ trả lời anh là bá tước phu nhân đi vắng rồi, và lúc đó, anh đành phải dằn lòng mà đi ra vậy. Nhưng có lẽ anh sẽ chẳng gặp ai hết. Những chị hầu của bá tước phu nhân thì đến ở cả một căn buồng xa. Đến phòng khách, anh rẽ sang trái, rồi cứ thẳng trước mặt mà đi cho đến khi nào anh vào đến phòng ngủ của bá tước phu nhân. Ở đây, anh sẽ thấy đằng sau một tấm bình phong lớn có hai cái cửa. Cửa bên phải thì mở vào một căn buồng tối đen, mà phu nhân không bao giờ vào, cửa bên trái thì mở ra hành lang, đầu hành lang có một cái thang cuốn nhỏ: cái thang đó đưa đến phòng em".

Gherman đứng chờ đợi giờ hẹn, bồn chồn như một con hổ đói. Mới mười giờ anh đã đứng trước cửa nhà bá tước phu nhân. Hôm ấy thời tiết rất kinh khủng. Gió rú lên từng hồi, tuyết ẩm rơi xuống từng bông lớn. Đèn ngoài đường sáng mờ mờ, phố xá vắng lặng. Thỉnh thoảng một người xà ích đánh con ngựa gầy còm kéo chiếc xe đi qua, mong tìm lấy một người khách bộ hành chậm trễ.

Gherman trên mình chỉ khoác có một chiếc áo lễ phục mỏng, nhưng không hề cảm thấy hơi lạnh thấu xương của gió tuyết. Đợi mãi rồi mới thấy cái xe của bá tước phu nhân đánh ra. Anh trông thấy hai người đầy tớ dìu cái bóng ma lụ khụ ủ kín trong cái áo su-ba lông chồn nâu đặt lên xe. Ngay sau lúc đó thoáng thấy bóng Lidavêta Ivanópna, mình khoác một cái áo choàng mỏng, lên xe. Cửa xe được đóng lại, chiếc xe nặng nề chuyển bánh trên tuyết xốp. Người gác ra đóng cửa lại. Đèn ở các cửa sổ tắt phụt. Gherman đi đi lại lại



trước toà nhà vắng ngắt; một lát, anh bước tới gần một cột đèn để xem đồng hồ. Mười một giờ hai mươi phút. Đứng tựa cột đèn, hai con mắt nhìn chăm chú vào kim đồng hồ, anh sốt ruột đếm những phút còn lại. Đúng mười một giờ rưỡi, Gherman bước lên mấy bậc thềm, và bước vào phòng ngoài thấp đèn sáng trưng. Không hề thấy bóng người gác cửa đâu cả. Gherman nhanh nhẹn chạy lại bậc thang lên gác, tới phòng đợi, ở đây, dưới một cây đèn, một người đầy tớ đang nằm ngủ trong một chiếc ghế bành cũ kỹ đầy những vết loang lổ. Gherman nhẹ nhàng và mạnh dạn bước qua trước mặt hắn. Phòng khiêu vũ và phòng khách tối om. Ngọn đèn ở phòng đợi hắt vào một vệt sáng lơ mờ. Gherman bước vào phòng ngủ. Trước cái tủ thờ đựng đầy những ảnh thánh cổ kính, một cây đèn bằng vàng cháy leo lét. Dọc theo những bức tường căng lụa Tàu, những ghế bành, những ghế tràng kỷ thếp vàng đã phai màu và hoen ố có gối đệm căng phồng, được bày biện cân đối trông thật buồn tẻ. Trên tường có treo hai bức chân dung do *m-me Ledrun*(8) vẽ ở Pari. Trên bức thứ nhất người ta thấy một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, to béo, sắc mặt hồng hào, mặc một cái áo màu xanh sáng, trên ngực có đeo một chiếc huân chương. Bức thứ hai là chân dung của một thiếu phụ xinh đẹp, vẻ người thanh lịch, mũi dọc dừa, tóc mai vén cao lên ở hai bên thái dương, một đoá hoa hồng cài trên mái tóc rắc phấn. Nhìn quanh trong buồng, góc nào cũng thấy có những bức tượng người chẵn cừ bằng sứ, những đồng hồ để bàn – tác phẩm của *Leroy*(9) danh tiếng, những hộp, những chiếc ru-lét(10), những cái quạt, và trăm nghìn thứ đồ chơi khác của phụ nữ, phát minh vào cuối thế kỷ trước, cùng một lúc với những khinh khí cầu của *Môngôphiê*(11) và thuật thôi miên của *Métxme*(12). Gherman bước ra đằng sau chiếc bình phong che một cái giường bằng sắt nhỏ. Anh trông thấy hai cái cửa đã nói trong thư, cửa bên phải mở vào căn buồng tối, cửa bên trái dẫn ra hành lang. Anh mở cái cửa này, nhìn thấy cái cầu thang cuộn hẹp đưa lên buồng cô tiểu thư đáng thương kia... Nhưng anh quay trở lại và bước vào căn buồng tối om.

Thời gian trôi qua một cách chậm chạp. Trong nhà im phăng phắc. Chiếc đồng hồ treo ngoài phòng khách điểm mười hai tiếng, khắp các phòng những chiếc đồng hồ khác cũng lần lượt điểm mười hai giờ, rồi mọi vật lại im lặng. Gherman đứng tựa vào một cái lò sưởi lạnh tanh. Anh rất bình tĩnh. Nhịp tim anh đập rất đều, như nhịp tim của một người đã quyết định làm một việc nguy hiểm, nhưng không thể tránh được. Anh nghe thấy đồng hồ điểm một giờ, rồi hai giờ; rồi tiếp sau đó là tiếng xe ngựa từ xa xa vọng lại. Gherman bất giác thấy nôn nao trong lòng. Chiếc xe ngựa đi gần lại rất nhanh, rồi đỗ lại. Gherman nghe rõ tiếng thang bậc trên xe buồng xuống. Trong nhà rộn rịp hẳn lên. Người nhà chạy rầm rập gọi bảo nhau ý ới; tất cả các buồng đều sáng trưng lên, ba mụ hầu phòng già bước vào trong phòng ngủ. Rồi cuối

cùng là bá tước phu nhân hiện ra: một thứ xác ướp biết đi, nặng nhọc lê tới một chiếc ghế bành to kiểu Vôngte và ngã ngồi vào đấy. Gherman nhìn qua khe cửa. Anh thấy Lidavêta Ivanópna đi ngang sát gần anh. Rồi anh nghe thấy những tiếng bước chân nàng vội vã trên chiếc cầu thang cuốn. Trong đáy lòng, anh cũng cảm thấy có cái gì như một niềm hồi hận, nhưng rồi cũng chỉ như gió thoảng qua. Anh như đã hoá đá.

Bá tước phu nhân bắt đầu thay trang phục trước tấm gương. Người ta tháo cái mũ chụp trang điểm hoa hồng trên đầu xuống, dỡ cái mớ tóc giả rắc phấn ra khỏi đám tóc thật, cao, ngắn, lỏm chỏm, bạc trắng của bà ta. Những đanh ghim rơi ra lả tả chung quanh. Cái áo vàng, thêu chỉ bạc, tụt xuống dưới đôi chân sưng phù. Gherman bắt đặc dĩ chứng kiến tất cả những chi tiết không lấy gì làm đẹp mắt lắm của một cuộc lau rửa ban đêm. Rồi cuối cùng bá tước phu nhân chỉ còn lại trên mình một chiếc áo ngủ và cái mũ đội đêm. Ăn mặc như vậy hợp với tuổi bà ta hơn, nên trông cũng đỡ sợ và bớt quái dị một chút.

Cũng như phần lớn những người già cả, bá tước phu nhân cũng bị chứng khó ngủ. Sau khi đã thay xong trang phục, bà ta ngồi vào ghế bành trên cửa sổ, rồi cho phép các mụ hầu lui ra. Họ tắt hết nến, và trong phòng chỉ còn lại ánh sáng leo lét của cây đèn đặt trước các tranh thờ thánh. Bá tước phu nhân ngồi đó, mặt mũi vàng khè, nhần nhần, nhúm nhúm, đôi môi chảy thõng xuống, người khe khẽ lắc lư sang phải, rồi sang trái. Trong đôi mắt đã mất hết tinh anh của bà, không còn một vết tích gì báo hiệu rằng con người kia hãy còn suy nghĩ. Trông bà ta lắc lư như vậy, người ta tưởng rằng những cử động này không phải là do ý chí tạo ra, mà có lẽ bởi một cơ chế bí mật nào khác chi phối.

Đột nhiên, bộ mặt của người chết này biến sắc. Đôi môi ngừng run rẩy, đôi mắt sinh động lên. Đứng trước bá tước phu nhân là một người đàn ông lạ mặt vừa xuất hiện.

- Thừa phu nhân, xin phu nhân đừng sợ hãi! – Gherman nói nhỏ, nhưng tách rõ từng tiếng một. – Tôi van phu nhân, phu nhân đừng sợ hãi. Tôi không có ý định làm một mảy may gì tổn hại đến phu nhân. Trái lại, chính là tôi đến van xin phu nhân ban cho một đặc ân.

Bà lão già im lặng nhìn anh, coi bộ như không hiểu. Anh tưởng bà ta điếc, nên cúi sát vào tai bà ta, nhắc lại lời cầu xin. Bá tước phu nhân vẫn ngậm miệng không nói.

Gherman nói tiếp:

- Phu nhân có thể bảo đảm được hạnh phúc cho suốt một đời tôi mà không phải tổn mất một chút gì. Tôi biết rằng phu nhân có thể chỉ bảo cho tôi ba con bài, mà...

Gherman ngừng bật. Bá tước phu nhân chắc đã hiểu người ta mong muốn gì

ở bà; có lẽ bà đang tìm một câu trả lời. Bà ta nói:

- Đó là một câu chuyện đùa... Tôi thề với ông như vậy, một chuyện đùa thôi

- Thừa phu nhân, không phải, - Gherman tức giận đáp lại. – Phu nhân hãy nhớ lại Tsáplítxki: ông ấy đã nhờ phu nhân mà gỡ được tiền thua...

Bá tước phu nhân tỏ vẻ rất bối rối. Trong một thoáng giây nét mặt bà lộ vẻ xúc động mãnh liệt, nhưng rồi lại trở lại ngay với cái vẻ ly kỳ đần độn như trước.

Gherman nói:

- Phu nhân không thể chỉ cho tôi ba con bài được tiền ấy hay sao?

Phu nhân vẫn nín lặng. Anh lại tiếp:

- Phu nhân giữ bí quyết này cho ai? Cho các cháu của phu nhân à? Không có bí quyết ấy thì họ cũng đã giàu lắm rồi. Họ lại không biết giá trị của đồng tiền. Ba con bài của phu nhân có giúp ích gì được cho những lũ phá của ấy đâu. Mà kẻ nào đã không biết giữ gìn gia sản của cha ông để lại, thì rồi sẽ chết trong cảnh nghèo túng, dù kẻ ấy có phép thuật sai khiến được quỷ dữ đi nữa cũng mặc. Còn tôi, tôi là một người chí thú; tôi biết giá trị của đồng tiền. Ba con bài của phu nhân sẽ không uổng phí. Nào!...

Anh ngừng lại, người run lên chờ đợi một câu trả lời. Bá tước phu nhân vẫn ngậm miệng làm thinh.

Gherman quỳ xuống:

- Nếu trái tim phu nhân đã có lần rung động vì tình yêu, nếu phu nhân hồi tâm nhớ lại những phút say sưa dịu dàng ấy, nếu phu nhân đã có bao giờ mỉm cười khi nghe tiếng khóc của một trẻ sơ sinh mới lọt lòng mẹ, nếu còn có một chút tình nhân đạo nào làm xao xuyến trái tim phu nhân, tôi van xin phu nhân hãy vì tình yêu của một người vợ, một người tình nhân, một người mẹ, hãy vì tất cả những cái gì là thiêng liêng trên cõi đời này, xin đừng gạt bỏ lời cầu khẩn của tôi. Thế nào. Hay điều bí quyết đó có ràng buộc với một tội lỗi nào ghê gớm, đến sự tan vỡ hạnh phúc vĩnh viễn của phu nhân? Hay người đã có một khoản ước nào cùng quỷ dữ chăng?... Phu nhân hãy nghĩ xem, người cao tuổi lắm rồi, người chẳng còn thọ được bao lâu nữa. Tôi sẵn sàng để linh hồn hứng lấy tất cả tội lỗi của người, tôi sẵn sàng một mình chịu những tội đó trước Thượng đế! Hãy nói cho tôi biết điều bí quyết của người. Phu nhân hãy nghĩ rằng hạnh phúc của một con người nằm trong tay của phu nhân, và không phải chỉ một mình tôi, mà tất cả con cái, cháu chắt của tôi đều cầu nguyện cho vong linh người, và sẽ kính thờ người như một vị nữ thần.

Bá tước phu nhân vẫn không đáp lại một lời.

Gherman đứng dậy. Anh nghiêng rặng, kêu lên:

- Con mụ phù thủy khốn khiếp này, tao sẽ có cách bắt mày phải nói...

Và anh rút trong túi áo ra một khẩu súng tay.

Trông thấy khẩu súng, bá tước phu nhân lại một lần nữa tỏ vẻ hết sức xúc động. Đầu bà né ra phía sau, bà giơ hai tay ra đằng trước như để đỡ lấy phát súng, nhưng, rồi bỗng nhiên, bà ngã người ra đằng sau và ngồi im không động đậy nữa.

Gherman nắm lấy hai tay bà mà nói:

- Thôi đi, đừng giở trò trẻ con ấy nữa. Tôi khẩn cầu bà một lần cuối cùng: bà có nói cho tôi biết ba con bài của bà hay không? Có hay không?

Bá tước phu nhân không trả lời. Gherman chợt nhận ra rằng phu nhân đã chết.

*\*Thiên thần của tôi, nàng viết bốn trang thư cho tôi còn nhanh hơn là tôi kịp đọc hết những dòng ấy (tiếng Pháp)*

## Con đầm pích

**Dịch giả: Phương Hồng**

### Chương 4

*Mai 18...*

*Homme sans mœurs et sans religion!"*

*Thư từ trao đổi*

Trên mình còn mang nguyên bộ y phục khiêu vũ, Lidavêta Ivanópna ngồi ở phòng riêng, chìm đắm trong một niềm tư lự sâu thẳm thẳm. Vừa về đến nhà, nàng đã vội vã cho phép mụ hầu phòng đi nghỉ, nói thác rằng nàng sẽ cởi áo một mình, không cần phải giúp nữa, và nàng chạy vội lên buồng riêng, lòng bồn chồn, vừa hy vọng được gặp mặt Gherman, lại vừa mong muốn không thấy chàng ở đó. Mới nhìn qua gian buồng, nàng đã biết ngay rằng chàng không ở đấy thật rồi, và thâm cảm ơn sự may rủi đã làm lỡ cuộc hẹn hò đêm nay. Nàng cũng chẳng buồn thay y phục, ngồi suy nghĩ, điềm lại trong ký ức tất cả những tình tiết của một cuộc tình duyên, tuy mới nhóm lên chưa được bao lâu mà đã dẫn nàng đi xa đến thế. Chưa đầy ba tuần lễ, từ ngày ngồi bên cửa sổ, nàng nhìn thấy người sỹ quan trẻ tuổi kia, mà nay nàng đã thư từ đi lại với người ấy, và người ấy cũng đã đẩy được nàng đến chỗ phải hẹn hò ban đêm! Nàng có biết tên người đó thật, nhưng chỉ vì thư chàng gửi có ký tên. Nàng chưa bao giờ trò chuyện với người đó, và đến âm thanh tiếng nói của người đó ra sao nàng cũng chưa từng biết nữa. Mà cũng kỳ lạ thay, cho đến tận đêm hôm nay, chưa bao giờ nàng nghe thấy ai nói đến con người đó cả. Đêm hôm nay, Tômxki, nhác trông thấy công tước tiểu thư Pôlina trái với mọi ngày lại đang chuyện trò lơ lửng với một người khác, nên anh muốn trả thù bằng cách làm ra vẻ mặt lạnh lùng: anh đã mời Lidavêta Ivanópna nhảy với anh một bài ma-du-rơ-ca dài lê thê, tưởng đến không bao giờ hết được. Trong lúc nhảy, anh luôn luôn bồn chột Lidavêta Ivanópna về sự thiên vị của nàng đối với các sỹ quan công binh và làm ra bộ mình biết nhiều chuyện hơn là nàng có thể tưởng. Một vài câu bồn chột của chàng ta tình cờ lại đúng quá, khiến Lidavêta Ivanópna nhiều lần tưởng chuyện bí mật của mình đã bị phát giác ra rồi. Nàng vừa cười vừa nói:

- Thế nhưng mà, thật ra ai nói cho công tử biết thế.
- Một người bạn của cái người sỹ quan nào mà cô biết ấy. Một người rất kỳ dị.
- Thế cái người kỳ dị ấy là ai?

- Tên anh ta là Gherman.

Nàng không trả lời, nhưng cảm thấy chân tay mình bỗng dưng giá lạnh.

Tôm-xki tiếp:

- Gherman là một nhân vật hết sức lãng mạn. Anh ta có cái diện mạo của Napôlêông và tâm hồn của Mêphixtôphên. Tôi tin rằng trong lương tâm anh ta cũng phải có đến ba án mạng là ít. Nhưng sao trông cô tái xanh đi thế!..

- Tôi bị nhức đầu. Thế, cái ông... Gherman, có phải tên ông ta thế không nhỉ? Ông Gherman ấy đã nói với công tử những gì?

- Gherman rất không hài lòng về người bạn của anh ta. Cái người sỹ quan công binh mà cô quen biết ấy. Anh ta nói rằng nếu ở địa vị anh ta, thì anh ta sẽ hành động khác hẳn. Thế với lại, tôi còn đoán rằng Gherman đâu như cũng để ý đến cô rất nhiều thì phải, chả thế mà anh ta có vẻ không thân thiện tí nào khi nghe những lời tâm sự yêu đương của người bạn kia.

- Thế ông ta đã nhìn thấy tôi ở đâu?

- Có lẽ ở nhà thờ, có lẽ ở chỗ dạo chơi!.. Có trời mà biết được là ở đâu nữa. Có lẽ ở ngay trong buồng riêng của cô, khi cô đang ngủ cũng nên. Anh ta thì không từ một việc gì cả.

Vừa lúc đó, theo tục lệ nhảy điệu này, có ba phu nhân tiến đến mời Tô-m-xki lựa chọn – *oubli ou regret?*(13) – nên làm ngắt đoạn mất câu chuyện đang kích thích một cách xót xa đau đớn trí tò mò của Lidavêta Ivanốpna.

Cô bạn nhảy được Tô-m-xki chọn, lại chính là công tước tiểu thư N. Trong khi quay theo những vũ hình tiếp diễn của bước nhảy, và trong lúc nhảy rất từ từ cùng với Tô-m-xki về đến ghế ngồi, công tước tiểu thư đã kịp phân trần mọi chuyện. Đến khi Tô-m-xki trở về chỗ cũ, thì anh không còn nghĩ đến Gherman, mà cũng chẳng để ý gì đến Lidavêta Ivanốpna nữa. Nàng đã cố hết sức gợi tiếp câu chuyện, nhưng không được, điệu nhảy lại cũng vừa chấm dứt, và ngay sau đó, bá tước phu nhân đã đứng dậy ra về.

Những câu nói dở chừng của Tô-m-xki chẳng qua chỉ là những câu chuyện sáo mếp thông thường mà người ta vẫn dùng để nói với nhau khi nhảy ma-du-rơ-ca, nhưng nó đã đi sâu vào tâm hồn thơ mộng của người thiếu nữ kia. Nàng thấy bức chân dung mà Tô-m-xki vừa phác họa kia giống hình ảnh nàng tưởng tượng ra quá; và nhờ những quyển tiểu thuyết lãng mạn gần đây, nàng đã nhìn thấy trong cái diện mạo cũng khá tầm thường của người si tình kia những nét đủ khiến cho nàng vừa sợ hãi lại vừa say mê. Nàng ngồi lặng, khoanh đôi tay trần, mái đầu hấy còn cài mấy đoá hoa, cúi gục xuống bộ ngực để lộ... Vừa lúc đó bỗng nhiên cửa xích mở và Gherman bước vào.

Nàng giật mình, run rẩy cất tiếng hỏi:

- Bây giờ anh ở đâu?

- Trong phòng ngủ của bá tước phu nhân. Tôi vừa mới bỏ bà ta mà lên đây: bà ấy chết rồi.

- Trời ơi!.. Anh nói gì vậy!

Gherman tiếp:

- Và tôi sợ rằng chính tôi là người đã gây ra cái chết của bà ấy.

Lidavêta Ivanópna hết sức kinh hoàng nhìn hấn; câu nói của Tômxxki lại trở lại trong trí nhớ của nàng: "*Trong lương tâm anh ta cũng phải có đến ba án mạng là ít!*" Gherman ngồi bên cạnh cửa sổ và kể lại cho nàng rõ tất cả.

Nàng hải hùng lắng tai nghe. Thế là những bức thư say đắm kia, những lời cầu xin nồng cháy kia, cả những ngày theo đuổi tạo bạo nhường ấy, tất cả té ra không phải là do tình yêu xui khiến. Cái đã làm bốc cháy tâm hồn của con người ấy chỉ là tiền, duy nhất chỉ có tiền mà thôi! Không phải nàng có thể làm thoả mãn những mong ước của hấn và làm cho hấn sung sướng được.

Tội nghiệp cho nàng quá! Nàng đã mù quáng làm tay chân cho một thằng tướng cướp, cho một tên sát nhân đã giết hại người lão ân nhân của nàng.

Tâm hồn quằn quại trong nỗi hận quá muộn màng nàng oà lên khóc nức nở.

Gherman đứng im lặng nhìn nàng; lòng hấn cũng thấy xốn xang, nhưng những giọt nước mắt của người con gái đáng thương, sắc đẹp diệu kỳ của nàng trong cơn đau khổ đều không thể lay chuyển nổi cái tâm hồn sắt đá của hấn. Hấn không hề mảy may hối hận khi nghĩ đến cái chết của bà bá tước.

Chỉ có một ý nghĩ làm cho hấn lo sợ: cái bí quyết mà hấn trông mong đoạt được để làm giàu, thì nay đã mất hấn, không thể nào cứu vãn được nữa rồi.

Im lặng một hồi lâu, Lidavêta Ivanópna kêu lên:

- Anh thật là một quái vật.

Hấn lạnh lùng trả lời:

- Tôi không chủ bụng giết bà ta; súng của tôi không lắp đạn.

Hai người yên lặng.

Trời đã sáng dần, Lidavêta Ivanópna tắt cây nến đang tàn lụi trên vành đèn.

Ánh sáng ban mai nhợt nhạt lùa vào căn buồng. Nàng lau đôi mắt đầm lệ, ngẩng lên nhìn Gherman. Hấn vẫn ngồi cạnh cửa sổ, hai tay khoanh lại, đôi mày nhíu xuống. Trong cái dáng điệu ấy, nàng lại chợt thấy hấn giống chân dung Napôlêông một cách lạ lùng. Điều đó càng khiến nàng kinh hãi. Mãi rồi nàng mới nói được:

- Làm thế nào cho anh ra khỏi nơi này bây giờ? Tôi định đưa anh thoát ra ngoài bằng một cái cầu thang bí mật, nhưng lại phải đi qua phòng bá tước phu nhân, mà tôi thì sợ quá...

- Chỉ cần cô chỉ cho tôi cái cầu thang bí mật đó ở chỗ nào thôi. Tôi sẽ đi một mình được.

Nàng đứng dậy, lục tìm trong ngăn kéo lấy một chiếc chìa khoá trao cho Gherman và dặn hấn tất cả những điều cần thiết, Gherman cầm lấy bàn tay giá lạnh và mềm nhũn của nàng, đặt một cái hôn lên mái đầu nàng đang cúi gằm xuống, rồi bước ra.

Hắn xuống chiếc thang cuốn, và vào trong phòng bá tước phu nhân. Người chết vẫn ngồi cứng đờ trong chiếc ghế bành, nét mặt thanh thản. Hắn đứng dừng lại trước mặt bá tước phu nhân, nhìn ngấm hồi lâu, như thể nhân cho kỹ cái sự thật kinh khủng này. Rồi hắn bước vào căn buồng tối, dò dẫm trên những bức tường căng lụa Tầu, tìm thấy một cái cửa nhỏ mở xuống một cầu thang. Trong khi xuống thang, những ý nghĩ lạ kỳ quay cuồng trong đầu óc hắn. Hắn nghĩ thầm có lẽ cũng trên chiếc cầu thang này, sáu mươi năm trước đây, vào giờ này, có thể có một gã tình nhân nào đó, mình mặc áo thêu, tóc chải "*à l'oiseau royal*"\*\*, tay ghì chiếc mũ ba góc áp vào ngực, khẽ lén vào phòng ngủ này. Cái gã có số đào hoa ấy bây giờ đã tan rã từ lâu dưới đáy mộ, và chính ngày hôm nay đây, trái tim của mụ nhân tình già của gã cũng ngừng đập...

Đi đến chân cầu thang, hắn thấy một cái cửa khác. Hắn dùng chiếc chìa khoá lúc nãy mở ra, bước vào một hành lang dẫn thẳng ra phố.

*\*7 tháng Năm 18... Một người không có những nguyên tắc đạo lý và cái gì là thiêng liêng cả! (tiếng Pháp)*

*\*\*Kiểu con hạc ( tiếng Pháp)*



## Con đầm pích

**Dịch giả: Phương Hồng**

### Chương 5

*Đêm hôm ấy, nữ nam tước quá cố phôn  
V. lại hiện về gặp tôi. Bà ta mặc toàn  
màu trắng và bảo tôi: "Xin chào ngài  
tham biện"*

*Svedenborg(14)*

Ba ngày sau cái đêm bị đất đỏ, vào khoảng chín giờ sáng Gherman đến tu viện là nơi sẽ cử hành tang lễ cho lão bá tước phu nhân. Hắn không thấy hối hận; nhưng một tiếng nói đâu ở bên trong vẫn nhắc nhở rằng hắn là kẻ sát nhân giết hại bà lão này. Do lòng thành tín, hắn đâm ra có nhiều thành kiến. Hắn tin chắc rằng, vong hồn của bá tước phu nhân thế nào rồi cũng sẽ theo dõi báo hại đời hắn, nên hắn muốn đến dự tang lễ của người đã chết.

Nhà thờ chật ních những người, hắn phải chen chúc mãi mới len vào được. Quan tài đã được đặt trên một bệ cao lộng lẫy, dưới một tán nhung. Bá tước phu nhân nằm trong quan tài, hai tay chấp trên ngực, mình vận một chiếc áo ta-tăng trắng, đầu đội mũ trùm viền đăng-ten. Gia quyến đứng tụ tập cả chung quanh: gia nhân đầy tớ trong nhà thì mặc áo nẹp đen, trên vai có tết một dải băng thêu gia huy bá tước, tay mỗi người cầm một cây bạch lạp.

Thân nhân gồm con cái, cháu chắt thì mặc y phục đại tang. Không một ai khóc cả; những giọt nước mắt lúc này e có thể bị coi là *une affectation* \*. Bá tước phu nhân đã già quá rồi, đến nỗi cái chết của bà chẳng làm cho ai phải ngạc nhiên cả, vì cũng từ lâu, họ hàng đã quen coi bà không còn ở trên cõi đời này nữa rồi. Đức giám mục trẻ tuổi nói vài lời ai điếu. Bằng một vài câu giản dị và đầy cảm xúc, vị này tả lại phút lâm chung êm thấm của một con người chính trực công minh đã dọn mình hàng bao nhiêu năm một cách thật cảm động để đón chờ một cái chết ngoan đạo. Thuyết sư nói: "Thiên thần tử vong đã đến rước phu nhân đi trong khi tâm hồn đang trầm tư kính tín, đang thức để chờ đợi vị hôn phu Nửa đêm"(15). Tang lễ được cử hành một cách trang trọng u buồn. Thân nhân là những người đầu tiên đến vĩnh biệt người đã khuất. Sau đó là đông đảo các quan khách đến nghiêng mình lần cuối cùng trước một con người, mà từ bao nhiêu năm nay đã có mặt trong các cuộc vui ồn ào của họ. Gia nhân của bá tước phu nhân tiến lên sau cùng. Người ta nhận thấy một bà lão quản gia, đồng tuổi với người đã khuất, có hai chị hầu phòng khác điu dờ hai bên. Bà lão yếu quá không cúi sát xuống đất được, nhưng khi hôn tay bà chủ, thì bà lão là người duy nhất rõ vài hàng nước mắt. Sau bà lão, Gherman quyết định tiến lên bên linh cữu. Hắn quỳ

gối một lúc trên sàn đá có trải những cành thông. Rồi hắn đứng dậy, mặt tái cũng như những người đã chết, hắn trèo lên mấy bậc bệ đặt linh cữu và nghiêng mình... Nhưng hắn đột nhiên cảm thấy như người chết đang nháy một mắt, giễu cợt nhìn hắn. Gherman bật lùi lại và ngã ngửa ra đằng sau. Mọi người đều vội đỡ hắn lên. Cũng vừa lúc đó, trên tiền đình nhà thờ Lidavêta Ivanópna cũng hôn mê lịm xuống. Những việc này đã làm náo loạn lên trong vài phút sự trang nghiêm của tang lễ. Những người tới dự lễ thì thảo bàn tán, và một viên thị vệ mặt xương xẩu, có họ gần với người chết, đã thâm thỉ vào tai một người Anh đứng gần đó: “Viên sĩ quan trẻ tuổi ấy là con riêng của bá tước phu nhân, đấy”, và người Anh lạnh lùng trả lời: Oh? Suốt ngày hôm đó, Gherman cảm thấy vô cùng bức rứt. Trong quán vắng vẻ hắn vẫn dùng bữa thường ngày, hôm nay hắn uống rượu nhiều, khác hẳn thói quen mọi khi, những tưởng đẹp được cơn nôn nao xúc động trong lòng. Nhưng rượu vào lại chỉ càng làm cho trí tưởng tượng của hắn bốc lửa thêm. Hắn trở về nhà sớm, và cứ để nguyên quần áo trên người, ngã lưng xuống giường ngủ say như chết.

Khi hắn dậy thì đêm đã khuya: ánh trăng sáng chiếu rọi vào buồng hắn. Hắn xem đồng hồ: lúc đó là ba giờ kém một khắc. Hắn không thấy buồn ngủ nữa, mới ngồi trên giường mà nghĩ vợ vẫn đến tang lễ lão bá tước phu nhân. Lúc đó ở ngoài phố có người đi lại gần cửa sổ như để nhìn vào trong phòng hắn, rồi lại đi ngay. Gherman cũng chẳng thèm để ý xem là ai nữa. Độ một phút sau, hắn nghe thấy có người mở cửa gian buồng chờ. Hắn tưởng đó là người lính hầu của hắn như mọi ngày say rượu và đi mò mẫm ở đâu suốt đêm bây giờ mới về; nhưng rồi hắn lại nhận thấy những tiếng bước chân là lạ. Có người bước vào gian buồng, chân khế kéo lê đôi giày vải trên sàn. Cánh cửa xịch mở, và một người đàn bà mặc áo dài trắng toát tiến vào buồng hắn. Gherman tưởng đó là người u già của hắn, và lấy làm lạ không biết đương đêm có việc gì mà bà ta lại tới đây. Nhưng người đàn bà mặc đồ trắng đã lướt nhanh qua gian buồng, và chỉ một loáng đã đến bên giường hắn, và Gherman nhận ra là bá tước phu nhân! Bà nói bằng một giọng đánh thếp:

- Ta bắt đắ dĩ phải đến với mày. Ta được lệnh phải chấp nhận lời thỉnh cầu của mày. Con ba, con bảy, và con xì sẽ lần lượt làm cho mày được bạc.

Nhưng mỗi ngày mày chỉ được đánh một con bài, và sau đó, suốt đời mày, mày sẽ không được đánh bạc nữa! Còn về cái chết của tao, tao sẽ tha tội cho mày, nếu mày chịu lấy đứa con gái nuôi Lidavêta Ivanópna của tao làm vợ mày...

Nói đến đây bà lại đi về phía cửa và ra ngoài, chân kéo lê đôi giày vải trên sàn. Gherman nghe tiếng cánh cửa căn buồng chờ đóng lại đánh sầm một cái, rồi một lát sau lại thấy một bóng người nhòm vào cửa sổ.

Gherman ngồi lặng đi một hồi lâu; rồi hắn đứng dậy và đi vào căn buồng bên cạnh. Người lính hầu của hắn đang nằm ngủ trên sàn. Hắn phải khó nhọc lắm mới đánh thức người này dậy được, nhưng cũng chẳng hỏi biết được gì cả: cũng như mọi ngày, người lính hầu say bí tỉ. Căn buồng chò vãn khoá. Gherman trở về buồng riêng và ghi lại rõ ràng tất cả tình tiết của sự hiển hiện vừa rồi.

\*Làm điệu (*tiếng Pháp*)

## Con đầm pích

**Dịch giả: Phương Hồng**

### KẾT LUẬN

*- A attendez. (16)*

*- Sao nhà người dám nói với ta atánde?*

*- Bẩm đức ông, tôi nói atánde cơ mà!*

Hai ý nghĩ cố định không thể cùng một lúc tồn tại trong thế giới tinh thần được, cũng như trong thế giới vật chất, hai vật thể không thể đồng thời cùng chiếm một chỗ được. Ba - bảy – xì chẳng bao lâu đã xoá nhòa hẳn trong trí tưởng tượng của Gherman hình ảnh bà già tật tở. Ba - bảy – xì không ra khỏi đầu óc hẳn nữa, và luôn luôn mấp máy trên miệng hẳn. Gặp một cô thiếu nữ trên đường phố, hẳn cũng lẩm bẩm: "Một thân hình xinh đẹp làm sao! Trông nàng thật giống một con "ba cơ"". Người ta hỏi giờ hẳn, thì hẳn trả lời: "Bảy chuồn kém một khắc". Tất cả những người to béo mà hẳn trông thấy đều nhắc hẳn nhớ đến con xì. Ba - bảy – xì theo hẳn vào cả trong những giấc mộng và hiện ra dưới những hình thể thật kỳ lạ. Hẳn trông thấy những con ba nở rộ như những bông hoa đại mộc lan đang xoè cánh, những con bảy uốn thành vòm như những cánh cửa kiểu gô-tích, những con xì treo lơ lửng như những con nhện quái đản. Tất cả tư tưởng của hẳn chỉ tập trung vào một mục đích duy nhất: lợi dụng cho được cái bí quyết mà hẳn đã phải mua bằng một cái giá đắt đến thế. Hẳn đã nghĩ ra cách xin giải ngũ và đi du lịch. Hẳn tự nhủ: đến Pari thế nào hẳn cũng tìm được một sòng gá, mà chỉ đánh ba tiếng bạc là hẳn đủ làm giàu rồi. Chẳng bao lâu, một sự ngẫu nhiên đã làm cho hẳn được toại nguyện.

Lúc đó ở Mátxcova có một bọn giàu sụ, tụ tập nhau lại thành một sòng bạc dưới sự chủ toạ của Tsêkalinxki, một người nổi tiếng đã từng tiêu cả một cuộc đời vào trong nghề đen đỏ, đã từng vớ được hàng triệu bạc, mà được thì hẳn được toàn những ngân phiếu, còn thua chỉ thua toàn bạc trắng. Vì có kinh nghiệm lâu năm trong nghề ăn chơi, nên hẳn được bạn bè tin cậy và nhờ có thái độ niềm nở, lại thêm một anh đầu bếp nấu nướng rất ngon, nhà cửa thì bao giờ cũng mở rộng đãi khách, cho nên hẳn cũng được mọi người kính nể. Một hôm, hẳn đến Pêterburg. Thế là tất cả thanh niên ủa tới những phòng tiếp khách của hẳn, bỏ rơi hết những buổi khiêu vũ để đến đánh bạc, mê say những cảm giác trên chiếu bạc hơn là những chuyện lả lơi quyến rũ của người tình. Gherman cũng được Narumốp đưa đến nhà Tsêkalinxki.

Hai người đi xuyên qua một dãy buồng lộng lẫy, buồng nào cũng đầy những kẻ hầu vừa lễ phép vừa nhanh nhẩu. Mấy vị tư lệnh đang đánh bài uýt với

mấy quan tư vấn, những thanh niên nằm ngả trên những cái đi-văng vừa ăn kem, vừa hút ống điếu. Trong buồng tiếp khách chính, khoảng hai chục con bạc ngồi chen chúc chung quanh một cái bàn dài. Chủ nhân ngồi trước bàn, cầm cái một canh bạc pha-ra-ông. Đó là một người trạc sáu mươi tuổi, dáng người chững chạc, mái tóc bạc trắng như tuyết, khuôn mặt đầy đặn và tươi tắn biểu lộ một tính tình đôn hậu, đôi mắt lúc nào cũng roi rói một nụ cười bất tuyệt. Narumốp giới thiệu Gherman với lão. Tsêkalinxki thân ái siết chặt tay hắn, chào mời đôn đả, xin cứ tự nhiên không phải khách sáo gì cả. Nói rồi lão lại tiếp tục đánh bài.

Ván bài kéo dài rất lâu. Khách chơi đặt tiền trên ba mươi cửa. Sau mỗi tiếng bạc, Tsêkalinxki lại ngừng lại để cho những người đánh bạc có đủ thời giờ suy tính sửa soạn, lão ghi lại những số tiền thua, nhả nhặn lắng nghe những lời khiêu nại, và càng nhả nhặn hơn nữa uốn lại những góc quân bài mà một bàn tay lơ đãng nào đó đã bẻ cong lên(17). Cuối cùng ván bài đã xong, Tsêkalinxki trang bài và sửa soạn đánh ván khác.

Gherman từ chỗ một người to béo ngồi lấp cả một góc bàn, đưa tay ra và nói:

- Xin phép tôn ông, tôi lấy một quân.

Tsêkalinxki mỉm một nụ cười rất có duyên, lễ phép nghiêng mình tỏ ý sung sướng được chiều lòng quý khách. Narumốp cười khen ngợi Gherman đã qua khỏi thời gian khổ hạnh dai dẳng, và chúc hắn may mắn trong những bước đầu vào con đường cờ bạc. Gherman lấy phấn viết một con số lên lưng con bài, rồi nói:

- Nào!

Nhà cái chớp mắt hỏi lại:

- Bao nhiêu ạ? Thưa, xin lỗi, tôi nhìn không được rõ.

Gherman nói:

- Bốn mươi bảy ngàn rúp.

Mấy tiếng này đã làm mọi người phải ngẩng đầu lên ngay nhìn cả về phía Gherman. Narumốp nghĩ có lẽ hắn mất trí rồi cũng nên. Tsêkalinxki vẫn với nụ cười bất tuyệt nở trên môi, đáp:

- Xin tôn ông cho phép tôi được thưa lại rằng, số tiền đặt cửa của tôn ông quả có hơi cao một chút. Ở đây, chưa có ai đặt quá hai trăm bảy mươi lăm rúp một cửa đánh đâu.

Gherman nói:

- Vâng, nhưng tiếng bạc của tôi, tôn ông có đắt hay không đắt, xin cho được biết rõ.

Tsêkalinxki nghiêng mình ra hiệu ưng thuận.

- Tôi chỉ xin trình đề tôn ông được rõ rằng, mặc dầu tôi hoàn toàn tin cậy các bạn hữu của tôi, nhưng tôi chỉ có thể đánh bài với tiền mặt giam ngay mà

thôi. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng lời nói của tôn ông đáng giá ngàn vàng, nhưng vì để cho ván bài được đúng phép và dễ tính toán, tôi trân trọng xin tôn ông đặt tiền mặt lên trên lá bài.

Gherman móc túi lấy ra một tờ ngân phiếu, trao cho Tsêkalinxki.

Tsêkanlinxki liếc mắt nhìn qua, rồi đặt lên trên con bài của Gherman.

Lão lật bài: bên phải một con chín, bên trái một con ba, Gherman chia quân bài của hắn ra nói:

- Tôi được.

Trong đám con bạc có tiếng xôn xao. Đôi lông mày của nhà cái nhíu lại, nhưng chỉ một khoảnh khắc nụ cười thường xuyên đã lại xuất hiện trên khuôn mặt lão. Lão hỏi người được bạc:

- Có cần giam tiền ngay không ạ?

- Vâng, nếu ngài sẵn lòng tốt.

Tsêkalinxki móc những tờ giấy bạc ở trong ví ra và trả tiền ngay. Gherman nhặt số tiền được bạc bỏ túi, và rời khỏi bàn bạc. Narumốp vẫn ngây người ra vì ngạc nhiên. Gherman uống một cốc nước chanh, rồi trở về nhà.

Tối hôm sau, hắn lại trở lại nhà Tsêkalinxki, lúc đó cũng còn đang đánh bài. Gherman tiến lại bàn bạc; các con bạc lập tức ngồi xích lại, nhường chỗ cho hắn. Tsêkalinxki nghiêng mình chào hắn rất nhã nhặn, có vẻ âu yếm nữa là khác.

Gherman chờ một ván bài mới, cầm một lá bài, đặt lên đây bốn mươi bảy ngàn rúp và thêm vào đó cả số tiền được bạc ngày hôm qua.

Tsêkalinxki bắt đầu chia bài. Bên phải là một con bảy, bên trái là một con bảy. Gherman giơ con bảy của hắn ra.

Mọi người à lên một tiếng. Tsêkalinxki lộ vẻ bối rối. Hắn đếm chín mươi tư ngàn rúp giam cho Gherman. Gherman lạnh lùng giơ tay nhận lấy, đứng dậy và ra về ngay.

Tối hôm sau, Gherman lại đến. Tất cả mọi người đều chờ đợi hắn. Máy vị tư lệnh và mấy quan tư vẫn cũng đã bỏ cả ván bài ứt để đến dự cái canh bạc kỳ lạ đó. Mấy viên sĩ quan trẻ đến đứng chật ních cả phòng chơi. Mọi người xúm xít chung quanh Gherman. Khi hắn bước vào, tất cả các con bạc khác đều ngừng đặt tiền cửa, sốt ruột muốn xem hắn chơi nhau với nhà cái như thế nào.

Tsêkalinxki mặt tái đi, nhưng vẫn cười nụ, nhìn hắn tiến đến bàn bạc và sẵn sàng đánh một mình với hắn. Mỗi người cùng mở một cỗ bài. Tsêkalinxki trang bài. Gherman rút một quân, và lấy một đồng giấy bạc phủ kín lên. Người ta tưởng như hai người đang sửa soạn một cuộc đấu kiếm. Chung quanh im phăng phắc.

Tsêkalinxki bắt đầu giở bài. Tay lão run rung. Bên phải người ta thấy một con đầm, bên trái một con xì.

Gherman mở quần bài của hắn và nói:

- Con xì được.

Tsêkalinxki đáp lại bằng một giọng ngọt như đường:

- Con đầm của tôn ông thua mất rồi.

Gherman giật mình. Đáng lẽ là một con xì, thì trước mặt hắn là một con đầm pích thật. Hắn tưởng mắt hắn loá, và cũng không hiểu làm sao mà hắn lại nhằm đến thế được.

Nhìn sững xuống con bài ác hại này, hắn tưởng như trông thấy con đầm pích đang nháy mắt và mỉm cười chế nhạo hắn. Hắn kinh hoàng nhận ra con đầm pích này giống bá tước phu nhân một cách kỳ dị.

Hắn hoảng sợ kêu thét lên:

- Con mụ đáng nguyên rửa này!

Tsêkalinxki khẽ vờ lại hết số tiền được bạc. Gherman ngồi lặng một hồi lâu như người mất hồn. Hắn vừa rời khỏi bàn bạc, mọi người xúm lại bàn bạc âm ỉ. Bọn con bạc kháo nhau: "Thật là một nước bạc long trời lở đất!"

Tsêkalinxki trang bài, rồi canh bạc lại tiếp tục.

## KẾT LUẬN

*Gherman đã hoá điên. Hiện nay, hắn nằm ở bệnh viện Ôbukhốp, phòng số mười bảy. Hỏi gì hắn cũng không trả lời, nhưng suốt ngày người ta nghe hắn lẩm bẩm: "Ba - bảy - xì! Ba - bảy - đầm!..."*

*Lidavêta Ivanốpna lấy một chàng thanh niên rất đáng yêu con người quản gia của cố bá tước phu nhân. Anh ta có một chỗ làm tốt, và lại cũng có một gia tài khá khá. Lidavêta Ivanốpna đem một đứa cháu gái họ nghèo về nuôi và dạy dỗ.*

*Tômxi được thăng chức đại đội trưởng kỵ binh. Chàng ta đã làm lễ thành hôn với công tước tiểu thư Pôlina.*

*Phương Hồng dịch*

## CHÚ THÍCH

Puskin viết tác phẩm này ở Bônđinô vào tháng Mười - tháng Mười Một năm 1833. Có chứng cứ cho biết thoát đầu Puskin định đặt tên cho truyện này là "Phát đạn giả". P.V.Nasôkin, người mà Puskin đọc cho nghe "Con đầm pích" đã kể lại rằng "cốt truyện không phải bịa ra". Bà lão nữ bá tước - đó chính là Natalia Pêtorốpna Gôlitsuna (mẹ của Đ.V.Gôlitsun, thống đốc Mátxcova), quả thật có sống ở Pari hết như Puskin miêu tả. Ngày 7 tháng Tư năm 1834 Puskin đã ghi nhật ký: "Con đầm pích" của tôi được hâm mộ. Bọn con bạc đua nhau đặt con ba, con bảy và con xì. Ở trong triều người ta nhận

ra sự giống nhau giữa nữ bá tước già và nữ công tước N.P.Gôlitsuna và, hình như, họ không bức tức".

Lần đầu tiên "Con đầm pích" in trong "Tủ sách để giải trí" vào năm 1834 (t.II, quyển 3).

1 Đề từ là những câu thơ chính Puskin viết trong bức thư gửi đến người bạn là nhà thơ Piôt Viademxki đề ngày 1 tháng Chín năm 1828.

2 Thuật ngữ đánh bài, có nghĩa là không tăng số tiền đặt lên.

3 *Bá tước Xanh-Giécmanh* - một nhà giả kim thuật người Pháp, một người nổi tiếng phiêu bạt thế kỷ XVIII; trong những năm 1760 đã đến thăm nước Nga.

4 *Cadanôva Giôvani Giacômô* (1725-1798) - người Ý nổi tiếng phiêu bạt, tác giả nhiều hồi ký hấp dẫn.

5 *Dôrich Xêmiôn Gavrilôvich* (1745-1799) - một trong những người được hoàng hậu Êkatêrina II sủng ái; một con bạc máu me.

6 Thay cho đề từ của chương II, Puskin đã dùng những lời lẽ trong câu chuyện giữa nhà thơ Đ.V. Đavudốp với M.A.Naruskina, một phụ nữ quý tộc thân quen của ông.

7 Trích "Thần khúc" của văn hào Ý Đăngtơ Alighiêri (1265-1321) ("Thiên đường", khúc XVII, câu thơ 58).

8 *Madame Lebrun* - bà Vigie Lobroong (1755-1842) - một nữ họa sĩ vẽ chân dung thời thượng Pháp.

9 *Leroy* - Loroa Giuyliên (1686-1759) và Loroa Pie (1717-1785) - hai cha con người thợ làm đồng hồ nổi tiếng ở nước Pháp vào thế kỷ XVIII.

10 Một thứ đồ chơi phổ biến hồi cuối thế kỷ XVIII. Đó là một vòng có sơn màu, có thể chạy lên chạy xuống theo một sợi dây.

11 *Khinh khí cầu của Môngônphiê* - bóng lớn chứa khí nóng, do anh em Môngônphiê thả bay vào tháng Sáu năm 1783 ở Vécxây.

12 *Thuật thôi miên của Mếtxme* - các thực nghiệm về thôi miên của bác sĩ người Áo Ph.Mếtxme (1734-1815). Cơ sở của thuật này là khái niệm về "sự ám thị sinh vật", bằng cách đó dường như có thể thay đổi được trạng thái của cơ thể, trong đó kể cả có thể chữa được bệnh tật.

13 "*Oubli ou regret*" tiếng Pháp có nghĩa là "lãng quên hay hối tiếc". Trong điệu nhảy ca-đrin, ba bà của ba cặp nhảy đặt cho mình tên gọi bằng những chữ có tính chất quy ước và đề nghị bên nam chọn một trong mấy chữ đó. Bên nam chọn chữ nào có nghĩa là chọn người bạn nữ có tên gọi quy ước đó.

14 *Svedenborg Emanuin* (1688-1772) - nhà văn và nhà triết học thần bí Thụy



Diễn. Tác phẩm của ông vào những năm 30 thế kỷ XIX rất được hâm mộ, tên tuổi ông mang đầy huyền thoại.

15 *Vị hôn phu nửa đêm* - tên gọi Khrixtô Giêxu trong câu chuyện ngụ ngôn Kinh thánh về 10 cô gái đồng trinh.

16 attendez! (từ gốc tiếng Pháp: attender! - khoan đã!) - thuật ngữ đánh bài, có nghĩa là: "đừng đặt cửa vội!".

17 Để cho khỏi nhầm là đánh gấp đôi.

---

Nguồn: HuyTran

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 27/10/2006 6:50:51 CH

## Alexander Pushkin

### Đêm Ai Cập

Dịch giả : Thủy Nguyên

### Chương 1

- Quel est cet homme?
- Ha c'est un bien grand talent, il fait de sa voix tout ce qu'il veut.
- Il devrait bien, madame, s'en faire une culotte\*.

Isarxki là một trong những người dân gốc gác ở Pêterburg. Tuổi chàng chưa đến ba mươi; chàng chưa có vợ; chàng không phải chịu cảnh tù túng của những người viên chức. Ông bác của chàng thời oanh liệt đã từng làm phó tổng trấn, khi chết đi đã để lại cho chàng một gia tài khá khá. Chàng có đủ điều kiện để sống một cuộc đời rất dễ chịu. Nhưng chẳng may chàng lại có cái tật làm thơ và cho in các bài thơ ấy ra. Trong khi báo chí người ta gọi chàng là thi sĩ, còn trong giới bồi bếp thì họ gọi chàng là ông sáng tác.

Mặc dù các nhà thơ có những ưu thế rất lớn (cũng nên thừa nhận rằng ngoài cái quyền dùng đôi cách ở chỗ đáng lẽ phải dùng sinh cách và một số những cái gọi là quyền tự do khác của thi ca, thì chúng tôi không biết các nhà thơ Nga có còn được những ưu thế nào không) – dù sao thì các nhà thơ, tuy có đủ các ưu thế như vậy, nhưng cũng phải chịu đủ các thứ thiệt thòi và tai ương rất lớn. Cái tai vạ chưa sót nhất, khó chịu đựng nhất đối với nhà thơ chính là danh hiệu và biệt hiệu của anh ta, những cái đó cứ như một dấu ấn

khắc lên mặt tội đồ, không sao gột rửa đi được. Công chúng xem anh ta như vật sở hữu của mình; theo ý họ, thì nhà thơ sinh ra là để phụng sự *lợi ích* và *lạc thú* của họ. Giả dụ anh ta có đi chơi đâu ở vùng quê trở về, thì người đầu tiên gặp anh đã hỏi ngay: anh đi chuyến này về có mang lại cho chúng tôi được cái gì mới không? Hoặc giả nếu anh ta có nghĩ ngợi đến những tình trạng rối ren trong công việc của anh hay về bệnh tình của một người thân, thì lập tức sẽ được nghe một câu nói nhảm tai kèm theo một nụ cười nhảm mắt: chắc anh đang sáng tác cái gì hử! Hoặc giả nhà thơ có phải lòng ai, thì người đẹp của anh ta lập tức sẽ vào cửa hàng Ăng-lê mua một quyển an-bom, rồi ngồi đợi các bài ai thi của anh. Nếu nhà thơ có đến nhà một người nào đó, đôi khi hầu như không quen biết, để thương lượng một việc gì quan trọng thì người này đã vội gọi đưa con trai nhỏ ra bắt nó đọc thơ cho mà nghe; và thằng bé liền cho thi sĩ nghe một tràng thơ của chính thi sĩ làm ra, nhưng sai lạc, què quặt đi, không còn ra cái gì nữa. Thế mà những cái đó còn là những bông hoa của nghề nghiệp đấy! Bông hoa của nghề nghiệp mà còn như thế, thì những hẩm hiu của nghề nghiệp không biết còn đến thế nào nữa? Tsarxki thú nhận rằng những lời chào mừng, hỏi han, những quyển an-bom và những thằng bé con đã làm cho anh ta chán ngấy đến nỗi anh ta luôn luôn phải cố kìm giữ mình để khỏi văng tục.

Tsarxki đã cố gắng dùng đủ mọi biện pháp để tẩy gột cho sạch cái danh hiệu khổ sở ấy đi. Chàng tránh giao thiệp với các bạn đồng nghiệp, thích giao du với những người thượng lưu hơn, dù cho họ có là những con người rộng tuếch nhất cũng được. Câu chuyện của chàng nói nghe rất tầm thường và không bao giờ đả động đến văn chương. Trong cách ăn mặc chàng bao giờ cũng chú ý theo cho đúng thời trang mới nhất, với cái vẻ rụt rè và mê tín của một chàng thanh niên Mátxcova mới đến Pêterburg lần đầu tiên trong đời. Phòng làm việc của chàng bày biện như phòng ngủ của một thiếu phụ quý

tộc, tuyệt nhiên không có gì cho biếg rằng đây là phòng của một nhà văn; sách vở không thấy vút bừa bãi trên các bàn và dưới các gầm bàn; chiếc đi-văng không thấy có những vết mực loang lổ, không hề thấy có cái cảnh mất trật tự thường chứng tỏ sự có mặt của nàng Thơ và sự vắng mặt của cái chổi. Không có gì làm cho Tsarxki khổ tâm hơn là bị một người bạn trong giới thượng lưu bắt gặp khi đang cầm bút trên tay. Thật khó lòng mà tin được rằng một người có tài và có tâm hồn như chàng lại có thể đi đến chỗ tũn mủn nhỏ nhất như vậy. Khi thì chàng giả vờ làm ra vẻ một người chơi ngựa say mê, khi thì lại giả vờ là một tay cờ bạc bê tha, khi thì lại làm ra vẻ một tay sành ăn vào bậc nhất; thế nhưng chàng thì vốn dĩ có bao giờ phân biệt nổi giống ngựa miền Bắc Cápcado với giống ngựa A Rập, có bao giờ nhớ nổi một con chủ bài, và trong thâm tâm vẫn thích ăn khoai tây bỏ lò hơn bất cứ thứ cao lương mỹ vị nào của Pháp. Chàng sống một cuộc đời hết sức lộng bông; chàng lảng tránh khắp các vũ hội, dự tất cả những bữa tiệc ngoại giao và trong các buổi tiếp tân chàng đã trở thành một món thường xuyên như món kem sữa Rêdanốp(2) vậy.

Tuy thế chàng là một nhà thơ, và lòng yêu thi ca của chàng là một tình cảm say mê không sao cưỡng lại được: cứ mỗi lần bị cái *con phải gió* ấy đến quấy rầy (chàng thượng gọi cảm hứng là "con phải gió" như vậy), Tsarxki khoá cửa phòng lại và ngồi viết từ sáng sớm cho đến tận đêm khuya. Chàng thừa nhận với các bạn bè chân thành của mình rằng chỉ có những lúc ấy chàng mới thấy mình thật sự có hạnh phúc. Thì giờ còn lại thì chàng đi chơi, đến nơi nào cũng phải làm bộ và vờ vịt, và cứ phút phút lại nghe hỏi: dạo này ông có viết thêm được bài nào mới không?

Một buổi sáng kia Tsarxki đang khoan khoái hưởng lấy cái tâm trạng rất dễ chịu, khi những ước mơ của ta hiện rõ nét ra trước mặt và giúp ta tìm thấy những từ sinh động, đột ngột, để thể hiện những hình ảnh chờn vờn trước

mắt ta, khi vắn thơ dễ dàng tuôn chảy dưới ngòi bút và những âm vận nhịp nhàng sẵn sàng đến đón lấy những ý thơ thanh nhã. Tâm hồn Tsarxki đang lâng lâng trong cõi quên lãng ngọt ngào... xã hội, dư luận của xã hội, và cả những ý nghĩ gàn dở của chính chàng nữa, bây giờ đều như tiêu tan đi đâu hết. Tsarxki đang làm thơ.

Bỗng cửa phòng kẹt mở, và một cái đầu lạ hoắc thò vào. Tsarxki giật mình và cau mặt.

- Ai đấy? – chàng bức dọc hỏi, trong bụng thầm nguyên rủa bọn gia nhân không bao giờ chịu túc trực ở phòng ngoài.

Người lạ bước vào.

Đó là một người cao lớn và hơi gầy, trạc chừng ba mươi tuổi. Gương mặt rám nắng của anh ta có những nét rất sinh động: cái trán cao và tái xanh viền những mớ tóc đen nhánh, đôi mắt sáng quắc, cái mũi điều hâu và chòm râu đen rậm rạp bao quanh đôi má hóp vàng sạm, tất cả những nét đó đều chứng tỏ rằng khách là một người ngoại quốc. Người lạ mặc một cái áo lễ phục màu đen, đường chỉ đã bạc trắng cả ra, một cái quần mặc mùa hạ (mặc dù bây giờ đã là vào tiết cuối thu); phía dưới chiếc cra-vát đen sồn cũ, trên cái ngực áo sơ-mi màu vàng nhờ nhờ, long lanh một hột kim cương giả; chiếc mũ dạ hình dáng gồ ghề hình như đã được ném đủ mùi nắng mưa sương gió. Đi trong rừng mà gặp một người như thế, các bạn sẽ đoán rằng đó là một tên cướp; giữa chốn đô hội, bạn sẽ đoán rằng đó là một người có chân trong một âm mưu chính trị; gặp ở phòng ngoài, bạn sẽ cho rằng đó là một anh bán thuốc hôi nách và thuốc thạch tín.

- Ngài cần gì? – Tsarxki hỏi khách bằng tiếng Pháp. Khách cúi chào rất thấp, rồi đáp:

- *Signor, lei voglia perdonarmi se...*\*\*

Tsarxki không mời khách ngồi mà tự chàng đứng dậy. Câu chuyện giữa hai

người tiếp tục bằng tiếng Ý.

- Tôi là một nghệ sĩ người Nêapôn, - người lạ nói, - hoàn cảnh bắt buộc tôi phải lìa bỏ quê hương; tôi đến nước Nga, hy vọng dùng tài năng để sinh sống.

Tsarxki nghĩ bụng chắc anh chàng người Ý này định biểu diễn mấy buổi hoà nhạc và đang đi từng nhà để bán vé. Chàng đã toan tổng khứ số tiền hai mươi lăm rúp còn lại cho anh ta để anh ta đi cho khuất mắt, nhưng người lạ đã nói thêm:

- Thưa *Signor*, tôi hy vọng rằng ngài sẽ vui lòng giúp đỡ một người bạn đồng nghiệp và giới thiệu tôi với những nơi mà bản thân ngài có quen biết và thường lui tới.

Không có gì có thể xúc phạm đến lòng tự ái của Tsarxki hơn thế nữa. Chàng vênh mặt kiêu hãnh nhìn cái con người đã có gan dám gọi chàng là bạn đồng nghiệp của mình.

- Xin hỏi ngài là ai và ngài cho tôi là người như thế nào? – Tsarxki hỏi, bấy giờ chàng phải cố gắng lắm mới kìm nổi lòng công phẫn.

Người lạ để ý thấy vẻ bức bối của chàng. Hắn lúng túng đáp:

- *Signor, ho creduto... ho sentito... la vostra Eccellenza mi perdonera...\*\*\** -

Ngài cần hỏi việc gì? – Tsarxki hỏi lại, giọng rất xẵng.

- Tôi đã được nghe nói rất nhiều về tài năng trác việt của ngài, - khách đáp, - tôi tin chắc rằng các bậc quyền quý ở đây thế nào cũng hết sức che chở cho một nhà thơ lỗi lạc như ngài, vì vậy cho nên tôi đánh bạo đến xin ra mắt ngài...

Tsarxki ngắt lời khách:

- Thưa *Signor*, ngài làm rồi. Ở nước chúng tôi không có cái danh hiệu thi sĩ. Các nhà thơ của chúng tôi không hề được các bậc quyền quý che chở; các nhà thơ của chúng tôi tự mình làm chủ lấy mình, và nếu như các

Métxenát(3) của chúng tôi (quý bắt họ đi cho rảnh) không biết điều đó thì mặc kệ họ. Ở nước chúng tôi không có những cha cố rách rưới mà một nhạc sĩ có thể nhặt ở ngoài đường để soạn cho mình một cốt vở nhạc kịch. Ở nước chúng tôi các nhà thơ không đi lang thang từ nhà này sang nhà khác để tìm xin người ta giúp đỡ. Chắc người ta nói đùa với ngài rằng tôi là một nhà thơ đại tài chứ gì? Quả tình hồi trước tôi cũng có viết một vài bài thơ trào phúng rất dở, nhưng nhờ trời, tôi không có gì dính dáng đến các ngài thi sĩ và tôi không hề có ý muốn dính dáng tới họ một mảy may nào.

Người Ý đáng thương đâm lúng túng. Anh ta đưa mắt nhìn quanh. Những bức tranh, những bức tượng bằng cẩm thạch, bằng đồng đen, những thứ đồ chơi đắt tiền bày trên những chiếc giá kiêu gô-tích khiến cho anh ta bối rối thêm. Người lạ hiểu rằng giữa chàng *dandy*\*\*\*\* kiêu căng mặc áo choàng lụa Tàu thêu kim tuyến, thắt khăn san vóc Thổ Nhĩ Kỳ, đội mũ chụp gấm có tua đang đứng trước mặt anh ta, một nghệ sĩ nghèo đi tha phương cầu thực, cổ thắt cra-vát cũ sòn, mình mặc chiếc áo lễ bạc thếch, không hề có gì giống nhau cả. Khách bèn lắp bắp vài câu xin lỗi vô nghĩa, cúi chào và toan lui ra. Cái vẻ lủi thủi tội nghiệp của anh ta làm cho Tsarxki mũi lòng thương hại: mặc dù tính tình có phần nhỏ nhen, nhưng Tsarxki cũng không phải không có một tấm lòng cao thượng biết thương người. Chàng thấy hổ thẹn về cái tính tự ái quá dễ phát bần của mình.

- Ông đi đâu thế? – Tsarxki hỏi khách. – Ông đợi một tí... Vừa rồi tôi chỉ muốn từ chối một danh hiệu mà tôi không đáng được nhận và thú nhận với ông rằng tôi không phải là một nhà thơ, chỉ có thế. Nào bây giờ ta nói chuyện về công việc của ông. Tôi rất sẵn sàng giúp đỡ ông, nếu là những việc tôi có thể làm được. Ông là nhạc sĩ, có phải không?

- *Eccellenza*\*\*\*\*\*, không ạ, - người Ý đáp, - tôi chỉ là một người làm thơ ứng tác thôi ạ.

- Làm thơ ứng tác? – Tsarxki thốt lên, bây giờ chàng đã thấy rõ tất cả cái tàn nhẫn của thái độ mình lúc nãy. - Tại sao ông không nói từ đầu, rằng ông là một nhà thơ ứng tác? – Và Tsarxki siết chặt tay khách, lòng thành thật hối hận.

Thái độ vồn vã của chàng làm cho người Ý vững dạ. Anh ta liền thật thà trình bày cho Tsarxki nghe những dự định của mình. Tương mạo của anh ta không có gì hấp dẫn; mà nay thì cần tiền; anh ta hy vọng rằng sang Nga may ra có thể kiếm được ít nhiều để gia đình đỡ túng bấn. Tsarxki chăm chú nghe anh nói. Chàng bảo người nghệ sĩ nghèo:

- Tôi hy vọng rằng ông sẽ thành công: công chúng ở đây chưa bao giờ được nghe một nhà thơ ứng tác. Lòng hiếu kỳ sẽ được kích thích rất mạnh; sự thật thì ở đây ít người biết tiếng Ý, họ sẽ không hiểu được lời thơ của ông cho lắm; nhưng cũng chẳng sao cả; cái chính là làm sao để ông trở thành một người thời thượng.

Nhà thơ ứng tác suy nghĩ một lát, rồi nói:

- Nhưng nếu ở đây không ai hiểu tiếng Ý thì ai người ta đến nghe tôi làm gì?

- Ông đừng sợ, thế mà họ cứ đến đấy; người thì đến vì tò mò, người thì đến để giết thì giờ, lại có người đến để tỏ ra rằng ta cũng biết tiếng Ý; tôi đã bảo là chỉ cần làm sao ông trở thành một người thời thượng thôi; mà ông thế nào cũng trở thành một người thời thượng, tôi xin cam đoan như vậy.

Sau khi ghi lại địa chỉ của nhà thơ ứng tác, Tsarxki thân ái chia tay với anh ta, và ngay chiều hôm đó chàng bắt tay lo liệu cho anh ta.

\*- Ông ấy là như thế nào?

- Ô, đó là một người rất tài hoa, với giọng nói của mình, ông ấy muốn làm cái gì cũng được.

– Thưa bà, nếu vậy thì ông ấy phải đem giọng nói làm quần mà mặc mới



phải - tiếng Pháp.(1)

*\*\*Thưa ngài, xin ngài thứ lỗi.... - tiếng Ý.*

*\*\*\*Thưa ngài, tôi tưởng... tôi thấy... mong ngài thứ lỗi... - tiếng Ý.*

*\*\*\*\*Người thích ăn diện, công tử bột - tiếng Anh.*

*\*\*\*\*\*Thưa ngài - tiếng Ý.*

## **Đêm Ai Cập**

**Dịch giả : Thủy Nguyên**

### **Chương 2**

**Ta là vua, ta là nô lệ**

**Ta là sâu bọ, ta là thánh thần**

#### ***Dergiavin*(4)**

Ngày hôm sau Tsarxki đi vào dãy hành lang tối tăm và bẩn thỉu của một quán trọ tìm phòng số 35. Chàng dừng lại trước cửa phòng và đưa tay gõ mấy tiếng. Người Ý hôm qua ra mở cửa.

- Đại thắng lợi! – Tsarxki nói. – Công việc của ông ổn lắm rồi. Công tước phu nhân X. cho ông mượn phòng đây; hôm qua trong một buổi dạ hội tôi đã rủ được nửa thành Pêterburg rồi đấy. Ông cho in vé và quảng cáo đi. Tôi xin cam đoan với ông là nếu không thành công chẳng nữa, thì cũng thu được một số tiền kha khá...

- Mà đó mới là cái chính! - người Ý kêu to, đồng thời biểu lộ nỗi vui mừng bằng những cử chỉ khoa chân múa tay thường thấy ở những người quê hương Nam. – Tôi biết rằng thế nào ông cũng giúp tôi mà. *Corpo di Baccio!*\* Ông cũng như tôi, đều là nhà thơ cả; người ta nói thế nào thì nói, chứ đã là thi sĩ thì thế nào cũng là người tốt! Tôi biết lấy gì để cảm ơn ông đây? Xem nào... hay tôi ứng tác cho ông nghe một bài nhé?

- Ứng tác à?... Chả nhẽ ông có thể ứng tác mà không cần có công chúng, không cần âm nhạc, không cần tiếng vỗ tay?

- Cần gì, cần gì! Tìm đâu ra một công chúng tốt hơn nữa? Ông là nhà thơ, ông sẽ hiểu tôi hơn họ nhiều, và sự tán thưởng im lặng của ông đối với tôi còn quý gấp mấy những tràng vỗ tay ầm ĩ của họ... Ông ngồi tạm đâu đấy và ra đề cho tôi đi.

Tsarxki ngồi lên một chiếc va-li (trong căn phòng chật hẹp có được hai cái ghế, thì một chiếc bị gãy, còn chiếc kia thì chất đầy giấy má và áo quần).

Nhà thơ ứng tác với lấy cây đàn ghi –ta để trên bàn và đứng trước mặt Tsarxki đưa mấy ngón tay xương xẩu dạo qua vài nốt đờ chàng ra đề.

Tsarxki nói:

- Đây, ông thử làm đề này: nhà thơ tự chọn lấy đối tượng sáng tác; đám đông

không có quyền chi phối cảm hứng của thi sỹ.

Mắt người Ý sáng lên, anh ta dạo qua vài hợp âm, kiêu hãnh ngẩng đầu lên, và những thi tiết nồng nhiệt, thể hiện một cảm xúc tức thì, nhịp nhàng tuôn ra trên đôi môi của thi sỹ... Tsarxki nhớ thuộc lòng bài thơ đó. Một người bạn của chàng có ghi lại và chuyển cho tôi. Bài thơ như sau:

*Thi sỹ đi, tròn đôi mắt mở,  
Nhưng mắt chàng nào có thấy chi;  
Một người qua giữa đường đi  
Dừng chân kéo áo thâm thì hỏi han...  
Sao chàng cứ lang thang thơ thẩn,  
Thả mặc dòng nước vẫn trôi xuôi?  
Bước lên tới chốn cao rồi,  
Mắt đà trông xuống vội rời chân đi.  
Anh sống thế ích gì anh hỡi  
Trông cuộc đời u tối mù sương;  
Để thân mệt mỏi chán chường,  
Vì bầu máu nóng dễ thường tới đâu.  
Kìa vật mọn ai nào tưởng tới  
Cũng làm anh bối rối lòng say;  
Thiên tài phải vút lên mây  
Cánh nhà thơ phải tung bay giữa trời.  
Dây đàn phải lựa lời say đắm,  
Ca bao tình bay bổng chàng ơi!  
- Vì sao gió chẳng lên trời  
Quay cuồng gió chẳng chịu rời khe sâu?  
Tung ngọn lá lên cao, cao mãi  
Cuốn bụi mù bay lại bay qua?  
Khi trên nước biếc bao la  
Con thuyền khát gió nơi xa đợi chờ.  
Vì sao tự lũng mờ sương ấy,  
Băng tháp cao tung dậy trời mây,  
Đại bàng rải cánh đang bay  
Sà chân đậu xuống mảnh cây cỗi còm*

*Sao Dexđêmôna(5) đẹp thế  
Lại yêu chàng tráng sỹ da đen  
Như vàng trắng sáng điểm huyền  
Sao yêu bóng tối trời đêm mịt mù.  
Vị ngọn gió cùng chim bằng ấy  
Vội nổi lòng cô gái đang xuân  
Luật nào ép nổi mà tuân  
Và lòng thi sỹ ví bằng thế thôi.  
Như ngọn gió những người thi sỹ  
Cuốn về đây mặc ý riêng lòng.  
Cao bay như cánh đại bàng  
Và không bận hỏi lòng nàng yêu ai.*

Người Ý ngừng ngâm... Tsarxki lặng thinh, ngạc nhiên và xúc động. Nhà thơ ứng tác hỏi:

- Sao, ông thấy thế nào?

Tsarxki nắm lấy tay anh ta và siết thật chặt.

- Thế nào ông? - người Ý lại hỏi. – Có được không?

Nhà thơ đáp:

- Thật là kỳ diệu. Một ý nghĩ của người khác vừa mới thoáng qua tai ông mà đã vụt trở thành vật sở hữu của ông, tưởng chừng như ông đã từ lâu ôm ấp, phát triển nó không ngừng. Vậy ra ông không hề thấy khó khăn, thấy ngượng lạnh, cũng không hề có cái tâm trạng bứt rứt bất an thường thấy trước những phút cảm hứng?... Kỳ diệu, thật là kỳ diệu!...

Nhà thơ ứng tác đáp:

- Tài năng là một cái gì thật khó hiểu. Làm sao chỉ trông thấy một khối đá cẩm thạch sù sì nhà điêu khắc lại có thể thấy rõ hình thần Giupite để rồi dùng búa và đục mà đưa cái hình thù ấy ra ánh sáng? Tại sao một ý nghĩ khi từ trong óc nhà thơ tuôn ra đã được vũ trang bằng bốn âm vận và phân bố thành những câu đều đặn nhịp nhàng? Nghề làm thơ ứng tác cũng vậy, ngoài bản thân người ứng tác nhạy bén, cái liên hệ chặt chẽ giữa nguồn cảm hứng riêng của mình với cái ý chí bên ngoài của một người khác – tôi có giảng giải cho ông nghe cũng vô ích thôi. Nhưng... bây giờ cần phải nghĩ đến buổi ra mắt đầu tiên của tôi trước công chúng mới được. Ông thấy thế nào? Nên định giá vé là bao nhiêu, để cho công chúng khỏi kêu đắt và đồng thời để tôi cũng không đến nỗi thiệt thòi? Nghe nói là *la signora Catalani*(6) lấy 25 rúp một vé thì phải? Giá ấy được đấy ông nhỉ...

Phải từ những đỉnh núi cao vòi vọi của thi ca tụt xuống cái quây đềm tiền như vậy, Tsarxki rất lấy làm khó chịu, nhưng chàng cũng hiểu rõ nhu cầu

sinh sống của anh bạn và đành bắt tay vào những cuộc tính toán tiền nong với anh chàng thi sỹ người Ý. Trong dịp này nhà thơ ửng tác tỏ rõ một lòng thèm khát tiền bạc say sưa, đến nỗi Tsarxki đâm bực mình, và chàng vội vàng từ giã người Ý, để khỏi mất hẳn cái cảm giác mền phục mà nhà thơ ửng tác đã gây ra trong lòng chàng. Nhà thơ Ý đang mải tính toán, nên không để ý thấy sự thay đổi này. Anh ta tiễn Tsarxki ra hành lang, cúi chào chàng rất kính cẩn và quả quyết với Tsarxki rằng sẽ đời đời nhớ ơn chàng.

*\*Quý tha ma bắt! - tiếng Ý*

## **Đêm Ai Cập**

**Dịch giả : Thủy Nguyên**

### **Chương 3**

**Giá vé 10 rúp; mở màn lúc 7 giờ.**

#### ***Tờ quảng cáo***

Gian phòng của công tước phu nhân X. được dành cho cuộc biểu diễn của nhà thơ ứng tác. Người ta đã dựng lên một cái bục. Ghế ngồi được xếp thành mười hai hàng. Đến ngày đã định, đúng bảy giờ tối, gian phòng thấp đèn sáng trưng. Trước cửa đặt một cái bàn con có một người đàn bà mũi dài ngồi bán vé, đầu đội mũ dạ màu xám có cắm những chiếc lông chim gáy xơ xác, tay đeo dây nhẫn. Ngoài cổng có mấy viên cảnh binh đứng. Công chúng bắt đầu lục tục kéo đến. Tsarxki là một trong những người đến sớm nhất. Chàng rất thiết tha với buổi biểu diễn và muốn gặp nhà thơ ứng tác để hỏi xem chàng ta đã hài lòng về những việc tổ chức trang trí chưa. Tsarxki gặp nhà thơ người Ý đang sốt ruột ngồi nhìn đồng hồ trong gian phòng bên; người Ý ăn mặc như một diễn viên trên sân khấu. Chàng ta vận toàn màu đen từ đầu đến chân. Cái cổ sơ-mi thêu đăng ten để hở ra, và màu da trắng bệch trên cổ tương phản một cách kỳ dị với bộ râu đen rậm rạp. Mái tóc nhà thơ rủ xuống từng chùm viền lấy vàng trán và đôi lông mày. Những thứ đó không làm cho Tsarxki vừa lòng lắm: chàng thấy khó chịu khi thấy một nhà thơ mà lại ăn mặc như một thằng hề như vậy. Tsarxki hỏi thăm anh ta dăm ba câu và ra ngồi ở phòng ngoài. Bảy giờ công chúng đến mỗi lúc một đông.

Chẳng bao lâu các dãy ghế bành đã chật những khách nữ giới ăn mặc cực kỳ sang trọng. Nam giới thì đứng vòng quanh thành một cái khung chật ở cạnh bục, dọc hai bên tường và sau hàng ghế cuối cùng. Các nhạc công đặt giá nhạc và ngồi ở hai bên bục. Ở giữa, trên một chiếc bàn có đặt một cái bình sứ. Công chúng đến rất đông. Mọi người đều nóng lòng chờ buổi biểu diễn bắt đầu. Cuối cùng đến bảy giờ rưỡi các nhạc công rục rịch soạn sửa, rồi bắt đầu chơi đoạn nhạc mở màn của vở Tăngkrét(7). Mọi người đều ngồi vào chỗ và im lặng. Những phách cuối cùng của đoạn nhạc mở màn đã cử xong... Nhà thơ ứng tác bước ra, tiếng vỗ tay từ bốn phía nổi lên vang dội. Người Ý vừa cúi chào, vừa đi ra đến tận ngoài lề cái bục.

Tsarxki sốt ruột chờ xem cái phút đầu này gây một ấn tượng như thế nào, nhưng chàng để ý thấy rằng cách phục sức của người Ý mà chàng thấy khó chịu, lại không hề gây nên trong công chúng một ấn tượng như thế. Ngay bản thân chàng cũng không thấy anh ta có gì buồn cười khi trông thấy anh ta

ở trên bục, khuôn mặt tái xanh, dưới ánh sáng rực rỡ của cây đèn treo và đèn nền. Tiếng vỗ tay đã ngớt, tiếng nói chuyện im hẳn... Người Ý dùng một thứ tiếng Pháp lơ lớ thỉnh cầu các quý khách ra cho một số đề, vị nào ra đề sẽ viết nó vào một mảnh giấy riêng. Trước lời thỉnh cầu đột ngột đó mọi người đều im lặng đưa mắt nhìn nhau, chẳng ai đáp lại lấy một lời. Người Ý đứng đợi một lát, rồi nhắc lại lời thỉnh cầu lúc này với một giọng rụt rè, nhỏ nhẹ. Tsarxki bấy giờ đứng ngay ở bên cạnh bục. Chàng bắt đầu thấy lo lắng bứt rứt; chàng thấy trước rằng không có chàng thì e việc này không xong, và thế nào rồi chàng cũng phải viết đầu đề của mình ra. Quả nhiên mấy cái đầu phụ nữ đã quay sang phía chàng và bắt đầu cất tiếng gọi chàng, lúc đầu họ còn gọi khe khẽ, sau càng ngày càng to dần. Nghe tên Tsarxki, nhà thơ ứng tác liền đưa mắt tìm chàng ở phía dưới chân mình, rồi trao cho chàng một cây bút chì và mảnh giấy, miệng mỉm cười thân ái. Phải đóng một vai trò trong tấn hài kịch này, Tsarxki rất khó chịu, nhưng bây giờ không còn biết làm thế nào nữa; chàng cầm lấy cây bút chì và mảnh giấy trên tay người Ý viết mấy chữ vào đấy. Người Ý từ trên bục bước xuống, đến lấy cái bình để trên bàn đưa cho Tsarxki. Tsarxki bỏ mảnh giấy của mình vào bình. Guong của chàng có tác dụng ngay; hai nhà báo, với tư cách là những người hoạt động văn học, tự thấy có nhiệm vụ mỗi người viết một đề. Viên thư ký đại sứ quá Nêapôn và một chàng thanh niên vừa mới đi du lịch về và trí óc đang còn mơ tưởng thành Phlôrenxi cũng ra đề bỏ vào bình. Cuối cùng một cô con gái xấu xí, theo lệnh của bà mẹ, nước mắt lưng tròng, cũng viết mấy dòng bằng tiếng Ý và đổ mặt tía tai đưa cho nhà thơ ứng tác, trong khi các bà các cô khác nhìn cô ta, trên nét mặt thoáng vẻ giễu cợt. Trở về bục, nhà thơ ứng tác đặt chiếc bình lên bàn và bắt đầu lần lượt lấy mấy mảnh giấy ra đọc to từng mảnh một:

*Gia đình Tsentsi.*

*(La famiglia dei Cenci.)*

*L'ultimo giorno di Pompeia.*

*Cleopatra e i suoi amanti.*

*La primavera veduta da una prigioniera.*

*Il trionfo di Tasso.*

(Gia đình Tsentsi. – Ngày cuối cùng của thành Pômpei. – Clêôpatra và các tình nhân của bà ta. – Mùa xuân nhìn qua cửa ngục. Cuộc khai hoàn của Tasso - tiếng Ý)(8)

- Thưa quý vị, ý quý vị thế nào ạ! - người Ý rụt rè hỏi đám công chúng. – Bây giờ tôi tự chọn lấy một trong các đề tài đã ra hay cần phải bắt thăm đề quyết định ạ?

Trong đám đông có tiếng nói:

- Bắt thăm!

- Bắt thăm, bắt thăm! – công chúng lặp lại.

Nhà thơ ứng tác lại từ trên bục bước xuống, tay cầm chiếc bình, hỏi công chúng: - Vị nào vui lòng muốn rút thăm xem cần phải chọn đề nào đây ạ? – Nhà thơ ứng tác đưa mắt van lơn nhìn qua mấy dãy ghế trước. Trong số các cô các bà ăn mặc sang trọng ngồi ở đây không có ai nhúc nhích. Nhà thơ Ý chưa quen với cái vẻ lạnh nhạt của người phương Bắc nên hình như khổ tâm lắm... Chợt chàng ta trông thấy phía bên cạnh có một bàn tay nho nhỏ đi găng trắng giơ lên. Chàng háo hức quay sang phía đó và đến gần một thiếu nữ xinh đẹp ngồi một cách trang trọng ở cuối dãy ghế thứ hai. Cô thiếu nữ không chút ngượng nghịu thò bàn tay quý phái vào bình và, với cử chỉ hết sức tự nhiên đơn giản, rút ra một mảnh giấy.

Nhà thơ ứng tác bảo thiếu nữ:

- Xin cô làm ơn mở ra và đọc lên cho.

Cô thiếu nữ mở mảnh giấy ra và đọc:

- *Cleopatra e i suoi amanti.*

Cô thiếu nữ đọc rất khẽ, nhưng trong phòng bấy giờ im phăng phắc nên ai nấy đều nghe rõ mồn một. Nhà thơ ứng tác cúi mình rất thấp chào cô thiếu nữ, vẻ biết ơn sâu sắc, và trở về chiếc bục của mình, quay về phía công chúng nói:

- Thưa quý vị, như vậy là tôi phải ứng tác theo đề tài "Clêôpatora và các tình nhân của bà". Tôi xin trân trọng yêu cầu vị nào đã ra đề này cho biết rõ ý: vị đó muốn nói đến những người tình nào, *perché la grande regina n'aveva molto...* (vì vị nữ hoàng vốn có nhiều tình nhân lắm... – tiếng Ý)

Nghe nói đoạn nhiều vị khách nam giới cười rất to tiếng. Nhà thơ ứng tác hơi luống cuống. Chàng nói tiếp:

- Tôi muốn hỏi vị nào đã chọn đề tài này xem vị đó có ý ám chỉ cổ sự lịch sử nào... Nếu vị đó có lòng giải thích rõ, tôi xin cảm ơn vạn bội.

Không có ai chịu trả lời ngay cho. Một vài thiếu phụ nhìn sang phía người thiếu nữ xấu xí lúc nãy đã viết đề theo lệnh của bà mẹ. Người con gái đáng thương nhận thấy sự chú ý thiếu thiện cảm này và cảm thấy bối rối, đến nỗi nước mắt chảy ướt cả hàng mi... Tsarxki trông thấy thế không sao đành lòng được. Chàng quay sang phía nhà thơ ứng tác và nói với anh ta bằng tiếng Ý:

- Đề đó chính tôi ra. Tôi muốn nói đến một mẩu chuyện do Avrêlia

Víchto(9) kể lại. Theo câu chuyện này thì nữ hoàng Clêôpatora có lần đã định giá một đêm ân ái của mình là một mạng người, và đã có những người không thấy sợ hãi và ghê tởm trước điều kiện này... Nhưng tôi thấy hình như đề tài này hơi khó khăn một chút... có lẽ chọn một đề tài khác chẳng?...

Nhưng nhà thơ ứng tác đã bắt đầu cảm thấy hơi thở của thần thi ca... Chàng



ra hiệu cho các nhạc công bắt đầu cử nhạc. Sắc mặt chàng tái xanh đi một cách kinh khủng, chàng run lên như đang cơn sốt; mắt chàng sáng lên một tia lửa thần diệu; chàng lấy tay hất mái tóc đen nhánh, dùng khăn mùi – soa lau vầng trán cao lấm tấm mồ hôi... rồi bỗng bước tới trước, khoanh tay trước ngực thành hình chữ thập... Âm nhạc ngừng... Cuộc ứng tác bắt đầu.

*Lâu đài rực sáng. Tiếng đồng ca,  
Tiếng đàn ngân theo tiếng sáo chung hoà.  
Nữ hoàng đầy, mắt đưa cùng tiếng nói  
Làm tung bừng thêm tiệc lớn nguy nga;  
Những trãi tim vuron sát tới ngại vàng,  
Bỗng nữ hoàng nghiêng mái đầu diễm lệ  
Trên chén vàng, dáng trầm lặng nghĩ suy...*

*Và tiệc lớn huy hoàng như lặng thiếp ngay đi...  
Khách bật tiếng và im ngừng giọng hát.  
Nhưng nữ hoàng lại bừng vui khoé mắt,  
Ngẩng đầu lên đồng dục tiếng truyền đưa:  
- Được ái ân cùng ta là diễm phúc các người ư?  
Diễm phúc ấy các người mua được đấy!  
Hãy im lặng nghe lời ta phán dạy:  
Giữa chúng ta, ta muốn xoá rào ngăn,  
Ai sẽ cùng ta mua bán ái ân?  
Ái ân ấy phen này ta sẽ bán;  
Hãy nói đi ai là người sẽ dám  
Mua một đêm ân ái với riêng ta,  
Và trả bằng tính mệnh chẳng kêu ca!  
Nữ hoàng phán – và mọi người kinh hãi  
Và bao nhiêu trái tim rung vì lửa lòng rực cháy...  
Nàng lắng nghe: bỗng rồi tiếng thì thầm,  
Gương mặt lạnh lùng, ngạo nghễ đứng đưng,  
Và khinh khỉnh mắt đưa nhìn mọi kẻ  
Đang ước mơ mình mà nổi lòng không dám hé...  
Bỗng một người rẽ vội đám đông lên,  
Và tiếp bước là hai chàng khác nữa.  
Thế hiên ngang, mắt ngời như ánh lửa;  
Nàng đứng lên nghênh tiếp ba người  
Lòng thuận lòng ba tới trắng mua vui  
Và chặn gỏi côi âm đang dập dồn gọi họ.  
Và kìa trông các thầy phù thuỷ nọ*

Đã đốc bình định mệnh sẵn trong tay  
Trước mặt bao người đang lặng đứng nơi đây;  
Ba chiếc thăm định kẻ sau người trước.  
Và Phlavi là tên người thứ nhất,  
Đã lừng danh tay trắng sĩ can trường,  
Trong đoàn quân La Mã ruổi muôn phương;  
Từng dạn gót bàn chân nơi trận địa;  
Không chịu nổi nữ hoàng kia ngạo nghệ,  
Quá khinh người vênh váo kiu căng;  
Chàng nhận lời thách thức ái ân  
Như đã nhận, những ngày trên trận tuyến  
Lời thách thức bước vào huyết chiến.  
Tiếp theo chàng: vị hiền triết Critôn,  
Tuổi thiếu niên, nhưng tiếng đã vang đồn,  
Chàng sinh trưởng trong cánh rừng hút gió  
Của Épiqueya(10) và tôn thờ ngưỡng mộ  
Kiprida(11), Kharít(12) và Amua(13).  
Trông dáng chàng mắt ngắm thấy đều ưa,  
Như một đoá hoa xuân vừa hé nở.  
Người sau rớt, tên chẳng truyền trong sử,  
Trên má chàng mơn mớn chớm lông tơ,  
Trên mắt chàng lóng lánh ánh lửa say mơ,  
Và sức mạnh ái ân dường sóng bể  
Sôi sục dậy trong tim chàng son trẻ,  
Và nữ hoàng kinh ngạc ngược trông chàng.  
- Ôi! Nữ thần của lạc thú truy hoan,  
Ta nguyện sẽ cúi bên người phụng sự  
Như một kẻ trên đời chưa từng có  
Ta tới nơi như một kẻ nữ tỳ  
Trên gối chần của ân ái mê ly.  
Hãy nghe đây, hỡi nữ thần Kiprida,  
Các người nữa, hỡi các thần địa ngục,  
Hỡi các thần của Aít(14) hung tà!  
Ta nguyện thề đến tận sáng mai ra  
Cho đến phút bình minh bừng toả sáng,  
Ta nguyện quyết sẽ làm cho thoả mãn  
Những lòng người lửa dục đang bùng lên,  
Ta sẽ làm mê mẩn đến cuồng điên  
Những kẻ chiếm thân ta và sẽ làm sáng rõ  
Những bí quyết ái ân đã từng che giấu họ,

*Với khoái lạc thần tiên mãi nguyện tràn đầy.  
Nhưng hễ chúa bình minh vĩnh cửu đã vung tay  
Tung ánh sáng lên trời cao chói đỏ,  
Ta thề - dưới lưỡi đao thần đao phủ  
Đầu những người diễm phúc sẽ băng rơi.*

## Đêm Ai Cập

**Dịch giả : Thủy Nguyên**  
**Phụ Lục**

### Đêm Ai Cập

Thoạt đầu Puskin đặt tên cho truyện này là "Clêôpatora". Ông viết vào mùa thu năm 1835 ở Mikhailôpxkôie. Tác phẩm không được hoàn thành trọn vẹn. Có lẽ Puskin sử dụng trích đoạn trường ca bỏ dở "Êderxki" (1833) và bài thơ về Clêôpatora viết năm 1824 và được viết lại năm 1828 của mình đưa vào truyện làm lời ứng tác của nghệ sĩ Ý. Hình tượng nhà thơ ứng tác có thể có được do ấn tượng sau các buổi trình diễn của người Đức tên là Mắc Langhesvartxo đến nước Nga năm 1832. Người bạn gần gũi của Puskin, nhà thơ Ba Lan Adam Mitxkiêvich cũng có tài ứng tác thơ. Ở hình tượng Tsarxki, Puskin đưa vào một số nét tiểu sử của bản thân. Truyện "Đêm Ai Cập" lần đầu in sau khi nhà thơ đã qua đời, trong tạp chí "Người đương thời" (1837, t. VIII).

- 1) Đề từ này lấy ở "Tùng thư trò chơi chữ" (1771) của hầu tước Biovro.
- 2) Món kem sữa làm ở cửa hàng kẹo bánh của Rêdanốp ở Pêterburg.
- 3) Métxenát - người đỡ đầu khoa học và nghệ thuật; gọi theo tên một nhà quý tộc giàu có ở Rôm, nổi tiếng che chở các nhà thơ và họa sĩ.
- 4) Đề từ trích trong bài tụng ca "Thượng đế" (1784) của G. Đergiavin.
- 5) Đexdêmona - nữ nhân vật trong bi kịch "Ôtenlô" (1604) của U. Sêchxpia.
- 6) La singnora Catalani - bà Catalani Angiêlica (1780-1849) - nữ ca sĩ nổi tiếng người Ý, những năm 20 thế kỷ XIX sang biểu diễn ở Pêterburg.
- 7) "Tăngkrét" (1813) - nhạc kịch của nhạc sĩ Ý Gioakinô Rôxinhi (1792-1868) dựa trên cốt truyện bi kịch cùng tên của Vôn-te (1760). Được công diễn ở Pêterburg vào mùa biểu diễn năm 1834-1835.
- 8) Gia đình Tsentsi - một gia đình quyền quý ở La Mã. Năm 1598 các thành viên của gia đình này bị truy tố vì tội giết người cha của gia đình là Phrantsexcô Tsentxi. Cảnh sát của Giáo hoàng Klimen VIII dò la được rằng tham gia vào vụ giết người này có cô con gái của Phrantsexcô - cô Bêatoritsê xinh đẹp, em trai cô ta và dì ghẻ của họ, vợ Phrantsexcô là Lukrêtxia Pêtorônhi. Mặc dù toà án đã rõ ràng việc giết người có nguyên nhân là sự lăng nhục quá đáng của gã Phrantsexcô truy lạc và chuyên quyền đối với các thành viên trong gia đình, nhưng các bị cáo vẫn bị kết án tử hình. Thái độ kiên quyết của Bêatoritsê thể hiện trong khi bị tra tấn và lúc lên đoạn đầu đài đã khiến cho mọi người thương cảm. Lịch sử gia đình Tsentsi là cơ sở cho một loạt tác phẩm văn học.

*Ngày cuối cùng của thành Pômpêi. - Chủ đề để ứng tác thơ có lẽ được gợi ra bởi bức tranh của Căclơ Pêtorôvích Briulốp (1799-1852) được trưng bày ở Pêterburg năm 1834 và gây tiếng vang lớn trong dư luận.*

*Clêôpatora và các tình nhân của bà. – Clêôpatora (69-30 trước công nguyên) - nữ hoàng cuối cùng của Ai Cập. Triều đại của bà ta trùng với giai đoạn Ai Cập bị La Mã chinh phục. Nhằm giữ được quyền binh trong tay mình, Clêôpatora đã gán bó số phận của mình khi thì với Xêda, lúc thì với Măccơ Antôni (thống lĩnh quân đội La Mã đã chạy sang Ai Cập). Khi Măccơ Antôni bị Ôctavian đánh bại, Clêôpatora đã uống thuốc độc tự tử, và Ai Cập bị sáp nhập với La Mã. Clêôpatora nổi tiếng vì trí thông minh, vì sắc đẹp hiếm có, vì tri thức và thói truy lạc. Hình tượng Clêôpatora và số phận của bà ta là đề tài của nhiều tác phẩm văn học.*

*Mùa xuân nhìn qua cửa ngục. – Đề tài có lẽ được gợi ra bởi chi tiết trong cuốn sách nổi tiếng lúc đó của nhà văn và nhà hoạt động chính trị Ý Xinviô Penlicô (189-1854) "Những nhà ngục của tôi" (1832)*

*Cuộc khai hoàn của Tasso. - Tôcvatô Tasso (1544-1595) – nhà thơ Ý nổi tiếng thời Phục Hưng. Sống dưới triều quận công Phêraroxki Anphôngxơ II. Do những mưu toan thoán đoạt trong cung đình nên bị giam vào ngục, đến cuối đời vẫn bị truy nã và bị chết trong nhà tù ít lâu trước khi được vòng nguyệt quế ở Kapitôlia. Về đề tài này K.N. Bachiuskốp (1787-1855) đã viết bản sôca "Tasso hấp hối" (1817).*

*9) Ý nói tình tiết trong cuốn sách "Về những con người danh tiếng của thành La Mã" mà người ta cho là của nhà văn và nhà sử học La Mã cổ đại Xêchxtơ Avrêlia Víchto (thế kỷ IV sau công nguyên).*

*10) Êpiquya - triết gia duy vật cổ Hy Lạp thế kỷ IV-III trước công nguyên, cho rằng mục đích cuộc sống là hưởng khoái lạc.*

*11) Kipriđa – tên gọi nữ thần tình yêu của người Hy Lạp cổ đại.*

*12) Kharít – trong thần thoại cổ Hy Lạp thì ba chị em nữ thần tượng trưng cho sự duyên dáng và lời cuốn.*

*13) Amua – thần tình yêu của người La Mã cổ đại. Được thể hiện qua hình hài một chú bé trần truồng có đôi cánh sau lưng và bộ cung tên.*

*14) Aít – theo thần thoại cổ Hy Lạp, đó là thần của âm phủ và của vương quốc các người chết.*

*Thủy Nguyên dịch*

---

Nguồn: huytran

Người đăng: NHDT

Thời gian: 29/11/2006 9:35:30 SA



## Alexander Pushkin

### Người Chủ Hiệu Quan Tài

Dịch giả : Đỗ Hồng Chung

Những đồ vật vĩnh cuối cùng của bác chủ hiệu quan tài Adrian Prôkhôrôp đã chất đầy trên chiếc xe đòn và cặp ngựa gầy còm ịch kéo lê chuyển xe thứ tư từ phố Baxmannaia sang phố Nikitxcaia(1), nơi bác chủ hiệu quan tài mới dọn nhà đến. Bác đóng cửa hiệu xong, dán lên cửa một tờ yết thị nói rõ nhà bán và cho thuê, rồi đi bộ về nhà mới. Đi gần đến ngôi nhà nhỏ màu vàng từ lâu lôi cuốn trí tưởng tượng của bác và cuối cùng thì bác đã tậu được với một món tiền khá lớn bác chủ hiệu già ngạc nhiên khi thấy lòng mình lại không vui. Bước qua ngưỡng cửa còn lạ lẫm đi vào nơi ở mới bác thấy ngay cảnh lộn xộn, bác lại tiếc căn nhà cũ nát bác ở mười tám năm, mọi thứ vẫn xếp đặt theo một trật tự nghiêm ngặt nhất. Bác mắng hai cô con gái và chị đầy tớ vì họ chậm chạp, bác bắt tay vào làm giúp họ. Chẳng mấy chốc mọi thứ đã xếp đặt đâu ra đấy, tủ bày tượng thánh, tủ chén bát, bàn, đi văng và giường đã kê vào những góc nhất định ở phòng trong, còn ở bếp và ở phòng khách xếp sản phẩm của chủ nhân là những quan tài đủ màu sắc, đủ các cỡ, và kê những tủ đựng mũ áo tang và những cây đuốc. Trên cửa hàng có treo râm biển vẽ thần ái tình béo tốt, tay cầm cây đuốc chúc ngược xuống (2) và có đề dòng chữ: “Ở đây bán và bọc quan tài mộc và quan tài sơn, cũng cho

thuê và sửa chữa cái cũ”.(3) Các cô gái đã về phòng riêng. Adrian dạo quanh nhà rồi đến ngồi bên cửa sổ và sai đặt ấm xamôva.

Độc giả có học đều biết rằng Sêcxpia và Oantơ Xcôt đều tả những phu đào huyệt là những người vui tính, thích bông đùa, định dùng sự tương phản ấy tác động mạnh mẽ hơn vào trí tưởng tượng của chúng ta. Vì tôn trọng sự thật chúng tôi không thể noi gương các vị đó được mà bắt buộc phải thừa nhận rằng tính tình bác chủ hiệu quan tài của chúng ta hoàn toàn phù hợp với cái nghề rầu rĩ của bác ấy. Adrian Prôkhôrốp thường hay buồn phiền và tư lự. Bác chỉ lên tiếng hoặc quở mắng mấy cô con gái khi bác bắt được họ trong lúc rỗi rãi đang tò mò nhìn khách qua đường bên ngoài cửa sổ, hoặc để đòi tăng giá hàng của mình với những người bất hạnh (hoặc có khi vui mừng) cần đến thứ hàng ấy. Vậy là Adrian ngồi bên cửa sổ đã uống đến chén trà thứ bảy và vẫn như thường lệ đang chìm đắm với những ý nghĩ buồn rầu của mình. Bác nhớ đến trận mưa rào cách đây một tuần lễ đã đổ xuống đám tang viên chuẩn tướng về hưu ngay chỗ trạm kiểm soát. Nước mưa làm cho nhiều áo tang nhăn nhúm, nhiều mũ tang cong vênh. Bác nhìn thấy trước những khoản chi không sao tránh khỏi vì những áo mũ tang lễ dự trữ lâu ngày của bác đã ở trong tình trạng thảm hại. Bác hy vọng bù lại chỗ thiệt hại nhờ vào mục nhà buôn già Toriukhina, mục này ốm nằm gần một năm nay chỉ còn chờ chết. Nhưng mục Toriukhina sẽ chết ở Radogulai (4) và Prôkhôrốp lo rằng những kẻ thừa kế gia tài của mục mặc dầu đã hứa hẹn nhưng sẽ ngại đi xa như thế này để tìm bác và họ sẽ thuê ngay nhà thầu ở gần đó.

Bỗng nhiên ba tiếng gõ cửa theo kiểu hội Tam điểm (5) vang lên làm gián đoạn những suy nghĩ của bác, “Ai đó?”-bác chủ hiệu quan tài hỏi. Cửa mở, một người bước vào, chỉ mới thoáng nhìn cũng nhận ra bác thợ thủ công người Đức. Bác ta vui vẻ đến bên bác chủ hiệu quan tài: “Xin lỗi bác láng giềng thân mến,-bác ta nói thứ tiếng Nga mà cho đến nay ai nghe cũng phải



bật cười,- xin lỗi, tôi làm phiền bác...tôi nóng lòng muốn làm quen với bác. Tôi là thợ giày, tên là Gôtlip Sunso, tôi ở bên kia đường, ngôi nhà nhỏ kia kia, đối diện với cửa sổ nhà bác. Ngày mai tôi làm lễ mừng đám cưới bác (6), xin mời bác và hai cô sang nhà tôi dự bữa thân mật”. Lời mời được tiếp nhận vui vẻ. Bác chủ hiệu quan tài mời bác thợ giày ngồi chơi uống nước, nhờ tính tình cởi mở của Gôtlip Sunso nên chẳng mấy chốc họ đã chuyển trò thân mật.”Bác buôn bán ra sao?”-Adrian hỏi. “Chà chà,-Sunso đáp,-cũng tạm tạm. Chẳng có điều gì phàn nàn! Nhưng cố nhiên là hàng của tôi không bì với hàng của bác được, người sống không có giày đi thì cũng chẳng sao, chứ người chết thiếu quan tài là không được”. “Hiển nhiên là như vậy,- Adrian nói,- nói bác bỏ quá, người sống không có tiền mua giày thì họ đi chân đất vậy, chứ người chết có khố cùng đi nữa cũng được người ta cho một chiếc quan tài”. Cứ đà ấy câu chuyện của họ kéo dài thêm hồi lâu nữa, cuối cùng bác thợ giày đứng dậy, chia tay bác chủ hiệu quan tài và nhắc lại lời mời.

Ngày hôm sau đúng mười hai giờ trưa bác chủ hiệu quan tài và hai cô gái bước ra khỏi cửa ngôi nhà mới tậu và đi sang nhà láng giềng. Tôi sẽ không miêu tả chiếc áo caphotan Nga của Adrian Prôkhôrôp và trang phục kiểu Âu của cô Aculina và cô Darya, vậy là tôi đã vi phạm một thói quen của các tiểu thuyết gia thời nay. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng sẽ không thừa nếu nói rằng hai cô gái đều đội mũ màu vàng và đi giày màu đỏ là những thứ hai cô chỉ dùng trong những dịp long trọng mà thôi.

Căn hộ chật hẹp của bác thợ giày đã đầy khách, phần đông là thợ thủ công người Đức cùng với vợ họ và những thợ phụ. Trong số các viên chức người Nga thì chỉ có viên cảnh sát coi trạm kiểm soát vốn người Phần Lan tên là Iurocô, mặc dầu chức tước nhỏ mọn vẫn được chủ nhân đón tiếp đặc biệt. Hai mươi lăm năm nay với chức tước ấy bác đã một lòng một dạ phục vụ,

giống như bác phu trạm của Pogôrenxki(7). Khói lửa năm mươi hai(8) đã thiêu hủy cố đô(9) và triệt hạ cả cái trạm gác màu vàng của bác. Nhưng liền ngay sau khi quét sạch kẻ thù, trên địa điểm cũ lại xuất hiện một trạm gác mới màu xám với những cây cột trắng theo kiểu kiến trúc Hy Lạp cổ và Iurocô lại đi đi lại lại cạnh trạm ấy, tay cầm ngọn giáo, mình mặc áo giáp. Phần lớn người Đức sống gần cửa ô Nikitxki đều quen biết bác, một số người thậm chí còn nghỉ đêm lại ở nhà bác từ tối chủ nhật đến sáng thứ hai. Adrian làm quen ngay với bác vì bác là người mà sớm hay muộn rồi cũng có lúc phải cần đến, và khi khách ngồi vào bàn ăn thì hai người đã ngồi cạnh nhau. Ông bà Sunsơ và cô con gái của ông bà là cô Lôtkhen mười bảy tuổi, cùng dự tiệc với khách, họ vừa tiếp khách vừa giúp chị bếp phục vụ. Bia rót tràn trề, Iurocô ăn bằng bốn người; Adrian cũng không chịu thua nhưng hai cô con gái của bác thì e lệ giữ gìn. Chuyện trò bằng tiếng Đức mỗi lúc càng thêm ồn ào. Đột nhiên chủ nhân đề nghị mọi người chú ý lắng nghe và vừa mở nút một chai rượu gần xi vừa nói to bằng tiếng Nga "Chúc sức khỏe Luyda hiền dịu của tôi!". Rượu trào bọt. Chủ nhân âu yếm hôn lên khuôn mặt tươi cười của bà vợ bốn mươi tuổi và khách khứa lại ồn ào uống mừng sức khỏe bà Luyda hiền dịu. "Chúc sức khỏe các vị khách quý mến của tôi!"-Chủ nhân nói và mở tiếp chai rượu thứ hai. Các vị khách cảm tạ chủ nhân và lại cạn cốc lần nữa. Thế là bắt đầu chúc sức khỏe lần lượt không dứt: uống chúc sức khỏe từng người riêng biệt, uống chúc sức khỏe thành phố Maxcova và cả một tá thành phố nhỏ ở Đức, uống chúc sức khỏe tất cả các phường hội nói chung, và từng phường hội nói riêng, uống chúc sức khỏe các thợ cả và các thợ phụ. Adrian uống nhiều và vui vẻ cuồng nhiệt cũng đề nghị nâng cốc chúc một câu bông đùa. Bỗng dưng một người trong đám khách là bác hàng bánh mì to béo nâng cốc lên và nói to: "Chúc sức khỏe tất cả những người mà chúng ta làm việc vì họ, unserer Kundleute(10)". Lời đề nghị này cũng

như mọi lời đề nghị khác đều được hưởng ứng vui vẻ và nhất trí. Các vị khách bắt đầu chúc lẫn nhau, bác thợ may chúc bác thợ giày, bác thợ giày chúc bác thợ may, bác hàng bánh mì chúc cả hai người, tất cả mọi người chúc bác hàng bánh mì và cứ thế tiếp diễn. Đang giữa lúc chúc tụng lẫn nhau như thế thì Iurocô quay sang ông bạn ngồi cạnh mà hét to: "Thế nào ông bạn, cũng phải uống chúc sức khỏe người chết của bác chứ". Mọi người cười phá lên, nhưng bác chủ hiệu quan tài phật lòng, và sa sầm nét mặt. Chẳng ai để ý thấy điều đó, khách khứa vẫn tiếp tục uống rượu, đến khi họ đứng dậy rời khỏi bàn ăn thì hồi chuông lễ chiều đã vang.

Khách khứa ra về thì lúc đó đã muộn và phần lớn đều chệnh choáng hơi men. Bác hàng bánh mì to béo và bác thợ đóng sách có khuôn mặt trông như một bìa da màu hồng khoác tay dùi Iurocô về trạm kiểm soát của bác đúng như câu tục ngữ Nga ơn đền ơn oán báo oán. Bác chủ hiệu quan tài về đến nhà vừa say vừa bực tức. "Thực ra là như thế nào, -bác to tiếng lý sự-nghe của mình không lương thiện bằng các nghề khác hay sao? Chẳng lẽ chủ hiệu quan tài là anh em của đao phủ à? Bọn ngoại bang ấy cười cái gì mới được? Chẳng lẽ chủ hiệu quan tài là thằng hề của ngày lễ Nôen chắc? Mình đã định mời bọn họ đến ăn mừng nhà mới, thết tiệc linh đình, nhưng đã vậy thì thôi. Mình sẽ mời những người mà mình làm việc vì họ, sẽ mời những người chết theo chính giáo-" Sao thế thưa ông?-chị đây tớ lúc đó đang cởi giày cho bác vội hỏi-Ông nói nhảm nhí gì vậy? Ông làm dấu đi đã! Mời người chết về ăn mừng nhà mới ư? Khiếp quá đi mất!" –"Thế đấy, tôi sẽ mời-Adrian nói tiếp-mà ngay ngày mai đây thôi! Xin mời các vị, những ân nhân của tôi, mời đến dự tiệc ở nhà tôi vào chiều ngày mai, nhà có gì tôi sẽ thết đãi tất". Nói xong bác chủ hiệu quan tài vào giường nằm và một lát sau đã ngáy vang.

Ngoài sân hãy còn tối mịt nhưng Adrian đã bị đánh thức dậy. Mụ lái buôn Toriukhina đã chết đúng hồi đêm vừa rồi và lão quản lý của mụ cho người

phi ngựa đến tìm Adrian báo tin này. Bác chủ hiệu quan tài đãi người báo tin mười côpéch uống rượu và vội vã mặc quần áo, thuê xe ngựa đi ngay đến Radogulai. Trước cửa nhà đám cảnh sát đã túc trực, bọn lái buôn như bầy quạ lượn đi lượn lại đánh hơi xác chết. Người chết nằm trên bàn, trông vàng như sáp nhưng chưa bốc mùi. Bà con, hàng xóm, người nhà xúm xít quanh người chết. Cửa sổ đều để ngỏ, nến thấp sáng trưng, các linh mục đang đọc kinh cầu nguyện. Adrian lại gần người cháu của Toriukhina, một chàng lái buôn trẻ tuổi, mặc chiếc áo lễ hợp thời trang, nói với chàng ta rằng quan tài, nến, vải phủ ngoài, và các đồ tang lễ khác sẽ đưa đến ngay, mọi cái đều hoàn hảo. Chàng trai thừa kế ấy lo lắng cảm ơn bác, còn về giá tiền thì không mặc cả, hoàn toàn để tùy lương tâm của bác. Bác chủ hiệu quan tài theo thói quen thề rằng sẽ không lấy thêm tiền và trao đổi với viên quản lý một cái nhìn đầy ý nghĩa rồi đi lo liệu công việc. Suốt cả một ngày, bác cứ xe đi xe về giữa Radogulai và cửa ô Nikitxki, mãi đến tối mọi việc mới ổn thỏa, bác đi bộ về nhà, không dùng xe ngựa nữa. Đêm sáng trăng. Bác chủ hiệu quan tài đi về đến cửa ô Nikitxki một cách yên ổn. Đến gần nhà thờ "Chúa thăng thiên" bác Iurocô quen biết của chúng ta cất tiếng hỏi, nhưng nhận ra bác chủ hiệu quan tài liền chúc bác ngủ ngon giấc. Đêm về khuya. Bác chủ hiệu quan tài về gần đến nhà thì bỗng dừng thấy hình như có ai đi lại cổng nhà bác, hắn ta mở cổng và lẩn biến vào trong-"Thế là thế nào nhỉ?-Adrian nghĩ-Ai lại có việc cần đến mình chẳng? Hay một tên trộm vào nhà mình khoắng cái gì? Hay bọn thanh niên tìm mấy con bé gốc nhà mình?Không hay rồi!" Bác chủ hiệu quan tài đã nghĩ đến việc kêu ông bạn Iurocô đến hộ một tay. Đúng lúc này lại có một người nữa đi lại gần cổng và sắp bước vào thì nhìn thấy chủ nhà đang chạy lại, liền dừng chân, ngả chiếc mũ ba góc ra chào. Adrian nhìn mặt người này thấy quen quen nhưng vì đang vội nên không kịp nhìn kỹ "Ông đến nhà tôi à,-Adrian vừa thở hắt hắt vừa nói-xin mời ông

vào chơi"- "Đừng khách sáo bác ạ,-người đó đáp giọng ồ ồ-mời bác đi trước dẫn đường cho khách!" Adrian chưa bao giờ khách sáo. Cửa đã mở, bác đi lên cầu thang và người đó đi theo bác. Adrian nghe như có tiếng nhiều người đi lại trong phòng...và ngay lúc đó đôi chân bác khụy xuống. Người chết đứng đầy cả phòng. Ánh trăng xuyên qua cửa sổ chiếu lên những bộ mặt vàng bệch và xanh nhợt của họ, những cái mồm sâu hóm, những đôi mắt đục ngầu hé mở và những cái mũi thò lòi ra...Adrian khiếp hãi nhận ra bọn họ là những người mà bác đã chăm chỉ chôn cất và vị khách vừa đi vào cùng với bác chính là viên chuẩn tướng bác đưa đi chôn cất hôm có trận mưa rào. Tất cả bọn họ, đàn bà cũng như đàn ông đều vây quanh bác chủ hiệu quan tài, chào hỏi và chúc mừng, trừ có một kẻ nghèo hèn vừa mới được chôn bỏ thì là không dám lại gần, ngượng ngùng xấu hổ vì ăn mặc rách rưới nên đành cứ đứng y nguyên trong góc phòng. Tất cả những người khác đều ăn mặc chỉnh tề: các bà đội mũ có giải, các ông quan chức mặc lễ phục nhưng râu ria không cạo, cánh lái buôn mặc áo caphotan ngày hội. "Bác thấy đấy, bác Prôkhôrốp,-viên chuẩn tướng nói, thay mặt cho tất cả đám người lương thiện,- tất cả chúng tôi đều trời dậy theo lời mời của bác; ở lại nhà chỉ còn những kẻ không thể nào đi được, những kẻ đã hoàn toàn bị hủy hoại, chỉ còn độc bộ xương không có da. Nhưng kìa, vẫn có một người không cảm lòng được đến vì anh ta muốn lại thăm bác quá mà..."Đúng lúc ấy một bộ xương nhỏ bé lách qua đám đông tiến lại gần Adrian. Cái đầu lâu của anh ta mỉm cười thân thiết với bác chủ hiệu quan tài. Những mảnh da nát xanh xanh, đỏ đỏ và những mảnh giẻ rách treo trên người anh ta như treo trên một cái sào, cặp xương chân va đập lộc cộc trong đôi ủng rộng như cặp chày khua trong cối. "Bác không nhận ra tôi à, bác Prôkhôrốp-bộ xương nói-bác không nhớ trung sĩ cận vệ hưu trí Piôt Pêtorôvit Curinkin, chính là người được bác bán cho chiếc quan tài đầu tiên vào năm 1799-chiếc quan tài gỗ

thông nhưng bác bảo là gỗ sồi ấy mà?" Dứt lời người chết dang hai cánh tay toàn là xương định ôm lấy bác nhưng Adrian cố hết sức hét lên và đẩy anh ta ra. Piôt Pêtorôvit loạn choạng ngã sấp xuống, vỡ tan thành những mảnh vụn. Tiếng rì rầm phần uất nổi lên trong đám người chết, tất cả đều bảo vệ danh dự cho người bạn của họ, họ xông lại mắng nhiếc, đe dọa Adrian. Bác chủ nhà tội nghiệp ù tai vì những tiếng la hét của họ và gần như tắt thở, hết cả hồn vía ngã gục xuống đám xương tàn của viên trung sĩ cận vệ hưu trí và ngất đi.

Mặt trời chiếu vào giường bác chủ hiệu quan tài nằm từ lâu. Cuối cùng bác cũng mở mắt ra và nhìn thấy trước mặt mình là chị đầy tớ đang thổi ấm xamôva. Adrian sợ hãi nhớ lại mọi biến cố hôm qua. Mụ Toriukhina, viên chuẩn tướng và trung sĩ Curinkin lơ mơ hiện ra trong đầu bác. Bác yên lặng chờ chị đầy tớ mở đầu câu chuyện với bác và kể ra những hậu quả của các biến cố hồi đêm.

-Sao mà ông ngủ say thế ông Adrian Prôkhôrôvít-Acxinhya nói trong lúc đưa áo khoác cho bác-Ông thợ may bên hàng xóm có ghé thăm ông, còn ông gác trạm đến bảo với ông rằng hôm nay là sinh nhật của ông quận trưởng cảnh sát, nhưng ông ngủ say quá nên chúng tôi không muốn đánh thức ông dậy.

-Có ai đến tìm tôi về việc bà Toriukhina mất không?

-Bà ấy mất ư, lẽ nào lại như vậy được?

-Rõ là ngốc!Hôm qua chính chị chả giúp tôi lo liệu ma chay cho bà ta là gì?

-Ông nói gì thế. Ông điên sao vậy hay say rượu từ hôm qua còn chưa tỉnh.

Đám ma nào hôm qua? Suốt ngày hôm qua ông tiệc tùng bên nhà ông người Đức, lúc về thì say rượu ông lăn ra giường ngủ mãi đến giờ, quá cả buổi cầu kinh rồi đấy.

-Thật thế chứ!-bác chủ hiệu quan tài vui mừng nói.

-Thật chứ sao nữa!-chị đầy tớ đáp

-Nếu vậy thì pha trà mau lên nào, rồi đi mời các cô lại nhé.

Chú thích:

(1) Hai thành phố của Maxcova ở cách xa nhau

(2) Tay cầm cây đuốc chúc ngược xuống là tượng trưng cho cái chết

(3) Puskin dẫn ra một tấm biển viết sai. Người viết kém chữ nghĩa, lẽ ra viết cho thuê và sửa chữa áo mũ và các đồ tang lễ khác thì lại viết cho thuê và sửa chữa cái cũ. Cố nhiên không ai cho thuê hoặc sửa chữa quan tài cũ.

(4) Radogulai: một quảng trường ở Maxcova, gần phố Baxmannaia cũ.

(5) Hội tam điểm: một tổ chức bí mật có tính chất xã hội và tôn giáo ra đời từ thế kỷ XVIII. Các hội viên gõ cửa như vậy để nhận nhau. Ở đây tác giả sử dụng với ý nghĩa bông đùa.

(6) Đám cưới bạc:lễ kỷ niệm 25 năm ngày thành hôn.

(7) Nhân vật trong truyện của Pôgôrenxki A., nhà văn Nga, tên thật là Pêrôpxki A.A(1787-1836)

(8) 1812

(9) Maxcova

(10) Các vị khách hàng của chúng ta (tiếng Đức)

Puskin

( Đỗ Hồng Chung dịch )

**Alexander Pushkin**

**Tập truyện của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố**

**LỜI NHÀ XUẤT BẢN**

Bà Prôxtakôva

Vâng, thưa ông, ông vẫn thích nghe chuyện  
từ khi còn nhỏ. Xkôtinin Mitorôphan giống tôi.

*Vị thành niên(1)*

**LỜI NHÀ XUẤT BẢN**

*Sau khi đã quyết định xuất bản "Tập truyện vừa của ông I.P.Benkin" mà chúng tôi mang trình độc giả sau đây, chúng tôi muốn đính thêm vào tập truyện một bản tiểu sử, vắn tắt thôi, của tác giả quá cố để thoả mãn một phần nào trí tò mò chính đáng của các bạn đọc vốn yêu chuộng nền văn học nước nhà. Với mục đích ấy chúng tôi định nhờ đến bà Maria Aléchxêépna Toraphilina, người có họ gần nhất và cũng là người thừa hưởng gia tài của Ivan Pêtorôvích Benkin; nhưng tiếc thay, bà không thể cung cấp cho chúng tôi được tài liệu nào, vì bà vốn chưa từng được quen biết người đã quá cố. Bà khuyên chúng tôi rằng vấn đề này thì nên hỏi một tiên sinh đáng kính ngày xưa vốn là bạn của Ivan Pêtorôvích. Chúng tôi liền theo lời khuyên của bà; được ít lâu thì chúng tôi nhận được thư phúc đáp sau đây, đúng như lòng chúng tôi hằng mong đợi. Chúng tôi xin đăng bức thư vào đây, không*



*dám thay đổi hay bổn thêm lời nào, vì đây quả là một di tích quý giá của một trí tuệ bạt thiệp là của một tình bạn cảm động, mà đồng thời cũng là một tài liệu tiểu sử rất đầy đủ.*

Nhà Xuất bản Cầu Vòng

Mátxcova 1985

*Thưa quý ngài.*

*Ngày 23 tháng này, chúng tôi đã có hân hạnh tiếp đặng bức thư đề ngày 15 mà ngài đã có nhã ý gửi cho chúng tôi. Trong bức thư quý ngài có tỏ ý muốn có một tài liệu cặn kẽ về ngày sinh và ngày qua đời, về thời gian làm việc nhà nước, về hoàn cảnh gia đình cũng như về công việc và tính tình của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố, ngày xưa vốn là bạn cố tri và là người láng giềng ở gần ấp chúng tôi. Chúng tôi hết sức vui lòng được chiêu theo ý ngài và xin trình đề ngài rõ tất cả những điều mà tôi còn nhớ được qua những câu chuyện của người quá cố cũng như những điều quan sát của bản thân chúng tôi.*

*Ivan Pêtorôvích Benkin sinh năm 1798 ở thôn Gôriukhinô trong một gia đình quý phái rất mực. Lúc sinh thời cụ thân sinh ra ông ta là đại uý Piôt Ivanôvích Benkin lập gia đình với bà Pêlaghêia Gavrilópna dòng dõi nhà Toraphilin. Cụ không phải là người giàu có, nhưng tính vốn cần kiệm và cụ chăm sóc công việc trong điền trang rất khéo léo. Người con trai của cụ thuở bé được học với một ông thầy trợ lễ trong xứ. Có lẽ nhờ ông thầy trợ lễ đáng kính này mà cậu Ivan Pêtorôvích có được tính ham đọc sách vở và yêu chuộng việc viết lách tiếng Nga. Năm 1815 Ivan Pêtorôvích sung vào một trung đoàn bộ binh xạ kích (tôi không nhớ số hiệu của trung đoàn) và tòng ngũ trong đó mãi cho đến năm 1823. Hai cụ thân sinh ông mất chỉ cách*

nhau mấy ngày, khiến ông buộc lòng phải xin giải ngũ và định cư ở thôn Gôriukhinô, quê hương ông.

Bắt tay vào cai quản điền trang, Ivan Pêtorôvích vốn thiếu kinh nghiệm, lại có tính hay thương người, nên chẳng bao lâu ông ta đã làm cho công việc trong ấp trại bê trễ và để lại lổn nhổn cái trật tự chặt chẽ mà cụ thân sinh ông đã thiết lập nên. Ông thay đổi người thôn trưởng cũ, một người cần mẫn và đắc lực mà nông dân của ông không bằng lòng (thời họ vẫn thế), rồi giao việc quản lý thôn ấp cho bà quản gia già, được ông rất mực tin cậy nhờ tài kể chuyện đời xưa. Bà già này có tính lú lẫn không bao giờ phân biệt nổi một tờ giấy bạc hai mươi lăm rúp với tờ năm mươi rúp; nông dân trong làng đều là chỗ thân bằng cố hữu với bà ta, thành thử chẳng sợ bà tí nào cả; họ bầu nên một viên thôn trưởng mới, lão này dung túng họ và về hòa với họ để lừa dối chủ, đến nỗi Ivan Pêtorôvích buộc lòng phải bãi bỏ lao dịch, chỉ thu một số địa tô rất nhỏ. Ấy thế mà nông dân vẫn lợi dụng nhược điểm của ông, năm đầu họ nài xin ông một khoản chiếu cố vớ vẩn, rồi đến năm sau hơn hai phần ba số tô họ trả bằng hạt dẻ, bằng quả việt quất và những thứ tương tự như thế; đã vậy lại còn thất thu nữa.

Vốn là chỗ bạn bè với cụ cố thân sinh ra Ivan Pêtorôvích, tôi tự thấy có bổn phận phải góp ý khuyên can ông ta và đã nhiều lần ngỏ ý tự đứng ra khôi phục lại cái trật tự cũ mà ông ta đã để cho suy vi. Với mục đích đó, có lần tôi đã đến nhà ông đòi đưa các sổ sách ra, gọi tên thôn trưởng ăn cắp ấy tới, và trước mặt Ivan Pêtorôvích tôi liền bắt tay vào xem xét các sổ sách. Vị chủ nhân trẻ tuổi lúc đầu hết sức chăm chú theo dõi tôi; nhưng tính toán một lúc thấy rằng trong hai năm gần đây số nông dân tăng lên gấp bội, số gà vịt và bò ngựa lại hao hụt trông thấy, thì Ivan Pêtorôvích đã lấy làm thoả mãn với những số lượng đầu tiên ấy và không chịu nghe tôi nói nữa, ngay vào cái lúc mà tôi đã bằng những tìm tòi và những câu hỏi vắn ngắn nghiêm khắc của mình

*làm cho viên thôn trưởng ăn cắp kia hết sức lúng túng không biết đằng nào mà chối cãi nữa, tôi bức bối biết bao khi nghe thấy Ivan Pêtorôvích ngồi trên ghế mà ngáy to như sấm. Từ đó tôi không can thiệp vào công việc quản lý điền trang của ông ta nữa và (cũng như bản thân ông ta) phó mặc công việc nhà ông cho Thượng đế.*

*Song le việc trên đây không hề có phương hại gì đến mối quan hệ giữa hai chúng tôi; vì trong khi tôi lấy làm buồn về cái tính nhu nhược và cái thói cầu thả vô tư thường thấy trong đám thanh niên quý tộc ở nước ta, tôi vẫn thành thật quý mến Ivan Pêtorôvích; vả lại không thể nào không quý mến một người trẻ tuổi hiền lành và trung hậu như vậy. Về phần mình, Ivan Pêtorôvích cũng kính nể tuổi tác của tôi và có lòng quyến luyến tôi rất mực. Mãi cho đến cuối đời hầu như là ngày nào ông cũng gặp tôi, thích nghe những lời trò chuyện thô thiển của tôi, mặc dù Ivan Pêtorôvích với tôi không có gì giống nhau cho lắm về tính tình, tập quán, hay nếp suy nghĩ.*

*Ivan Pêtorôvích sống một cuộc sống rất điều độ, tránh mọi sự thái quá; chưa bao giờ tôi thấy ông ngà ngà hơi rượu (ở như địa phương chúng tôi thì điều này có thể xem là một điều kỳ diệu phi thường); đối với nữ giới thì ông ta cũng rất có cảm tình đấy, nhưng bản tính ông ta lại rụt rè, bẽn lẽn như con gái\*.*

*Ngoài những truyện vừa mà ngài có lòng biết đến trong bức thư, Ivan Pêtorôvích còn để lại nhiều bản thảo viết tay. Một phần các bản thảo đó thì tôi giữ, còn một phần thì được bà quản gia đem sử dụng vào những công việc nội trợ. Chẳng hạn mùa đông năm ngoái tất cả các cửa sổ ở đầu hồi nhà bà ta ở đều được dán bằng phần đầu một cuốn tiểu thuyết mà Ivan Pêtorôvích viết dở. Những truyện vừa nói trên hình như là thí nghiệm đầu tiên của ông về mặt văn chương. Theo Ivan Pêtorôvích nói, thì phần lớn những truyện đó đều là những truyện có thật mà ông đã nghe nhiều nhân vật*

khác nhau kể lại<sup>\*\*</sup>. Song hầu hết các tên họ trong truyện đều là do ông đặt bày ra, còn tên các làng các xã thì mượn ở vùng quê chúng tôi, cho nên tên làng tôi cũng có lần được nhắc đến. Sở dĩ như vậy không phải vì Ivan Pêtorôvích có ác ý gì, mà chỉ vì ông thiếu óc tưởng tượng đó thôi.

Mùa thu năm 1828 Ivan Pêtorôvích bị cảm hàn, lên cơn sốt nặng và từ trần, mặc dù ông thầy thuốc ở huyện chúng tôi đã cố gắng tận tình vẫn không sao cứu khỏi. Ông thầy thuốc này là một người chữa bệnh rất giỏi, nhất là các bệnh kinh niên như thể bị lên chai vân vân. Ivan Pêtorôvích tắt nghỉ trên tay tôi, hưởng thọ ba mươi tuổi và được chôn cất ở nhà thờ làng Gôriukhinô bên cạnh ngôi mộ hai cụ thân sinh của ông.

Sinh thời Ivan Pêtorôvích là người tầm thước, mắt màu xám, tóc vàng sẫm, mũi thẳng, da mặt trắng, khuôn mặt hơi gầy.

Thưa tiên sinh, đó là tất cả những gì mà tôi còn nhớ lại được về nếp sống, công việc, tính tình và dung mạo của người láng giềng và người bạn đã quá cố của tôi. Nhưng nếu ngài thấy cần sử dụng bức thư của chúng tôi vào một công việc nào đó thì tôi thiết tha cúi xin ngài miễn nhắc đến tên tôi; bởi vì mặc dù tôi rất kính trọng và quý mến các nhà viết văn, nhưng tôi thấy mình không cần thiết phải mang danh hiệu đó, và chẳng tuổi tác như tôi mà làm như vậy thì e khiếm nhã.

Tôi xin có lời trân trọng v.v...

Ngày 16 tháng 11 năm 1830

Thôn Nhênaradôvô

Chúng tôi thấy có bổn phận tôn trọng ý nguyện của người bạn đáng kính của tác giả và xin gửi đến quý tiên sinh lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi về

những tài liệu mà chúng tôi đã được cung cấp, và hy vọng rằng công chúng độc giả sẽ quý trọng tấm lòng chân thành và thiện ý của quý tiên sinh.

A.P.

\*Tiếp theo là một mẫu chuyện mà chúng tôi xin miễn đăng vào đây vì trộm nghĩ là không cần thiết; song le, chúng tôi cũng xin quả quyết thừa với độc giả rằng mẫu chuyện đó không hề có gì phương hại đến hương hồn Ivan Pêtorôvích Benkin (Lời chú thích của A.X.Puskin).

\*\*Quả thật là trong bản viết tay của ông Benkin cứ trên mỗi câu truyện như vậy lại thấy có dòng chữ của tác giả viết: chuyện này tôi nghe một cá nhân nào đó (chức tước hay cấp bậc kèm theo chữ đầu tên họ) kể lại. Chúng tôi xin ghi lại đây để các độc giả hiếu kỳ tham khảo: "Người coi trạm" là do viên quan cứu phẩm A.G.N. kể lại; truyện "Phát súng" là do trung tá I.L.P. kể lại; "Người chủ hiệu đám ma" là do ông quản lý cửa hàng B.V. kể lại, truyện "Bão tuyết" và "Cô tiểu thư" là do cô C.I.T. kể lại (Lời chú của A.X.Puskin).

## PHỤ LỤC

*Tập truyện vừa của Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố* được Puskin viết vào mùa thu năm 1830 tại Bônđinô. Thứ tự hoàn thành từng truyện như sau:

“Ông chủ hiệu đám ma” viết xong ngày 9 tháng Chín, "Người coi trạm" – 14 tháng Chín, "Cô tiểu thư nông thôn" – 20 tháng Chín, "Phát súng" – 14 tháng Mười, "Bão tuyết" – 20 tháng Mười, Công việc viết lời mở đầu liên kết các truyện vào một chuỗi thống nhất và liên quan với người mà tác giả bịa đặt ra – Benkin, bắt đầu ngay từ mùa thu 1829, khi Puskin phác thảo bức thư của viên địa chủ... gửi cho nhà xuất bản (tác giả tương lai của “các truyện” ở đây mang tên là Piôt Ivanôvích Đ.).

Lần đầu tiên tác phẩm này của Puskin in ở Pêterburg tháng Mười năm 1830 dưới nhan đề “Tập truyện vừa của Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố”, do

A.P. xuất bản".

**Chú thích:**

*(1) Đề từ trích trong vở hài kịch "Vị thành niên" (1782) của nhà văn viết kịch Nga Đ. I. Phônvidin (1745-1792).*

## Tập Truyện ngắn

### Tập truyện của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố

## PHÁT SÚNG

Chúng tôi đọc súng

*Baraturxki*(1)

**Tôi sẽ bắn hấn theo đúng luật lệ quyết đấu  
(một phát súng của tôi đang dành cho hấn).**

*Một buổi chiều tối ở doanh trại lộ thiên*(2)

## I

Chúng tôi đóng quân ở thị trấn X. Sinh hoạt của một sỹ quan trong quân đội thì chẳng còn ai lạ gì nữa. Buổi sáng thao diễn, tập ngựa; trưa ăn ở nhà trung đoàn trưởng hay ở quán rượu của một người Do Thái; chiều tối uống rượu và đánh bài. Ở X. không có một nhà nào mở rộng cửa, chẳng có một cô gái nào đáng để ý. Chúng tôi tụ tập ở nhà nhau, hết nhà này lại sang nhà khác; nơi đây, ngoài những bộ quân phục ra, không còn thấy gì khác nữa.

Trong chúng tôi, chỉ có một người không phải con nhà lính. Y trạc độ ba mươi lăm tuổi, vì thế mà được chúng tôi xem như một ông già. Sự từng trải đã khiến cho y có nhiều ưu thế hơn lũ chúng tôi. Hơn nữa, cái sắc thái đăm chiêu hàng ngày, cái tính tình khe khắt và lối ăn nói độc địa của y có ảnh hưởng rất mạnh tới đầu óc non trẻ của chúng tôi. Có một cái gì bí ẩn bao phủ lên cuộc đời của y. Y có vẻ là một người Nga, nhưng lại mang một cái tên phản quốc. Ngày trước y phục vụ trong kỵ binh và được xem như là một con người tốt số. Không ai biết nguyên nhân gì đã khiến y xin giải ngũ và đến trú ngụ ở cái thị trấn khốn khổ này; ở đây y sống một cuộc đời vừa nghèo nàn vừa xa xỉ. Y luôn luôn đi bộ, mặc một chiếc áo dài đen đã cũ, nhưng lại sẵn lòng thết đãi rộng rãi tất cả các sỹ quan trong trung đoàn chúng tôi. Thật ra thì bữa ăn ở nhà y thường chỉ là hai hay ba món, do một anh lính về hưu nấu, nhưng rượu sâm-banh thì cứ tha hồ rót như nước sông. Không ai biết gì về tài sản và nguồn thu nhập của anh, nhưng cũng chẳng ai dám hỏi y về những điều ấy. Y có nhiều sách, phần lớn là những sách nói về quân sự và tiểu thuyết nữa. Y vui lòng cho người ta mượn đọc và không bao giờ đòi về, nhưng những sách y mượn của người ta thì y cũng chẳng bao giờ trả lại.

Công việc chính của y là tập bắn súng lục. Các bức tường trong phòng y chỉ chít những lỗ đạn bắn trông như tổ ong. Xa xỉ phẩm duy nhất trong gian nhà nghèo nàn của y là bộ sưu tập rất phong phú những khẩu súng lục. Nghệ thuật bắn súng của y đạt tới mức kỳ diệu, đến nỗi nếu y tỏ ý muốn bắn một quả lê đặt trên mũ cát-két của một kẻ nào đó, thì bất cứ ai trong chúng tôi cũng sẵn sàng đưa đầu ra cho y, không một chút e ngại. Chuyện trò của chúng tôi thường dẫn động đến những trận quyết đấu. Xinviô (đó là tên của y) không bao giờ xen vào những chuyện ấy. Nếu hỏi y đã có lần nào quyết đấu với ai chưa, thì y trả lời gọn lỏn là có, nhưng không bao giờ đi vào chi tiết, những chuyện ấy hình như làm cho y khó chịu. Chúng tôi đoán rằng trong lương tâm y chắc đã in một hình ảnh một nạn nhân bất hạnh nào đó của tài nghệ bắn súng kinh khủng ấy. Và lại không một ai có thể nghi ngờ chút nào rằng y là một người nhát gan. Có những kẻ chỉ nhìn bề ngoài thôi cũng đủ khiến cho người ta không thể nào nghi ngờ như thế được. Một biến cố bất ngờ xảy ra khiến cho tất cả chúng tôi đều phải kinh ngạc.

Một hôm, khoảng chừng mười người trong số sỹ quan chúng tôi ăn trưa ở nhà Xinviô. Chúng tôi uống rượu như thường lệ, nghĩa là uống rất nhiều. Sau bữa ăn, chúng tôi yêu cầu chủ nhân cầm cái một canh bài. Y từ chối rất lâu, vì hầu như y không hề đánh bài bao giờ cả. Nhưng cuối cùng, y cũng bảo đem bài ra, ném lên bài năm mươi rúp và ngồi xuống chia bài. Chúng tôi xúm lại quanh y và canh bạc bắt đầu. Trong lúc đánh bài, Xinviô có một thói quen là hoàn toàn im lặng, không bao giờ cãi cò, phản nản gì hết. Có một nhà con nào tính nhảm, nếu thiếu thì y sẽ chung thêm vào ngay cho đủ, nếu thừa thì y ghi ngay vào đó. Chúng tôi vốn đã quen với điều ấy, nên cứ để mặc y, chẳng ai cản trở gì. Nhưng trong chúng tôi có một sỹ quan mới chuyển chuyên đến đơn vị. Hắn cũng đánh bài và vô ý gấp thừa một góc(3), Xinviô theo thường lại cầm viên phân ghi số tiền lại cho cân. Viên sỹ quan tưởng rằng y nhảm, bèn lên tiếng phân trần. Xinviô vẫn im lặng cầm cái. Viên sỹ quan không nén nổi bức tức, bèn lấy bàn chải xóa những chữ ghi mà hắn cho là không đúng. Xinviô thản nhiên lấy phân ghi lại lần nữa. Viên sỹ quan hăng tiết lên vì hơi rượu, vì canh bạc, vì tiếng cười của các bạn, cho rằng như thế là mình bị xúc phạm cay chua phát khùng lên, vơ lấy cái chân đèn bằng đồng trên bàn, ném vút vào mặt Xinviô, may mà y nghiêng đầu tránh kịp. Chúng tôi lo lắng, Xinviô đứng dậy, tái mặt đi vì tức giận, mắt nảy lửa, y bảo: "Thưa ngài, mời ngài đi ra, và ngài hãy tạ ơn Chúa rằng việc này đã xảy ra ở đây, trong nhà tôi".

Chúng tôi không còn nghi ngờ gì về hậu quả của việc này và đã xem người bạn mới của chúng tôi như một người chết rồi. Viên sỹ quan đi ra và nói rằng vì sự xúc phạm ấy y sẵn sàng đáp ứng lại ý muốn của chủ nhân cầm cái. Canh bài vẫn tiếp tục thêm mấy phút. Nhưng cảm thấy chủ nhân không



còn tâm trí để đánh bài nữa, chúng tôi bèn lần lượt rút lui về nhà mình, vừa đi vừa bàn bạc về chỗ của viên sỹ quan sắp bị khuyết.

Hôm sau trong buổi tập ngựa, chúng tôi đang hỏi nhau xem viên trung úy ấy còn sống không thì thấy hắn dẫn xác đến. Chúng tôi bèn hỏi. Hắn trả lời rằng không nhận được tin tức gì của Xinviô cả. Chúng tôi rất ngạc nhiên, bèn kéo đến nhà Xinviô, thì thấy y đang đứng trong sân, từng phát một, bắn rất tin vào con bài át dán ở cổng. Y tiếp chúng tôi như thường lệ, và không có lấy một lời nào dả động đến việc xảy ra hôm qua. Ba ngày sau, viên trung úy vẫn cứ sống. Chúng tôi ngạc nhiên đánh dấu hỏi: chả nhẽ Xinviô lại không quyết đấu ư? Xinviô đã không quyết đấu thật. Y bằng lòng nhận một lời xin lỗi rất qua loa và giải hoà.

Việc này đã làm tổn thương rất lớn đến uy tín của y trước bọn trẻ chúng tôi. Đối với thanh niên thì điều khó tha thứ nhất là sự thiếu can đảm, chúng tôi cho rằng lòng can đảm là phẩm chất tối cao của con người và nó có thể xoa nhòa được tất cả mọi điều xấu xa. Nhưng dần dần rồi người ta cũng quên hết và Xinviô lại được nể vì như cũ.

Riêng chỉ có tôi không thể gần gũi y được nữa. Tôi bẩm sinh có một trí tưởng tượng lãng mạng; trước đó tôi lại kẻ gần bó hơn ai hết đối với cái con người mà cuộc đời có một cái gì bí ẩn, một người mà tôi có cảm tưởng là nhân vật chính của một thiên tiểu thuyết huyền bí nào đó. Y cũng mến tôi; ít nhất là đối với tôi, y cũng bỏ lời nói độc địa thường ngày và chuyện trò hồn nhiên đủ thứ, nghe hết sức thú vị. Nhưng từ sau cái buổi tối tai hại ấy, ý nghĩ rằng danh dự của y đã bị một vết nhơ, mà y lại đành lòng bỏ qua, không chịu rửa sạch, ý nghĩ ấy cứ ám ảnh tôi, khiến tôi không thể đối xử với y như trước được. Tôi thấy xấu hổ khi nhìn y. Xinviô cũng thừa trí thông minh và kinh nghiệm để nhận thấy điều đó và đoán biết nguyên nhân. Hình như điều ấy cũng khiến cho y khổ tâm. Ít nhất thì đã hai lần, tôi thấy y có ý định muốn phân trần với tôi. Nhưng tôi tránh những trường hợp ấy; rồi Xinviô cũng tránh mặt tôi. Từ đó tôi chỉ còn gặp y những khi cùng có mặt các bạn khác, và những chuyện trò cởi mở thành thật trước kia chấm dứt hẳn.

Những kẻ sống bận rộn ở thủ đô không thể hiểu được những xúc cảm rất quen thuộc của dân ở nông thôn hay ở tỉnh lẻ như nỗi mong chờ ngày phát thư chẳng hạn. Ngày thứ ba và ngày thứ sáu, văn phòng trung đoàn chúng tôi chật ních những sỹ quan: kẻ thì đợi nhận tiền bạc, kẻ thì thư, kẻ thì báo chí. Các bưu kiện thường được mở ngay tại chỗ, những tin tức nhận được đem ra kháo với nhau, và trong văn phòng bày ra một cảnh rất náo nhiệt. Xinviô nhận thư theo địa chỉ của trung đoàn tôi và theo lệ thường vẫn có mặt ở đó. Một hôm vừa nhận được một bức thư, y vội vã bóc niêm với một vẻ sốt ruột lạ lùng. Đọc lướt qua bức thư, mắt y sáng lên long lanh. Các sỹ quan đều bận lo thư từ của mình, chẳng ai để ý. "Thưa các ngài, - Xinviô nói, -

hoàn cảnh bắt buộc tôi phải rời khỏi nơi này, không trì hoãn được, tôi đi ngay đêm nay; mong rằng các ngài không từ chối một bữa ăn cuối cùng ở nhà tôi. Tôi chờ đón anh, - y quay sang tôi nói tiếp, - thế nào cũng đến nhé!" Dứt lời, y vội vã đi ngay. Chúng tôi thoả thuận với nhau là sẽ đến tụ tập ở nhà Xinviô, rồi tản mát.

Tôi đến nhà Xinviô đúng giờ đã hẹn và gặp hầu hết các sỹ quan trong trung đoàn của tôi ở đó. Tất cả đồ đạc của y đã gói ghém lại, chỉ còn trơ những bức vách trần trụi lỗ chỗ vết đạn. Chúng tôi ngồi vào bàn; chủ nhân vui vẻ lạ thường, chẳng mấy chốc niềm vui của y lây ra thành niềm vui chung. Nút chai nổ liên tiếp, cốc sứ bọt lách tách không ngừng và chúng tôi đem hết nhiệt tình chúc kẻ lên đường mạnh khoẻ, gặp mọi điều may mắn. Mãn tiệc thì đã nhá nhem tối. Mọi người cầm lấy mũ của mình, Xinviô từ giã khách, nắm lấy tay tôi và giữ lại, chính vào giữa lúc tôi sắp sửa ra về. "Tôi cần phải nói chuyện với anh", - y khẽ bảo tôi. Tôi ở lại.

Khách đã về hết; chỉ còn lại hai người chúng tôi ngồi đối diện nhau, đốt tẩu thuốc, im lặng. Xinviô vẻ mặt tư lự, không còn dấu vết nào của cơn vui bỗng bột lúc nãy. Sắc mặt tái xanh, u sầu, cặp mắt sáng long lanh, từ miệng y toả lên làn khói thuốc dày đặc, trông y như quỷ hiện hình vậy. Mấy phút trôi qua và Xinviô phá vỡ sự yên lặng.

- Có thể không bao giờ chúng ta gặp lại nhau nữa, - y nói với tôi, - trước khi chia tay tôi muốn giải bày với anh một điều. Chắc anh cũng thấy rằng tôi vốn ít quan tâm đến dư luận kẻ khác, nhưng tôi mến anh và cảm thấy rằng tôi sẽ khổ tâm nếu phải để lại trong anh một ấn tượng thật bất công.

Y ngừng nói, nhét một nhúm thuốc nữa vào tẩu. Tôi im lặng, mắt nhìn xuống đất. Xinviô nói tiếp:

- Anh hẳn lấy làm lạ là tôi đã không bắt tên R. điên say rượu kia đền tội. Anh cũng biết rõ rằng tôi có quyền chọn vũ khí; tính mệnh của hắn đã nằm trong tay tôi, còn về phần tôi, hầu như là không có gì nguy hiểm: tôi có thể quy cho thái độ ôn hoà của tôi như sự thể tất của lượng khoan hồng, nhưng tôi không muốn nói dối. Giả tôi có thể trừng phạt R. và hoàn toàn không có chút nào nguy hiểm đến tính mệnh mình, thì nhất định tôi đã không tha. Tôi kinh ngạc nhìn Xinviô. Lời thú nhận ấy khiến tôi hết sức bối rối. Xinviô tiếp:

- Đúng như thế, tôi không có quyền mạo hiểm trước cái chết. Sáu năm trước đây tôi đã bị một cái tát, và kẻ thù của tôi vẫn đang sống.

Óc hiếu kỳ kích thích tôi mãnh liệt.

- Anh không quyết đấu với hắn à? - tôi hỏi. - Chắc là hoàn cảnh đã khiến anh với hắn xa nhau phải không?

- Tôi đã quyết đấu với hắn, - Xinviô đáp, - và đây là kỷ niệm của cuộc quyết đấu ấy.

Xinviô rút từ trong hộp giấy ra một cái mũ vải đỏ có tua vàng và có đính lon (thứ mũ mà người Pháp vẫn gọi là *bonnet de police*\*); y chụp lên đầu: cái mũ bị một vết đạn xuyên qua phía trên cách trán khoảng độ hơn bốn xăng-ti-mét. Xinviô tiếp: - Anh cũng biết rằng trước kia tôi đã tòng ngũ trong một trung đoàn kỵ binh. Tính tôi anh cũng không lạ gì: tôi có thói cứ muốn hơn thiên hạ, lúc còn trẻ đối với tôi đó cũng là một ham mê không sao cưỡng nổi. Thời chúng tôi thì ngổ ngáo là một cái mốt: tôi là tay ngổ nhất trong đơn vị. Chúng tôi tự hào với những cơn say rượu: tôi uống rượu còn hơn cá Burtxốp(4) lừng danh, kể mà Đêni-x Đavudốp(5) đã từng ca ngợi. Các trận quyết đấu luôn luôn xảy ra trong đơn vị: nếu không là đấu thủ thì tôi cũng là người làm chứng, không bao giờ thiếu mặt. Các bạn hữu sùng bái tôi và các viên chỉ huy của tôi (họ luôn luôn bị đổi đi nơi khác) xem tôi như là một tai ách không thể tránh khỏi.

Tôi đang thoải mái (hoặc quay cuồng) tận hưởng vinh quang của mình, thì cấp trên chuyển đến đơn vị chúng tôi một người (tôi không muốn nói tên) trẻ tuổi, giàu có và một thuộc dòng dõi danh gia thế phiệt. Thật trong đời tôi chưa gặp một kẻ nào tốt số và hào hoa đến thế! Anh hãy tưởng tượng xem: trẻ tuổi, thông minh, đẹp trai, vui tính đến điên cuồng, dũng cảm một cách vô tư, con nhà tiếng tăm lừng lẫy, tiền bạc thì hẵn không bao giờ đếm mà cũng không bao giờ cạn. Anh thử nghĩ xem ấn tượng của hẵn gây ra trong chúng tôi mạnh mẽ đến nhường nào. Ưu thế của tôi bị lung lay. Cảm phục tiếng tăm của tôi, hẵn tìm đến kết giao; nhưng tôi tiếp hẵn một cách lạnh nhạt và hẵn cũng lánh xa tôi không mấy may tiếc rẻ. Tôi đâm ra thù ghét hẵn. Lòng ái mộ của trung đoàn và giới phụ nữ đối với hẵn đã khiến cho tôi hết sức cay cú. Tôi bèn tìm cách gây sự. Những câu châm chọc của tôi được hẵn đáp lại bằng những lời lẽ mà bao giờ tôi cũng thấy là bất ngờ, sắc cạnh và nhất định là dí dỏm hơn của tôi. Hẵn thì giễu cợt còn tôi thì cáu kỉnh. Thế rồi một hôm trong buổi khiêu vũ ở nhà một người điền chủ Ba Lan, thấy hẵn được tất cả giới phụ nữ chú ý, nhất là nữ chủ nhân, vốn là nhân tình của tôi, tôi liền bỏ nhỏ vào tai hẵn một câu sòng sạo và lỗ mãng. Hẵn phát khùng lên, nện cho tôi một cái tát. Chúng tôi vô lấy gươm. Các cô, các bà sợ hãi ngất đi. Người ta can chúng tôi ra và ngay đêm ấy chúng tôi hẹn quyết đấu. Trời vừa hừng sáng. Tôi đã đứng ở chỗ hẹn với ba người làm chứng. Tôi hết sức sốt ruột chờ địch thủ đến. Mặt trời lên, nắng xuân toả ấm. Tôi nhìn thấy hẵn từ đằng xa. Hẵn đi bộ, mặc quân phục, có đeo gươm, kèm theo một người làm chứng. Chúng tôi tiến đến gặp hẵn. Hẵn tới gần, tay cầm một chiếc mũ lưỡi trai đựng đầy những quả anh đào. Những người làm chứng đo hai mươi bước làm cự ly giữa chúng tôi. Lẽ ra tôi bắn trước, nhưng làn sóng căm giận trong tôi mãnh liệt đến nỗi tôi không còn tin ở mức chính xác của bàn tay mình nữa và để có thì giờ để trấn tĩnh, tôi nhường hẵn bắn trước; đối

thủ của tôi không chịu. Chúng tôi bèn bắt thăm, hấn rút được số thứ nhất: xưa nay hấn vẫn là đứa tốt số. Hấn đưa súng lên và bắn trệch. Viên đạn xuyên qua mũ của tôi. Đến lượt tôi bắn. Thế là sinh mệnh của hấn nằm gọn trong tay tôi. Tôi hau háu nhìn hấn, cố tìm cho ra bóng dáng của một nỗi lo âu... Hấn đứng trước mũi súng, chọn trong mũ những quả anh đào chín, ăn và phun hạt ra, hạt bắn tới tận chân tôi. Sự bình thản của hấn khiến tôi tức đến phát điên lên. Tôi thầm nghĩ: tước sinh mệnh của hấn có lợi gì cho tôi, một khi mà chính hấn cũng chẳng tha thiết gì với cái sinh mệnh ấy? Một ý nghĩ độc ác thoáng hiện ra trong óc tôi; tôi hạ súng xuống bảo hấn: "Tôi thấy ngài như đang nghĩ về cái chết, mời ngài cứ về ăn sáng. Tôi không muốn làm phiền ngài". - "Không, ngài có làm phiền tôi tí nào đâu, - hấn đáp, - mời ngài cứ bắn, vả lại ngài muốn thế nào cũng được, phát súng của ngài tùy ngài sử dụng. Và tôi luôn luôn sẵn sàng chiều ý ngài". Tôi quay lại những người làm chứng, phân trần rằng giờ đây tôi chưa muốn bắn và cuộc quyết đấu kết thúc.

Tôi xin giải ngũ và lánh về chốn này. Từ đó đến nay, không ngày nào tôi không nghĩ đến việc báo oán. Giờ phút phục thù hôm nay đã đến...

Xinviô rút trong túi bức thư vừa nhận được sáng nay và đưa cho tôi xem. Một kẻ nào đó (hình như là một người đại diện của y) ở Mátxcova viết thư về cho y viết rằng có một nhân vật cụ thể sắp thành hôn với một thiếu nữ trẻ và xinh đẹp.

- Anh cũng đoán được, - Xinviô nói, - nhân vật cụ thể đó là ai rồi? Tôi đi Mátxcova đây. Thử xem trước ngày cưới, hấn có đón cái chết một cách dửng dưng như hấn đã đón thuở ấy với những quả anh đào nữa không!

Dứt lời, Xinviô đứng dậy, ném phịch cái mũ xuống sàn rồi đi đi lại lại trong phòng giống như một con hổ trong chuồng. Tôi ngồi yên nghe Xinviô lòng hồi hộp vì những cảm giác kỳ dị và trái ngược.

Người hầu vào báo là ngựa đã sẵn sàng. Xinviô xiết chặt tay tôi. Chúng ta ôm hôn nhau. Y ngồi lên xe. Trên xe đã chắt hai chiếc va-li, một chiếc đựng những khẩu súng lục và một chiếc đựng đồ đạc của y. Chúng tôi từ biệt nhau một lần nữa và chiếc xe ngựa phóng đi.

## II

Mấy năm trôi qua, và công việc nhà bắt buộc tôi phải dọn về ở tại một trại áp khốn khổ thuộc huyện N. Trong khi chăm lo công việc gia đình, tôi vẫn không khỏi âm thầm luyến tiếc quãng đời ồn ào vô tư trước kia. Tôi khổ nhất là phải lủi thủi một mình một bóng vào những buổi tối mùa thu và mùa đông buồn tẻ. Trước bữa ăn trưa, tôi còn có thể giết thì giờ bằng cách này hay cách khác: nói chuyện với viên thôn trưởng, đi xem người làm, dạo qua

những bộ phận mới xây dựng; nhưng khi bóng tối trùm xuống thì tôi thật không biết làm gì nữa. Số sách ít ỏi tìm được dưới tủ và trong kho thì tôi đã thuộc lòng như cháo. Tất cả những chuyện mà mục quản gia Kirilópna có thể nhớ được thì mục đã kể đi kể lại cho tôi nghe mãi. Những bài ca của các cô thôn nữ chỉ làm cho tôi thêm buồn. Tôi định uống rượu, nhưng uống rượu thì nhức đầu. Nhưng cũng xin thú thật rằng tôi cũng sợ phải biến thành một tay uống rượu giải sầu hay một con ma men như người ta vẫn thường thấy khá nhiều ở trong huyện tôi. Tôi cũng chẳng có bạn láng giềng nào gần gũi, trừ hai hoặc ba con ma men mà câu chuyện chung quy phần lớn chỉ là tiếng nắc và tiếng thở dài. Thà cô đơn còn hơn.

Cách nhà tôi bốn véc-xta là trại ấp giàu có của nữ bá tước B., nhưng chỉ có mình viên quản lý ở đó, còn nữ bá tước chỉ về thăm trang trại một lần vào năm bà mới lấy chồng và ở lại đó chừng một tháng. Nhưng mùa sang xuân thứ hai trong cuộc đời ẩn vật của tôi thì tôi nghe nói rằng đến mùa hè, nữ bá tước và ông chồng sẽ về trại ấp. Quả nhiên sang đầu tháng Sáu thì họ về. Việc một kẻ láng giềng giàu có về làng đối với dân ở thôn quê là một biến cố quan trọng. Các nhà địa chủ và gia thuộc của họ bàn luận về việc ấy từ hai tháng trước và cho đến ba năm sau vẫn còn nhắc lại. Về phần tôi, thú thật rằng cái tin có một người phụ nữ láng giềng trẻ đẹp về quê đối với tôi có một tác động rất mạnh. Tôi nóng lòng sốt ruột muốn được gặp mặt, và vì thế ngay chủ nhật đầu tiên, sau khi họ về, xong bữa ăn trưa là tôi đi ngay đến ấp trại để xin báo với các vị ấy rằng tôi là một kẻ láng giềng gần gũi và một kẻ nô bộc trung thành xin ra mắt.

Người hầu đưa thư vào phòng khách của bá tước và đi báo tin. Gian phòng rộng rãi, trang hoàng cực kỳ sang trọng. Dọc tường dựng những tủ đựng đầy sách; trên mỗi tủ có một pho tượng bán thân bằng đồng; phía trên cái lò sưởi bằng cẩm thạch treo một tấm gương soi lớn, sàn phủ nệm xanh, trên nệm có trải thảm. Ở trong cái xó xinh nghèo nản này, đã lâu tôi không nhìn thấy những cảnh giàu có và không còn quen với những cái sang trọng, cho nên tôi bỗng đâm ra rụt rè và đợi bá tước với vẻ nhút nhát sợ sệt, giống như một người ở tỉnh lẻ có được cầu xin phải lên kinh đô đang chờ đợi một vị thượng thư. Cửa mở, và một người đàn ông trạc ba mươi hai tuổi, dung mạo khôi ngô bước vào. Bá tước tiến lại gần tôi, vẻ niềm nở và thân mật. Tôi cố gắng trấn tĩnh và đã toan tự giới thiệu, thì bá tước đã đỡ lời. Chúng tôi cùng ngồi. Lối chuyện trò thoải mái và khả ái của bá tước chẳng mấy chốc đã đánh tan được sự rụt rè vụng dại của tôi. Tôi vừa trở lại bình tĩnh tự nhiên, thì bỗng bá tước phu nhân bước vào và tôi lại đâm ra bối rối hơn trước bội phần. Quả thực phu nhân là một trang tuyệt sắc. Bá tước giới thiệu tôi với vợ; tôi muốn làm ra vẻ tự nhiên, nhưng càng cố giữ cho mình tự nhiên bao nhiêu, tôi càng cảm thấy mình vụng về bấy nhiêu. Muốn để tôi đủ thì giờ trấn tĩnh và quen

dần với buổi gặp mặt ban đầu mới mẻ, họ bèn quay lại nói chuyện với nhau, xử sự cùng tôi như với một bạn láng giềng tốt, không khách sáo câu nệ. Trong khi đó, tôi bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, ngắm nghía các quyển sách và các bức tranh. Về hội hoạ, tôi không phải là tay sành sỏi, nhưng có một bức tranh đã khiến tôi chú ý. Bức tranh vẽ một phong cảnh nào đó ở Thụy Sĩ. Nhưng cái khiến tôi chú ý không phải là những nét vẽ mà lại là một điều khác: bức tranh đã bị hai viên đạn bắn chồng lên nhau.

- Thật là một phát súng tài tình! - tôi nói to và quay lại phía bá tước.

- Vâng, - bá tước đáp, - thật là một phát súng tuyệt diệu! - Và nói tiếp: - Ông bạn bắn giỏi chứ?

- Cũng không đến nỗi kém! - Tôi đáp, và sung sướng vì thấy câu chuyện rất cuộc đã động chạm đến một vấn đề tôi rất quen thuộc. - Cách ba mươi bước, tôi không bắn trệch một con bài, tất nhiên là với một khẩu súng đã quen tay!

- Thật không? - Nữ bá tước hỏi về mặt rất chăm chú. - Còn anh, anh bạn của em, cách ba mươi bước anh có bắn trúng được một con bài không?

- Hôm nào chúng ta thử xem, - bá tước trả lời, - trước kia tôi bắn cũng khá, nhưng đã bốn năm rồi, tay tôi không còn cầm đến súng.

- Ô, - tôi nhấn mạnh, - nếu vậy thì tôi cam đoan rằng cách hai mươi bước thì ngài cũng chẳng bắn trúng được một con bài: với súng lục phải tập luyện hàng ngày kia đấy. Về điều này, tôi đã có kinh nghiệm. Trong trung đoàn chúng tôi thì tôi được xếp vào hàng những tay bắn cừ nhất. Nhưng có lần trọn một tháng tôi không cầm đến súng, vì súng tôi đem đi chữa, đến hôm tôi tập lại, ngài đoán thử sự thể như thế nào? Lần đầu tôi bắn trệch bốn phát liền một cái chai để cách có hai mươi lăm bước. Trong đơn vị chúng tôi có một đại úy kỵ binh hóm hỉnh, hay bông đùa. Hôm ấy y tình cờ có mặt ở đấy và bảo tôi: "Này ông bạn, tôi thấy hình như tay bạn kiêng nể cái chai lắm thì phải!" Không nên, thưa ngài, thật không nên lơ là tập luyện, nếu không, thế nào cũng nguỵng tay. Tôi đã được gặp một tay thiện xạ cừ khôi; y tập bắn hàng ngày, ít nhất là ba phát trước mỗi bữa ăn. Đối với y thì bắn súng cũng thành lệ như uống hớp rượu lót dạ vậy.

Bá tước và phu nhân rất hài lòng vì tôi đã bắt chuyện.

- Nhưng y bắn như thế nào? - Bá tước hỏi tôi.

- Thưa ngài như thế này, y thấy một con ruồi đậu trên bức tường, phu nhân cười ư? Thật đấy mà, y thấy một con ruồi đậu trên bức tường, y liền gọi: "Cudoma, súng!" Cudoma mang lại cho y một khẩu súng đã nạp đạn. Y đoành một phát và con ruồi bị cắm sâu vào tường!

- Thật là kỳ diệu! - Bá tước nói. - Thế tên y là gì?

- Thưa ngài, Xinviô!

- Xinviô à! - Bá tước kêu lên, giật bắn người, vụt đứng dậy, - ông biết Xinviô?

- Sao lại không biết, chúng tôi là chỗ quen thân, y được trung đoàn chúng tôi xem như người anh, người bạn. Nhưng đã năm năm rồi, tôi không được tin tức gì của y cả. Nhưng sao ngài lại biết y?

- Tôi biết chứ, biết rất rõ. Y có kể cho ông nghe... nhưng thôi... tôi chắc là không. Y có kể cho ông nghe một sự việc rất ly kỳ không?

- Có phải chuyện cái tát không; thưa ngài có phải chuyện y bị một người nào đó tát trong một buổi khiêu vũ không?

- Thế y có kể cho ông biết tên người ấy không?

- Thưa ngài, không ạ, y không nói. A, thưa ngài, - tôi đoán ra sự thật, liền nói tiếp, - xin lỗi ngài... tôi không biết có phải chính ngài là...

Bá tước đáp với vẻ xúc động lạ thường:

- Chính tôi đây! Và bức tranh bị đạn kia là kỷ niệm lần gặp gỡ cuối cùng giữa chúng tôi...

- Trời, anh yêu quý ơi, - phu nhân nói, - em van anh, đừng kể, em khiếp lắm.

Bá tước bảo:

- Không, tôi sẽ kể hết, ông khách đây đã biết tôi xúc phạm đến bạn ông ấy thế nào, vậy ông ấy cần biết là Xinviô đã trả thù lại tôi như thế nào chứ.

Bá tước mời tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành và tôi nghe câu chuyện sau đây, óc hiếu kỳ bị kích động mãnh liệt.

- Năm năm trước đây tôi cưới vợ. Tháng đầu tiên, tháng trăng mật, tôi sống ở đây, trong trại ấp này. Chính nhà này là nơi tôi đã được sống những giây phút tươi đẹp nhất của đời mình, và cũng là nơi ghi lại một trong những kỷ niệm nặng nề nhất.

Một buổi chiều nọ, chúng tôi cưỡi ngựa cùng đi chơi. Nhưng con ngựa của nhà tôi không hiểu sao đâm ra trái chứng trở nết. Nhà tôi sợ bèn giao ngựa cho tôi dắt và đi bộ về. Tôi về trước. Đến sân tôi thấy một cỗ xe của khách bộ hành; gia nhân cho tôi biết trong phòng khách có một người đang đợi. Người ấy không có nói tên, chỉ bảo là đợi tôi có việc. Tôi vào phòng khách và thấy trong bóng tối, có một người mình đầy bụi bặm, râu ria xồm xoàm, đang đứng cạnh lò sưởi. Tôi tiến lại gần cố gắng nhớ lại nét mặt của y. "Ngài không nhớ ra tôi ư, ngài bá tước?" - Y nói, giọng run lên. "Xinviô!" - Tôi kêu lên, và thú thực tôi cảm thấy tóc trên đầu bỗng dựng ngược trở lên.

"Vâng, đúng thế, - y tiếp, - còn một phát súng phân tôi; hôm nay tôi đến cho súng nhả đạn. Ngài sẵn sàng chứ?" Y rút trong túi bên ra một khẩu súng. Tôi đếm mười hai bước và đến đứng ở chỗ kia, trong góc ấy, yêu cầu y bắn nhanh lên, trước khi vợ tôi về đến nhà. Y chần chừ, y đòi thắp đèn. Người ta đốt nến lên. Tôi khoá cửa, ra lệnh không ai được vào, và một lần nữa yêu cầu y nổ súng. Y rút khẩu súng ra và đưa lên nhắm... Tôi đếm từng giây...

Tôi nghĩ đến nàng... Một phút khủng khiếp trôi qua! Xinviô hạ tay xuống.

"Ta tiếc rằng, - y nói, - khẩu súng của ta không phải nạp bằng hạt anh đào...

mà chì thì nặng. Ta thấy hình như đây không phải là một trận quyết đấu mà là một vụ ám sát: ta không quen bắn một người không có vũ khí. Chúng ta hãy bắt đầu lại một lần nữa, rút thăm xem ai bắn trước". Đầu óc tôi quay cuồng... Hình như tôi không chịu thì phải... Cuối cùng chúng tôi nạp đạn thêm một khẩu súng nữa; chúng tôi cuộn hai mảnh giấy, y bỏ vào trong mũ lưỡi trai, cái mũ đã bị tôi bắn thủng trước kia, và một lần nữa tôi lại bắt trúng số một. "Chà, bá tước thật là may mắn đến quái gở!" - Xinviô nói với một nụ cười chế giễu, nụ cười không bao giờ tôi quên được. Tôi không hiểu lúc ấy tôi như thế nào, làm sao y lại có thể cưỡng ép tôi làm như vậy. Nhưng tôi đã bắn, và bắn trệch vào bức tranh này (bá tước đưa tay chỉ bức tranh bị đạn, mặt ô? bùng như lửa, phu nhân thì mặt nhợt nhạt, trắng hơn chiếc khăn mùi-soa đang cầm nơi tay và tôi thì không thể kìm nổi một tiếng kêu vụt thốt lên.)

- Tôi đã bắn, - bá tước nói tiếp, - và lạy chúa, tôi đã bắn trượt; lúc ấy Xinviô (giờ phút này trông y thật khủng khiếp), Xinviô bắt đầu nhắm vào tôi. Bỗng cửa mở toang, Masa chạy vào thét lên, xông đến ôm chầm lấy cổ tôi. Sự có mặt của nàng khiến dừng khí hoàn toàn trở lại với tôi. "Em yêu quý, - tôi bảo nàng, - em không thấy rằng chúng tôi đang đùa với nhau ư? Sao em lại khiếp sợ! Thôi em hãy đi uống cốc nước, rồi trở lại đây với chúng tôi; anh sẽ giới thiệu với em người bạn cũ, một anh bạn chí thân". Masa vẫn chưa tin, nàng quay sang phía Xinviô hỏi: "Ngài hãy nói đi, có phải đúng như nhà tôi bảo không, có phải thật các người đùa với nhau không?" - "Thưa phu nhân, bá tước thì khi nào cũng đùa, - Xinviô nói với nàng, - một lần đùa, ngài đã cho tôi một cái tát, lần đùa khác ngài đã bắn tôi một phát vào mũ này, và vừa rồi đùa, ngài đã bắn hụt tôi, bây giờ đến lượt tôi đùa lại..." Dứt lời, y toan chĩa súng nhắm vào tôi... ngay trước mặt nàng! Masa quỳ sụp xuống ôm chầm lấy chân y. "Đứng lên Masa, như thế là nhục, - tôi điên tiết thét lên, - và ngươi đừng chế nhạo người đàn bà khốn khổ ấy nữa. Bắn đi, có bắn hay không?" - "Không, - Xinviô trả lời, - ta đã hài lòng, ta đã thấy vẻ bối rối và sợ hãi của ngươi; đã cưỡng ép được nhà ngươi bắn ta, với ta thế là đủ... Ngươi sẽ nhớ ta... Và ta đề mặc ngươi cho lương tâm ngươi phán xét". Rồi y đi ra, nhưng đến cửa, y dừng chân, ngoảnh lại nhìn bức tranh bị tôi bắn, nổ một phát vào đó, hầu như không cần nhắm rồi đi khuất. Vợ tôi ngã lăn ra bất tỉnh; mọi người không ai dám giữ y lại, chỉ kinh hoàng đứng nhìn theo; y ra thêm gọi xà ích và đi mất trước khi tôi có thì giờ trấn tĩnh lại".

Bá tước im lặng. Thế là tôi đã biết được cái kết thúc của câu chuyện mà đoạn mở đầu trước kia đã khiến tôi kinh ngạc. Tôi không còn bao giờ gặp lại nhân vật ấy nữa. Người ta đồn rằng trong một cuộc dấy loạn của Aléxandơ Ipxilanti, y đã chỉ huy một đơn vị Etêrixto(6) và tử trận ở Xculani(7).



\*Mũ cảnh binh (tiếng Pháp)

## PHỤ LỤC

(1) Đề từ thứ nhất trích ở trường ca "Vũ hội" (1828) của nhà thơ Nga E. A. Baratynski (1800-1844).

(2) Đề từ thứ hai trích ở truyện dài "Một buổi chiều tối ở doanh trại lộ thiên" (1822) của nhà thơ Nga A. A. Bextugiev – Marlinxki (1797-1837), người đã tham gia cuộc khởi nghĩa chống Nga hoàng ngày 14 tháng Chạp năm 1825.

(3) Theo lệ đánh bài, khi nhà con gấp một góc con bài tức là đánh xấp tang, nghĩa là đặt gấp đôi số tiền lên.

(4,5) Burtxốp Aléxhândrơ Pêtorôvích (chết năm 1873) - một sỹ quan thuộc trung đoàn khinh kỵ Bêlôruxia, nổi tiếng ngổ ngáo, bạn của nhà thơ chiến sĩ Ênix Vaxiliêvích Đavưđốp (1784-1839), được Đavưđốp ca ngợi trong bài thơ "Bữa tiệc khinh kỵ" (1804) và hai bài thơ thù tạc ("Gửi Burtxốp"). Đavưđốp là bạn của Puskin. Năm 1812 Đavưđốp đã lãnh đạo một đơn vị quân đội đánh du kích anh dũng chiến đấu cùng với những người nông dân du kích chống lại bọn xâm lược Pháp.

(6) Etêrixơ - một tổ chức chính trị bí mật của Hy Lạp, thành lập vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX và đặt ra cho mình nhiệm vụ đấu tranh để giải phóng Hy Lạp khỏi ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ. Ở đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa 1812 do Aléxhândrơ Ipxilanti (1792-1829) lãnh đạo chống lại ách áp bức Thổ Nhĩ Kỳ.

(7) Xculani - một địa phương nhỏ ở Mônđavia, gần sông Prút. Ngày 29 tháng Sáu năm 1821 một đơn vị nhỏ các chiến sỹ Etêrixơ đã bị đánh bại khi chiến đấu chống lại quân đội Thổ Nhĩ Kỳ.

## **Tập Truyện ngắn**

### **Tập truyện của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố**

#### **BẢO TUYẾT**

**Ngựa phi qua gò đông,  
Giẫm lên tuyết lún sâu...  
Đây miếu thờ thượng đế  
Đứng bên đường, cô liêu.**

.....

**Bỗng bão tuyết bao vây;  
Trút ào từng mớ tuyết;  
Bóng đen và tiếng rít,  
Trên cộ trượt bám xoay;  
Tiếng tiên tri rên rĩ  
Nói lên nỗi u sầu!  
Ngựa dựng bồm đôn bước,  
Nhìn xa trong đêm thâu...  
*Giukópki(1)***

Vào khoảng cuối năm 1811, một thời đại rất đáng ghi nhớ của chúng ta, có một người trung hậu tên là Gavril Gavrilôvích R, sống trong một trại ấp riêng của mình ở Nhênaradôvô. Ông nổi tiếng khắp vùng vì lòng hiếu khách và tính niềm nở. Khách trong miền thường lui tới nhà ông, ăn uống, đánh bài bô-stôn mỗi ván năm cô-pếch với bà vợ của ông, bà Praxcôvia Pêtorópna; nhưng cũng có một số người đến là để được nhìn cô con gái nhà ấy, cô Maria Gavrilópna, một thiếu nữ mười bảy tuổi, dáng người thanh tú, nước da hơi xanh. Nàng được xem như là một đám giàu có, và nhiều người đã nhắm nàng hoặc cho mình hoặc cho con trai của mình.

Maria Gavrilópna được giáo dục bằng những cuốn tiểu thuyết Pháp, và do đó mà rất dễ đắm đuối yêu đương. Đối tượng lọt mắt xanh của nàng là một chuẩn úy nghèo, hồi ấy về nghỉ phép trong làng. Lẽ dĩ nhiên là chàng trai này cũng chia sẻ mối tình tha thiết ấy, nhưng cha mẹ nàng biết tình ý đôi lứa đã cấm con gái mình không được nghĩ đến chàng trai ấy nữa và ông bà đón tiếp chàng còn lạnh nhạt hơn là đối với một viên hội thẩm về hưu.

Cặp uyên ương của chúng ta vẫn thư từ đi lại và hằng ngày vẫn vai kề vai trong rừng thông hay bên cạnh ngôi nhà thờ cổ. Họ thề yêu nhau trọn đời,

thở than cho số phận và bàn định với nhau rất nhiều phương kế. Trong khi thư từ và chuyện trò như thế họ đã đi đến lý luận sau đây (âu cũng là lẽ tự nhiên thôi): một khi chúng ta đã không thể sống xa nhau, nếu như ý muốn tàn nhẫn của cha mẹ cản trở hạnh phúc của chúng ta, thì phải chăng là nên vượt qua quyền cha mẹ? Chắc hẳn là ý nghĩ hay ho ấy đã xuất hiện trong trí óc chàng trai trẻ trước, và cũng quyến rũ được trí tưởng tượng đầy chất tiểu thuyết của nàng.

Mùa đông đến đã chấm dứt những cuộc hẹn hò của họ. Nhưng thư từ đi lại càng chặt hơn. Trong mỗi bức thư Vlađimia Nhicôlaiêvích đều van lơn nàng hãy cố gắn bó với chàng, bí mật kết hôn với nhau, tạm lánh đi ít lâu, rồi sẽ trở về quỳ dưới chân cha mẹ, rồi cục rồi cha mẹ nàng sẽ cảm động trước lòng chung thủy dũng cảm của họ: "Thôi, các con hãy lại đây, ngã vào lòng cha mẹ!".

Maria Gavrilópna ngần ngại mãi; nhiều kế hoạch trốn đi đã bị gạt bỏ. Cuối cùng nàng ưng thuận: đến ngày đã hẹn, nàng sẽ không ăn buổi tối, thắp có đầu đầu lui về phòng riêng. Chị hầu phòng cũng đồng mưu; họ sẽ đi ra vườn qua cửa sau, gần vườn đã có một cộ trượt tuyết chờ sẵn, họ lên cộ đi cách Nhênaradôvô năm véc-xta đến Giadrinô, đi thẳng tới nhà thờ, Vlađimia Nhicôlaiêvích sẽ chờ sẵn ở đấy.

Suốt đêm trước cái ngày quyết định ấy, Maria Gavrilópna không chợp mắt. Nàng sửa soạn, gói ghém quần áo, viết một bức thư dài cho một tiểu thư đa cảm, bạn nàng, và một bức thư để lại cho cha mẹ. Lời lẽ rất cảm động, nàng từ biệt và xin tha thứ cho tội lỗi của mình đã không đủ sức cưỡng lại mãnh lực của tình yêu say đắm. Bức thư kết thúc rằng giờ phút sung sướng nhất của đời nàng là lúc được khoan hồng trở về quỳ dưới chân của hai thân vô cùng kính mến. Nàng đóng dấu vào hai bức thư, một con dấu của thành Tula(2) khắc hình hai quả tim rực lửa với một dòng chữ thích hợp bên dưới. Nàng lăn ra giường trước khi trời hửng sáng và ngủ thiếp đi. Nhưng những cơn ác mộng cứ chốc chốc cứ khiến nàng giật mình thức giấc. Khi thì hình như vừa đúng lúc nàng bước lên xe trượt tuyết đi làm lễ cưới, cha nàng đã đến bắt lại, lôi nàng sên sịch giữa tuyết, toàn thân đau ê ẩm, rồi ném nàng xuống một cái hầm sâu tối mò vô tận... và nàng bay vút xuống rất nhanh, tìm lịm đi một cách kỳ dị; khi thì nàng thấy Vlađimia nằm sóng sượt trên bãi cỏ, tái nhợt, mình đầy máu me. Chàng đang hấp hối, và cất giọng náo nuột xé lòng vang bên nàng hãy mau mau làm phép cưới với mình... Những hình ảnh kỳ quái vô nghĩa cứ liên tiếp hiện lên trước mắt nàng. Cuối cùng nàng thức dậy, xanh xao hơn thường ngày và hoá ra đau đầu thực sự. Cha mẹ nàng nhận thấy con mình có điều gì lo lắng bất an. Ông bà ân cần chăm sóc, và không ngớt hỏi nàng: "Maria yêu dấu, con làm sao thế? Con ốm đấy ư, Maria yêu dấu!" Những câu hỏi cứ như xé tim nàng. Nàng cố gắng làm cho

cha mẹ an tâm, nàng gương vui, nhưng không thể được. Chiều đến. Ý nghĩ rằng đây là ngày cuối cùng sống giữa gia đình khiến cho lòng nàng thất lại. Nàng như người sắp chết. Nàng thăm chào mọi người, từ biệt mọi vật xung quanh.

Bữa ăn chiều dọn ra; tim nàng đập mạnh. Giọng run run nàng cáo rằng mình không muốn ăn, xin chào cha mẹ. Hai người ôm hôn con và theo thường lệ làm dấu cầu phúc cho con: suýt nữa thì nàng oà lên khóc. Về phòng riêng, nàng gieo mình trên ghế bành, nước mắt giàn giụa. Chị hầu phòng hết sức an ủi nàng, khuyên nàng bình tĩnh và can đảm. Tất cả đã sẵn sàng. Chỉ nữa giờ nữa thôi, Maria phải vĩnh viễn từ biệt ngôi nhà của cha mẹ, gian phòng riêng và cuộc sống êm ấm của một người thiếu nữ... Ngoài trời đang có bão tuyết; gió rít lên từng hồi, các cánh cửa sổ rung lên, đập bần bật; tất cả đối với nàng hình như là một điều đe dọa buồn thảm. Chẳng mấy chốc trong nhà hoàn toàn im lặng, mọi người đã ngủ yên. Maria trùm khăn san mặt áo khoác ấm, tay xách chiếc hòm con và bước ra cửa sổ. Chị hầu phòng mang theo hai gói áo quần đồ đạc. Cả hai đi ra vườn. Bão tuyết vẫn không dịu bớt; gió thổi vào mặt như cố giữ chân người con gái tội lỗi. Khó khăn lắm họ mới tới được phía cuối vườn. Trên đường một chiếc cộ trượt tuyết đã chờ họ sẵn. Lũ ngựa rét cồng không chịu đứng yên một chỗ; anh xà ích của Vladimira đi đi lại lại trước cang xe cố kìm những con ngựa đang hăng. Anh ta giúp tiểu thư và cô hầu lên ngồi trên xe, xếp đặt chiếc hòm nhỏ và hai gói đồ, rồi giật cương cho ngựa phóng nhanh đi. Giao phó cô nàng cho sự chăm nom của số mệnh và cho tài năng của người đánh xe, chúng ta hãy quay sang chàng tình nhân trẻ tuổi.

Vladimira chạy vạy suốt cả ngày hôm ấy. Từ sáng sớm chàng đã tìm đến vị linh mục ở Giadrinô; phải khó khăn lắm mới thuyết phục được ông ấy; rồi chàng chạy đi tìm các người làm chứng trong số những địa chủ quanh đó. Người thứ nhất mà chàng gặp là một thiếu úy kỵ binh về hưu tên là Đravin tuổi đã bốn mươi. Ông này nhận lời ngay và quả quyết với chàng rằng việc này gọi ông nhớ lại thời xưa cũ cùng những thói ngỗ nghịch của kỵ binh. Ông ta cố giữ Vladimira ở lại ăn trưa, khuyên chàng cứ giữ vững lòng tin, và bảo đảm rằng việc tìm hai người làm chứng nữa chẳng có gì là khó. Quả đúng như thế, ngay sau bữa ăn thì có thêm Smít, một bác nhân viên trắc địa, có bộ ria mép, mang giày có cựa(3), và một chàng con trai của một viên đại úy cảnh binh, mười sáu tuổi, vừa mới được nhận vào quân khinh kỵ. Không những nhận lời yêu cầu của Vladimira mà còn thề sẵn sàng hy sinh tính mệnh vì chàng. Vladimira phấn khởi ôm họ và trở về nhà sửa soạn nốt những việc cần thiết.

Trời tối đã lâu. Chàng dặn dò anh xà ích Têrenti tâm phúc của mình rất tỉ mỉ chu đáo, cho y đem cỗ xe tam mã đi Nhênaradôvô đón, và ra lệnh thẳng

chiếc cộ trượt tuyết một ngựa không cần xà ích, một mình chàng đi về phía Giadrinô, nơi mà trong khoảng hai giờ nữa Maria Gavrilópna sẽ đến. Đường chàng đã quen thuộc đi chỉ mất chừng hai mươi phút thôi.

Nhưng Vladimira vừa rời khỏi bìa làng ra khỏi cánh đồng, thì trời nổi gió mạnh, một cơn bão tuyết dữ dội ập tới khiến chàng không còn nhìn thấy gì nữa. Chỉ trong một phút con đường bị tuyết phủ hết. Mọi vật xung quanh đã biến mất trong màn sương mù vàng nhạt, bông tuyết trắng bay tới tấp. Bầu trời lẫn lộn với mặt đất. Vladimira lạc giữa cánh đồng, cố hết sức vẫn không tìm ra được đường cái. Ngựa bước vu vơ trên đồng, chốc chốc lại trèo lên gò cao hay tụt xuống hố; chiếc cộ trượt tuyết luôn luôn nghiêng ngả. Vladimira ra sức định thần cho khỏi lạc hướng. Nhưng hình như đi đã hơn nửa giờ rồi mà vẫn chưa thấy khu rừng Giadrinô đâu. Chừng mười phút nữa đã trôi qua; khu rừng vẫn không thấy tăm dạng. Vladimira đang đi giữa một cánh đồng chằng chịt những khe hố. Bão tuyết vẫn không dịu bớt, trời vẫn không sáng sủa lên tí nào. Ngựa đã mệt lử, còn chàng thì đồ mồ hôi hột, mặc dù cứ chốc chốc lại sụt trong tuyết đến tận thắt lưng.

Cuối cùng chàng thấy rằng mình đã lạc. Vladimira dừng lại: bắt đầu suy nghĩ, tập trung tư tưởng cân nhắc và quyết định đi chệch về phía bên phải. Chàng đánh xe về phía ấy. Ngựa đã mệt lử, bước không vững nữa. Chàng đi đã hơn một giờ rồi. Giadrinô chắc hẳn đã gần. Nhưng chàng đi, đi mãi, cánh đồng vẫn vô tận. Khắp nơi ngồn ngộn những đống tuyết, những khe hố. Chiếc xe luôn luôn bị lật nhào và chàng cứ phải luôn luôn dựng nó lại. Thời gian trôi qua; Vladimira bắt đầu lo lắng.

Rốt cuộc rồi chàng cũng thấy đằng xa có một khối gì hiện ra đen đen. Và chàng tiến về phía ấy. Đến gần thì thấy đó là một khu rừng. "Đội ơn Chúa, - chàng nghĩ thầm, - gần đến rồi đây". Chàng men theo khu rừng và hy vọng trong chốc lát sẽ gặp con đường quen thuộc hoặc vòng khỏi khu rừng này: nhất định là Giadrinô ở ngay phía sau đây. Một lát sau chàng tìm thấy đường cái và đi xuyên vào trong bóng những cây đã trụi lá. Gió không còn thổi điên cuồng vào đây được nữa; con đường bằng phẳng, ngựa hăng lên và Vladimira an tâm trở lại.

Nhưng chàng đi, đi mãi, vẫn không thấy Giadrinô; khu rừng vẫn vô tận.

Vladimira kinh hoàng nhận ra rằng mình đang đi giữa một khu rừng lạ. Nỗi thất vọng tràn ngập lòng chàng. Chàng quất túi bụi vào lưng ngựa; con vật khốn khổ rảo bước dần lên, nhưng chưa được mấy chốc đã kiệt sức, và chỉ mười lăm phút sau, mặc cho chàng đau khổ thôi thúc, nó lại bước từng bước một.

Hàng cây thưa dần và Vladimira đã ra khỏi khu rừng; làng Giadrinô vẫn không thấy đâu cả. Lúc ấy hẳn đã gần nửa đêm rồi. Nước mắt chàng trào ra; chàng vẫn mò mẫm thúc ngựa đi. Cơn bão dịu dần, mây đã tan hết, trước

mắt chàng chạy dài một cánh đồng phủ một thảm bạc gọn sóng. Đêm đã khá quang đăng. Chàng thấy gần đó có một xóm nhỏ độ bốn hay năm nóc nhà. Vladimira tiến vào nơi ấy. Đến bên một túp nhà nhỏ chàng nhảy xuống, cố chạy lại cửa sổ đưa tay gõ. Vài phút sau cánh cửa sổ bằng gỗ mở ra, một ông già thò chòm râu bạc ra hỏi. "Ai, cần gì đấy?" - "Về Giadrinô có xa không?" - "Về Giadrinô có xa không à?" - "Vâng, vâng, về Giadrinô có xa không?" - "Không xa lắm chỉ độ mười véc-xta thôi!" Nghe câu trả lời Vladimira vò đầu bứt tóc và lặng người đi như một kẻ bị tuyên án tử hình.

"Anh từ đâu đến?" - ông già hỏi tiếp. Vladimira không còn đủ tinh thần để đáp lại nữa. "Bác ơi, - chàng nói, - bác có thể cho tôi ngựa đi Giadrinô không?" - "Ngựa nào bây giờ, chúng tôi có đâu" - "Thôi, thế thì ít nhất tôi có thể nhờ một người nào đưa đường được chứ? Tôi sẽ trả tiền công, đòi bao nhiêu cũng được". - "Anh hãy đợi đấy, - ông già vừa đáp lại, vừa hạ cánh cửa xuống, - tôi sẽ cho thằng con tôi đi. Nó sẽ dẫn đường cho anh".

Vladimira đứng đợi. Chưa đầy một phút chàng lại gõ cửa. Cánh cửa sổ mở, chòm râu bạc lại hiện ra. "Anh cần gì đấy?" - "Con bác đâu?" - "Ra ngay đấy, nó đang đi giày má. Có rét không vào sưởi cho ấm". - "Cám ơn bác, bác giục cậu con nhanh lên cho."

Cửa cột kẹt mở. Một cậu bé bước ra, tay cầm một cái gậy lớn và đi lên trước, khi thì chỉ lối, khi thì tìm con đường đã bị lấp dưới những đồng tuyết. - "Mấy giờ rồi?" - Vladimira hỏi. "Có lẽ gần sáng rồi đấy", - cậu bé nông dân đáp. Vladimira chẳng nói chẳng rằng gì nữa.

Gà gáy, và trời ửng sáng thì họ vừa tới Giadrinô. Nhà thờ đóng kín cửa. Vladimira trả tiền cho cậu bé dẫn đường và đi vào trong sân tìm giáo sĩ. Trong sân không có cỗ xe tam mã nào cả. Tin lành hay tin dữ đang chờ chàng đây!

Nhưng chúng ta hãy quay trở lại cái nhà điền chủ hiền lành ở Nhênaradôvô thử xem xảy ra những chuyện gì?

Chẳng có gì xảy ra cả!

Hai ông bà già ngủ dậy và đi ra phòng khách. Gavril Gavrilovich đội mũ vải mềm mặc áo ngắn phơ-la-nen. Praxcôvia Pêtorôpna mặc áo khoác bông. Người ta đem ấm trà ra. Ông Gavril Gavrilovich bảo con hầu vào hỏi thăm sức khỏe của Maria Gavrilôpna thế nào, và xem cô có ngủ được không? Con bé ra trả lời rằng cô ngủ không được ngon, bây giờ đã đỡ và cô sắp ra phòng khách. Quả nhiên cửa mở và Maria Gavrilôpna ra chúc sức khỏe cha mẹ.

"Đầu con bây giờ thế nào, Maria?" - Gavril Gavrilovich hỏi. - "Thưa cha, đỡ rồi ạ", - Maria đáp. - "Đúng là hôm qua con bị ngạt vì khói lò sưởi rồi, con ạ", - bà Praxcôvia Pêtorôpna nói. - "Vâng, thưa mẹ, có lẽ thế đấy ạ".

Ngày ấy trôi qua bình yên vô sự, nhưng tối đến thì Maria bị ốm. Nhà phải lên phố mời thầy thuốc. Chiều hôm sau thầy thuốc đến thì bệnh nhân đang

mê sảng. Nàng bị sốt nặng, và trong hai tuần liền bệnh tình trầm trọng tưởng khó lòng qua khỏi.

Trong nhà không ai biết gì về cuộc đi trốn kia cả. Mấy bức thư viết hôm trước nàng đã đốt hết; chị hầu phòng không dám hở môi ra với ai, vì sợ ông chủ nổi cơn thịnh nộ. Ông giáo sĩ, viên thiếu úy kỵ binh về hưu, bác nhân viên trắc địa có bộ ria mép và chàng kỵ binh trẻ tuổi đều kín tiếng, và như thế không phải là vô cớ. Chàng đánh xe Têrenti chẳng hề bao giờ buột miệng lỡ lời ngay cả trong cơn say rượu. Như thế là điều bí mật kia được giữ kín trong cái số hơn nửa tá những người đồng mưu. Nhưng Maria, trong khi mê sảng không ngớt, đã nói toang điều bí mật của mình ra. Dù rằng những lời của nàng rất khó hiểu, không đầu vào đâu, nhưng mẹ của nàng không rời khỏi giường con một bước, cũng có thể do đó mà biết rằng con gái mình đã say mê đến có thể chết vì Vlađimia Nhicôlaiêvich, và có lẽ tình yêu ấy là nguyên nhân của căn bệnh. Bà hỏi ý kiến chồng cùng vài người láng giềng và cuối cùng tất cả đều thống nhất nhận định rằng âu cái số của Maria Gavrilópna là như vậy, rằng "trời đã định rồi thì phải chịu", rằng "nghèo không phải là xấu", rằng "lấy người chứ không phải lấy của" vân vân. Trong những trường hợp như thế này, khi người ta đã cùng đường bó tay thì những câu cách ngôn luân lý kia thật là kỳ diệu để người ta tự biện hộ cho mình. Giữa lúc ấy thì cô gái đã bắt đầu bình phục. Đã lâu người ta không thấy Vlađimia đến nhà Gavril Gavrilôvich. Chàng sợ cách đón tiếp như mọi khi. Người ta đành phải bắn tin cho chàng cái diễm phúc bất ngờ này: bằng lòng cho chàng cưới. Nhưng ông bà địa chủ này ngạc nhiên biết bao, khi đáp lại sự ân cần mời mọc ấy, họ nhận được bức thư gàn dở của chàng! Chàng nói rõ rằng sẽ không bao giờ bước chân đến nhà họ nữa, và yêu cầu hãy quên con người bất hạnh ấy đi, con người chỉ còn cái chết là điều mong ước độc nhất mà thôi. Và hôm sau họ được tin chàng Vlađimia Nhicôlaiêvich đã gia nhập quân đội. Hồi ấy là vào năm 1812.

Maria bình phục đã lâu mà người ta vẫn không dám cho nàng biết tin ấy. Nàng cũng không hề đả động đến Vlađimia. Vài tháng sau đọc thấy tên chàng trong số những chiến sĩ xuất sắc bị thương nặng ở trận Bôrôđinô(4), nàng ngã lặn ra bất tỉnh, người ta sợ nàng lại bị sốt như lần trước. Nhưng nhờ ơn Chúa, cơn bất tỉnh ấy không đem đến hậu quả gì đáng ngại. Một nỗi đau thương khác lại đến với nàng: ông Gavril Gavrilôvich tạ thế để lại cho nàng quyền thừa hưởng gia tài. Nhưng gia tài đâu an ủi được nàng; nàng chân thành chia sẻ nỗi buồn của bà mẹ đau khổ, và thề rằng sẽ không bao giờ xa người mẹ; hai mẹ con từ giã Nhênaradôvô, nơi gởi nhiều kỷ niệm đau buồn và đến ở trại ấp X.

Ở đây cũng thế, các chàng trai chưa vợ cứ vây quanh lấy cô gái chưa chồng xinh đẹp và giàu có, nhưng nàng chẳng hề ban cho ai một mảy may hy vọng

nào. Có đôi lúc bà mẹ khuyên nàng hãy chọn lấy bạn trăm năm. Nhưng Maria Gavrilópna lắc đầu, và tư lự dăm chiêu. Vladimia không còn nữa: chàng đã qua đời ở Mátxcova vài hôm trước khi quân Pháp tràn vào đó. Kỷ niệm của chàng đối với nàng thật là thiêng liêng; ít nhất nàng cũng giữ gìn lại tất cả những gì có thể nhắc nhở đến chàng: những cuốn sách mà chàng đã đọc, những bức hoạ, những bản nhạc, những bài thơ chàng viết cho nàng. Láng giềng biết chuyện ấy đều khâm phục lòng chung thủy của nàng, và họ tò mò chờ đợi xem nhân vật nào rốt cục sẽ thắng được lòng chung thủy u buồn của nàng Áctêmixa(5) trinh bạch này.

Giữa lúc ấy thì chiến tranh kết thúc thắng lợi. Các trung đoàn của chúng ta từ ngoại quốc trở về. Nhân dân xô ra đứng đón. Âm nhạc cử những bài mới thu lượm được trong chiến tranh: "*Vive Henri-Quatre*"(6), những bài van-xơ vùng Tíron(7), những khúc điệu trích trong nhạc kịch Giôcôngđơ(8). Các sĩ quan khi nhập ngũ là những thanh niên mới lớn, giờ đây trở về đã trưởng thành trong chinh chiến, ngực đầy huân chương. Quân lính trong khi chuyển trò vui vẻ với nhau thỉnh thoảng lại chêm vào những tiếng Đức hay tiếng Pháp. Thật là một thời đại đáng ghi nhớ! Một thời đại vinh quang và phấn khởi! Nói đến hai tiếng "Tổ quốc" trái tim người Nga xúc động mạnh mẽ biết bao! Những giọt lệ tái hợp sao mà đầm thấm! Trong chúng ta lòng tự hào dân tộc và tình yêu đối với Nga hoàng chan hoà mật thiết đến nhường nào. Đối với Hoàng đế, giờ phút này cũng thật là tuyệt diệu!

Những người phụ nữ, những người phụ nữ Nga, lúc này thật là kiêu diễm vô song. Vẻ lạnh lùng thường ngày của họ biến đâu hết! Nỗi hân hoan của họ thật là chân thành nồng nhiệt khi đón đoàn quân chiến thắng mà hét to: *hoan hô!*

*Và mũ tung lên trời!(9)*

Ai là sĩ quan lúc ấy mà không thừa nhận rằng họ đã nhận được nơi phụ nữ Nga những phần thưởng quý báu nhất?...

Giữa thời kỳ huy hoàng ấy, Maria Gavrilópna đang sống với mẹ ở vùng quê N. và không thấy được ở hai kinh đô người ta đón mừng đoàn quân khải hoàn như thế nào. Nhưng có lẽ ở các huyện và các thôn xóm nỗi hân hoan chung lại còn mãnh liệt hơn nữa kia. Một sỹ quan mà về ở nơi đây thì thật là cả một cuộc khải hoàn quang vinh rất mực, và bên cạnh anh ta thì chàng tình nhân nào mặc thường phục cũng phải lu mờ.

Chúng tôi cũng đã nói rằng, mặc dù Maria Gavrilópna lạnh nhạt, nàng vẫn cứ luôn luôn bị những chàng rắp ranh bắt sẻ bao vây như trước. Nhưng tất cả bọn này đều đánh bài rút lui, khi trong toà nhà của nhà xuất hiện đại tá kỵ binh bị thương Burmin, với huân chương Thánh Ghêoócghi trên khung áo, với nước da "tai tái hay hay" như các cô vùng ấy thường nói. Chàng trạc độ hai mươi sáu tuổi. Chàng về nghỉ trong trại áp của mình bên cạnh trại áp của



Maria Gavrilópna. Maria Gavrilópna đối với chàng cũng có con mắt rất biệt đãi. Gần chàng thì vẻ tư lự đăm chiêu thường ngày của nàng bỗng hoá thành linh hoạt. Không có thể nói rằng nàng làm duyên làm dáng với chàng, nhưng một nhà thơ, giá thấy hành vi của nàng như thế, hẳn sẽ nói rằng:

*Se amor non è, che dunque?*... (Đó là cái gì, nếu chẳng phải là tình yêu - tiếng Ý)(10)

Quả thật Burmin là một chàng trai rất dễ thương. Chàng có được cái loại trí tuệ xưa nay rất dễ được lòng nữ giới: một trí tuệ lịch thiệp và tinh tế, không một chút kiêu kỳ và hóm hỉnh một cách vô tâm. Trước Maria Gavrilópna tư cách của chàng rất bình dị và tự nhiên. Nhưng dường như tâm hồn và con mắt theo dõi sát mọi lời nói việc làm của nàng. Tính nết của chàng trông thì điềm đạm và khiêm nhường, nhưng tiếng đồn lại nói chắc rằng một thời chàng đã từng là một tay ăn chơi đáng sợ; nhưng điều ấy cũng chẳng làm tổn hại gì cho chàng trước con mắt của Maria Gavrilópna; nàng (cũng như các bà trẻ tuổi nói chung) vui lòng bỏ qua những trò phóng túng vốn là biểu hiện chung của tính táo bạo và sôi nổi.

Nhưng kích thích óc hiếu kỳ và trí tưởng tượng của nàng hơn tất cả (hơn cả cái tính nết dịu dàng, hơn cả lối trò chuyện hấp dẫn, hơn cả nước da tái tái hay hay, hơn cả cánh tay quần băng) là không hiểu tại sao chàng kỳ binh trẻ tuổi ấy đến nay vẫn lặng thinh không ngỏ lời. Nàng không thể phủ nhận một điều là nàng rất được chàng quý chuộng. Chắc hẳn với trí thông minh và với kinh nghiệm của mình chàng cũng nhận thấy rằng, đối với chàng thì nàng có một sự biệt đãi: thế thì vì lẽ gì mà đến bây giờ nàng vẫn chưa thấy chàng quỳ dưới chân nàng, chưa được nghe lời thổ lộ tình yêu của chàng? Cái gì đã kìm giữ chàng lại? Phải chăng đó là tính rụt rè vốn gắn liền với một tình yêu chân thực, hay đó là tính kiêu kỳ, lối làm điệu của một tay chim gái lối đời? Đối với nàng đó cả là một điều bí hiểm. Suy nghĩ kỹ, nàng cho rằng tính rụt rè là nguyên nhân duy nhất, và nàng quyết định sẽ khuyến khích cho chàng thêm mạnh dạng bằng cách tỏ ra ân cần hơn nữa, và tùy trường hợp, sẽ tỏ ra âu yếm nữa là khác. Nàng rắp tâm đón cái kết cục hết sức bất ngờ và rất nóng lòng chờ đợi giây phút nên thơ mà chàng sẽ thổ lộ tình yêu. Một điều bí mật dù thuộc loại nào, đối với trái tim phụ nữ bao giờ cũng vẫn là một điều day dứt nặng nề. Cuộc tấn công của nàng đã đem lại kết quả như mong muốn: ít nhất thì Burmin cũng trở nên rất tư lự đăm chiêu, và cặp mắt đen của chàng nhìn nàng nãy lửa, đến nỗi có thể tin rằng cái giây phút quyết định đã gần lắm rồi. Những người láng giềng bàn đến đám cưới, xem như đó là một việc đã xuôi, và bà Praxcôvia Pêtorópna phúc hậu sung sướng vì con gái mình đã chọn được kẻ xứng đôi vừa lứa.

Một hôm bà cụ ngồi một mình trong phòng khách, đang bó bài, thì Burmin bước vào và hỏi ngay đến Maria Gavrilópna. "Em nó ở sau vườn ấy, - bà cụ

trả lời, - cậu ra đó mà tìm, tôi đợi hai người ở đây nhé!" Burmin đi ra, bà cụ làm dấu thánh giá và nghĩ rằng: "May ra ngày hôm nay việc ấy sẽ thành". Burmin nhìn thấy Maria Gavrilópna bên bờ ao, dưới gốc liễu, mặc chiếc áo trắng, tay cầm quyển sách đúng điệu là một nhân vật tiểu thuyết. Sau mấy câu hỏi han, Maria Gavrilópna cố ý lặng yên không nói nữa để tăng thêm cái lúng túng của đôi bên và tạo ra một tình thế mà hoá chăng chỉ có một lời thổ lộ tình yêu đột ngột và quyết định mới có thể gỡ ra được. Sự việc diễn ra đúng như thế: Burmin cảm thấy tình thế khó xử của mình, đã thổ lộ rằng từ lâu chàng đã nhiều lần tìm dịp để cởi mở tâm tình với nàng và cầu xin nàng lưu ý trong giây phút. Maria Gavrilópna xếp sách lại mắt nhìn xuống, tỏ vẻ ung thuận.

"Tôi yêu em, - Burmin nói, - tôi yêu em đắm đuối..." (Maria Gavrilópna đỏ mặt và cúi thấp hơn nữa). "Tôi đã hành động đại dột khi buông mình theo một thói quen dăm thăm, thói quen hàng ngày nhìn em và nghe em nói..." (Maria Gavrilópna nhớ lại bức thư đầu của St. -Preux.)(11) "Giờ đây cưỡng lại định mệnh thì đã muộn rồi, kỷ niệm về em, hình dáng kiều diễm và tuyệt thế của em từ nay sẽ là nỗi giày vò và là niềm an ủi của riêng tôi. Nhưng tôi còn phải làm tròn nhiệm vụ đau khổ, thổ lộ với em một điều thâm kín rất đáng sợ, và đặt ra giữa đôi ta một trở ngại không thể nào vượt qua được..." - "Trở ngại ấy mãi mãi vẫn cứ có, - nàng vội vã ngắt lời chàng, - tôi không bao giờ có thể làm vợ anh được..." - "Tôi biết, - chàng sẽ sàng đáp lại, - tôi biết trước kia em đã yêu, nhưng người ấy đã chết và ba năm xót thương... Maria Gavrilópna dịu hiền và yêu dấu ơi, em chớ gạt mắt của tôi niềm an ủi cuối cùng: ý nghĩ rằng em sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi, nếu như... Em đừng nói, thể lòng Chúa, em đừng nói. Em xé nát lòng tôi mất. Vâng, tôi biết, tôi cảm thấy rằng em có thể kết duyên với tôi, nhưng tôi là một kẻ vô phúc... tôi đã cưới vợ!"

Maria Gavrilópna nhìn chàng kinh ngạc.

- Tôi đã cưới vợ, - Burmin nói tiếp, - tôi cưới vợ đã bốn năm, nhưng tôi không biết vợ tôi là ai, nàng ở đâu, và không biết giờ đây có bao giờ tôi còn gặp lại được nàng nữa không!

- Anh nói gì thế? - Maria Gavrilópna. - Kỳ lạ quá! Anh nói tiếp đi; tôi sẽ nói sau... thôi, anh hãy nói tiếp đi, tôi van anh.

- Đầu năm 1812, - Burmin nói, - tôi đi gấp về Vinna, nơi trung đoàn chúng tôi đóng quân. Tới một trạm nào đó thì trời đã quá chiều, tôi ra lệnh thắng cương ngựa gấp, bỗng một cơn bão tuyết dữ dội nổi lên, người trưởng trạm và gã đánh xe khuyên tôi hãy nán đợi. Tôi đã nghe họ, nhưng rồi một nỗi bồn chồn vô cớ tràn ngập lòng tôi; hình như có một cái gì thôi thúc tôi.

Trong khi ấy bão tuyết vẫn không dịu bớt; tôi không chờ đợi được nữa, lại ra lệnh thắng ngựa đi và đi ngay giữa bão tuyết. Gã đánh xe nẩy ra ý đi trên

sông, như thế sẽ rút ngắn được đường chừng ba véc-xta. Hai bên bờ đều tuyết phủ. Gã đánh xe đã đi qua chỗ cần phải bắt tiếp lên đường cái, và thế là chúng tôi lạc giữa một chốn lạ. Bão tuyết vẫn không lặn; tôi thấy có ánh lửa bèn ra lệnh đi về phía ấy. Chúng tôi vào một làng. Nhà thờ bằng gỗ ở làng ấy có ánh sáng, cửa nhà thờ mở sẵn, trong sân có nhiều cộ trượt tuyết. Trên thềm cao có người đi đi lại lại. "Về phía này, về phía này!" - có tiếng gọi. Tôi bảo gã đánh xe tiến về phía ấy. "May quá! Anh bị chậm ở đâu thế? - có người nói với tôi. - Cô dâu bị ngất; linh mục chẳng biết xử trí ra sao cả; chúng tôi sắp sửa ra về. Vào nhanh lên thôi!" Tôi không nói gì cả, nhảy xuống cộ và đi vào. Nhà thờ mờ mờ trong ánh sáng của hai hay ba ngọn nến. Một cô gái ngồi trên chiếc ghế trong một góc tối. Một chị phụ nữ khác đang xoa hai bên thái dương của cô kia. "Nhờ ơn Chúa, - chị này nói, - anh phải vất vả quá nhỉ. Suýt tí nữa thì anh giết chết cô tôi". Vị linh mục già đến bên tôi hỏi: "Anh cho bắt đầu đi chứ". - "Vâng, vâng cha cứ bắt đầu, bắt đầu đi!", - tôi trả lời bằng quơ. Họ đỡ cô gái đứng dậy. Tôi thấy nàng cũng khá xinh... Thật là một trò đùa vô nghĩa và không thể tha thứ được... Tôi đứng bên cạnh nàng trước bàn thờ. Linh mục thì vội vã; ba người đàn ông và chị người hầu đỡ cô dâu và chỉ lo săn sóc có một mình cô ấy. Người ta làm phép cưới cho chúng tôi. "Hãy hôn nhau đi", - họ bảo chúng tôi. Và vợ tôi quay khuôn mặt tái xanh sang phía tôi. Tôi toan hôn nàng... Nàng vụt kêu lên: "Trời ơi! Không phải chàng! Không phải chàng!" - và ngã lảo ra bất tỉnh. Những người làm chứng nhìn tôi bằng cặp mắt kinh hoàng. Tôi quay ngoắt lại bước ra khỏi nhà thờ, chẳng bị ai tìm cách giữ lại, tôi chạy đến xe nhảy lên và ra lệnh: "Đi! Đi!"

- Lạy Chúa, - Maria Gavrilópna kêu lên, - thế anh không biết sau đó người vợ khốn khổ của anh ra sao ư?

- Tôi không biết, - Burmin đáp, - tôi không biết tên làng tôi cưới vợ là gì, không nhớ ra cái trạm tôi khởi hành. Lúc ấy tôi cũng chẳng quan tâm gì mấy tới tầm nghiêm trọng của trò đùa tội lỗi ấy, cho nên ra khỏi nhà thờ là tôi ngủ quên và đến sáng hôm sau thức dậy thì đã thấy đi quá ba trạm rồi. Người cần vụ của tôi đã hi sinh ở mặt trận... thế là tôi không còn hy vọng gì tìm lại người ấy, người mà tôi đã dẫn vào một trò đùa cay đắng và giờ đây nàng cũng đang phải trả giá một cách cay đắng...

- Lạy Chúa! Trời ơi, - Maria Gavrilópna vừa nói vừa nắm lấy tay chàng, - người ấy là anh đấy ư, thế mà anh không nhận ra em ư?

Burmin tái mặt đi... và quỳ sụp xuống chân nàng...

#### PHỤ LỤC

(1) Đề từ trích trong bài hát ba-lát "Xvétlana" (1813) của nhà thơ Nga V. A. Giukópki (1785-1852).

(2) Con dấu (hay một cạnh của chiếc nhẫn mặt đá quý) được dùng để chỉ

người chủ con dấu đóng trên bức thư (tức là người gửi bức thư đó). Tula - một thành phố phía nam Matxcova, nổi tiếng về sản xuất những đồ dùng bằng kim loại.

(3) Giày có cựa – giày có lắp một mũi nhọn ở phía sau như cựa gà, của kỵ binh để thúc vào hông ngựa.

(4) Trận Bôrôđinô - trận thắng lớn của quân Nga trong cuộc kháng chiến chống Napôlêông ngày 26 tháng Tám năm 1912 do Kutudốp chỉ huy. Xem cả chú thích 28 ở truyện "Rôxlavliép".

(5) Áctêmixa - hoàng hậu, vợ vua Mápdôn ở xứ Galiacaronát nổi tiến về lòng chung thủy với chồng là Mápdôn (thế kỷ IV trước công nguyên), bà đã dựng cho người chồng quá cố một lăng tẩm, thời xưa được coi là một trong "bảy kỳ quan thế giới".

(6) Vive Henri-Quatre ("Hoàng đế Ăngri Đệ tứ vạn tuế") - các đoạn trích trong vở hài kịch "Chuyến đi săn của Ăngri Đệ tứ" (1774) của Sácơ Côlê (1709-1783).

(7) Tirôn - một vùng trên dãy Anpơ thuộc đất Áo

(8) Đây là nói đến vở nhạc hài kịch nổi tiếng "Giôcôngđơ, hay là người phiêu lưu" của nhạc sĩ Pháp Nicôlô Iduardơ (1775-1818) rất được hoan nghênh hồi năm 1814.

(9) Trích từ vở kịch hài hước "Nỗi khổ vì trí tuệ" của A.X.Gribôiêđốp (1795-1829), nhà viết kịch và nhà ngoại giao Nga nổi tiếng.

(10) Câu thơ này trích trong bài xô-nê thứ XXXII của nhà đại thi hào Ý Phranxétxô Pêtorarca (1304-1374).

(11) Những lời nói của Burminh giống như lời thú nhận tình yêu của St.-Preux (Xanh Pro) - nhân vật trong tiểu thuyết "Nàng Giulia, hay Êlôidơ mới" (1761) của Giăng Giắc Rútô (1712-1778) - nhà văn và nhà triết học khai sáng lỗi lạc của Pháp. - 71.

## **Tập Truyện ngắn**

### **Tập truyện của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố**

#### **ÔNG CHỦ HIỆU ĐÁM MA**

**Ngày ngày vẫn chưa thấy ư những chiếc  
quan tài,  
Và những đầu bạc phơ của vũ trụ già cỗi?**  
*Dergiavin(1)*

Những đồ vật vĩnh cuối cùng của bác chủ hiệu đám ma Adrian Prôkhôrôp đã chất lên trên chiếc xe đòn và cặp ngựa gầy còm ịch kéo chuyển thứ tư từ phố Baxmannaia về phố Nikítxkaia(2), nơi bác đã dọn cả nhà mình đến. Bác đóng cửa hiệu lại, treo lên cánh cửa một tấm biển đề: "Nhà bán hay cho thuê", rồi đi bộ về chỗ ở mới. Gần đến ngôi nhà nhỏ màu vàng, - ngôi nhà này đã quyến rũ trí tưởng tượng của bác từ lâu, và cuối cùng bác đã tậu nó với một món tiền khá lớn, - bác chủ hiệu già này ngạc nhiên cảm thấy lòng mình không được vui. Bước qua ngưỡng cửa, đi vào trong gian nhà đang bề bộn ngổn ngang, bác nhớ tiếc túp nhà cũ hư nát, nơi mà suốt mười tám năm qua bác đã giữ được một trật tự rất nghiêm ngặt; bác rầy la hai cô con gái và chị đầy tớ làm ăn chậm chạp, và tự mình bắt tay vào giúp đỡ họ. Trong chốc lát, nhà đã gọn gàng ngăn nắp. Chiếc tủ thờ có tượng thánh, tủ chén bát, cái bàn, đi-văng và giường nằm đều đã yên vị ở những góc dành cho nó trong phòng sau, ở nhà bếp và nhà khách thì xếp các sản phẩm của chủ nhân: những chiếc quan tài đủ các màu sắc, và đủ các cỡ, cả cái tủ chứa mũ áo đám ma và những cây đuốc nữa. Trên cửa hàng, treo một tấm biển có vẽ hình thần Amua béo tốt tay cầm một cây đuốc chúc ngược xuống(3), bên cạnh có đề mấy dòng chữ: "Ở đây bán áo quan loại gỗ mộc và loại gỗ sơn, cũng có cho thuê và sửa chữa quan tài cũ"(4). Các cô con gái đã về buồng riêng. Adrian dạo quanh nhà, rồi đến ngồi bên cửa sổ vào bảo đun ấm xamô-va.

Độc giả có học thức cao rộng chắc cũng biết rằng Séchxpia(5) và Uôn-tơ Scôt(6) đã tả những phu đào huyệt là những con người vui tính và hay bông đùa, để thể tương phản ấy đập mạnh vào trí tưởng tượng của chúng ta. Vì tôn trọng sự thực, chúng tôi không thể bắt chước các văn hào ấy mà buộc phải thú nhận là tính tình của bác chủ hiệu này hoàn toàn phù hợp với cái

nghề ẩm đạm của bác ấy. Adrian Prôkhôrôp thường đắm chiêu và tư lự. Thảng hoặc bác có lên tiếng chẳng thì chỉ để rầy la các cô con gái, khi bắt chợt bắt được họ đang rồi rĩ lảng lơ nhìn khách qua đường bên cửa sổ, hoặc để nâng cao giá hàng của mình lên với những kẻ bất hạnh (cũng có khi là may mắn) cần dùng đến thứ hàng ấy. Và đây, Adrian ngồi bên cửa sổ, bác đã uống đến chén trà thứ bảy, và vẫn như thường lệ, đang đắm chìm trong những ý nghĩ buồn bực của mình. Bác đang nghĩ đến trận mưa rào trước đây một tuần đã đón đường đám ma của viên đại tá hồi hưu ở cửa ô. Bao nhiêu áo tang bị nhăn nhúm, bao nhiêu mũ bị quần cả lên. Bác thấy trước những phí tổn không thể nào tránh khỏi, vì mớ áo tang dự trữ lâu ngày ấy đã trở về với bác trong một tình trạng thảm hại. Bác trông mong vào mụ nhà buôn già Toriukhina để bù lại chỗ tổn thất ấy: mụ này ngắc ngoải đã gần một năm nay rồi. Nhưng mụ Toriukhina có chết thì lại chết ở phố Radogulai, và Prôkhôlôp lo lắng những kẻ thừa kế gia tài mặc dầu đã hứa hẹn trước vẫn sẽ không chịu đi xa như thế này để tìm mình và họ sẽ thuê luôn nhà thầu gán đó.

Bỗng ba tiếng gõ cửa theo kiểu hội tam điểm(7) đến cắt dòng tư tưởng của bác.

Bác chủ hiệu hỏi: "Ai đấy?". Cửa mở, một người bước vào: chỉ mới thoát nhìn ai cũng biết đó là một tay thợ thủ công người Đức; nét mặt vui vẻ, người Đức đến gần bác chủ hiệu. "Xin lỗi bác, ông bạn láng giềng thân mến, - bác ta nói tiếng Nga với cái giọng lơ lớ của người ngoại quốc mà cho đến nay ai nghe cũng phải bật cười, - tôi đến quấy rầy bác thế này thật không phải. Tôi nóng lòng muốn làm quen với bác. Tôi làm thợ giày tên là Gótlíp Suntxơ, ở bên kia đường, nơi ngôi nhà nhỏ kia kia, đối diện ngay với cửa sổ bác đấy mà. Ngày mai tôi có việc làm lễ mừng đám cưới bạc(8) của chúng tôi, xin mời bác và hai cô sang tham dự bữa cơm thân mật". Lời mời được tiếp nhận vui vẻ. Bác chủ hiệu đám ma mời người thợ giày ngồi xuống uống chén trà; nhờ tính tình cởi mở của Gótlíp Suntxơ nên chẳng mấy chốc họ đã chuyện trò thân mật. Adrian hỏi: "Dạo này bác buôn bán ra sao?" Suntxơ đáp: "Ôi chà chà, cũng nhì nhằng vậy thôi. Chẳng có gì đáng phàn nàn. Thực ra dù sau hàng của tôi cũng không thể như hàng của bác được, người sống không có giày mang cũng xong; chứ người chết mà không có quan tài thì không thể sống được". Adrian nói: "Có thể thực, người sống không tiền mua giày, nói thì bác đừng giận, chứ họ đi chân đất cũng được, còn người chết nghèo kiết dù không có tiền trả cũng được người ta bố thí cho chiếc quan tài". Cứ như thế, chuyện trò kéo dài hồi lâu; cuối cùng người thợ giày đứng dậy cáo từ và một lần nữa nhắc lại với bác chủ hiệu đám ma lời mời của mình.

Hôm sau, đúng mười hai giờ trưa, bác chủ hiệu đám ma và các cô con gái ra

khỏi cửa ngôi nhà mới, sang nhà láng giềng. Tôi sẽ không tả cái áo ca-phơ-tan Nga của Adrian Prôkhô-rốp và trang phục theo kiểu châu Âu của các cô Akulina và Đaria (và như vậy là đã vi phạm một thói quen của các nhà viết tiểu thuyết thời nay). Nhưng tôi thiết tưởng cũng nên nói thêm rằng hai cô đều đội mũ vàng, đi giày đỏ, những thứ như các cô cũng dùng đến trong những dịp long trọng.

Căn nhà nhỏ của bác thợ giày đã đầy khách, phần đông là những thợ thủ công người Đức cùng đi với vợ và những người thợ phụ. Về phía viên chức Nga thì duy nhất chỉ có một viên cảnh binh, người dân tộc Tsukhônét(9) tên là Urocô, mặc dù chức tước nhỏ mọn, vẫn được chủ nhân tiếp đón nồng hậu. Trong hai mươi lăm năm trôi, với chức tước ấy, bác đã phục vụ trung thành và thật thà cũng như bác phu trạm của Pôgôrenxki(10). Khói lửa năm 1812 (khi quân Napôlêông vào Mátxcova) tàn phá đệ nhất kinh đô(11), đã triệt hạ cả chiếc trạm gác màu vàng của bác. Nhưng lập tức, ngay sau khi kẻ thù bị đánh đuổi, trên địa điểm cũ lại xuất hiện một trạm gác mới, màu xám, với những cây cột trắng theo kiểu Đô-ri-da(12), và Urocô lại đi đi lại lại bên cạnh cái trạm gác ấy, *tay cầm lưỡi tầm sét, mình mặc áo giáp*(13). Bác quen biết được hầu hết những người Đức ở gần cửa ô Nhikítxki, và trong bọn đó còn đến ở lại nhà bác từ tối chủ nhật đến sáng thứ hai nữa là khác. Adrian làm quen ngay với bác này, một kẻ mà chóng hay chầy thì cũng có lúc cũng sẽ cần đến; và khi khách khứa an toạ thì hai người cùng ngồi bên nhau. Ông Suntxơ, bà Luyda Suntxơ cùng cô con gái, cô Lôt-sen, tuổi vừa mười bảy cùng ngồi vào bàn ăn tiếp khách, vừa mời mọc vừa giúp chị đầu bếp phục vụ. Rượu bia rót tràn trề. Urocô một mình ăn bằng bốn người, Adrian cũng không chịu kém; các cô con gái thì còn giữ nét; chuyện trò bằng tiếng Đức càng lâu càng náo nhiệt. Bỗng chủ nhân yêu cầu mọi người chú ý và mở một chai rượu đang nguyên xi, cất cao giọng bằng tiếng Nga: "Chúc sức khỏe Luyda vợ hiền của tôi!" Rượu sâm-banh trào bọt ra. Chủ nhân âu yếm hôn lên khuôn mặt hồng hào của bà vợ trạc độ bốn mươi ngồi bên cạnh, tất cả khách khứa ầm ĩ cạ chen chúc sức khỏe bà Luyda. "Chúc sức khỏe tất cả các vị khách thân mến của tôi!" - chủ nhân tuyên bố, tay mở chai rượu thứ hai, khách khứa cảm ơn chủ nhân, rồi lại cạ chen. Những lời chúc sức khỏe bắt đầu như thế và cứ như nối tiếp nhau: họ uống chúc sức khỏe từng người, chúc sức khỏe Mátxcova, chúc sức khỏe cả một tá những thành phố nhỏ ở Đức, chúc sức khỏe các phường hội nói chung, rồi mỗi phường hội nói riêng, chúc sức khỏe các thợ cả, rồi chúc sức khỏe các thợ phụ. Adrian tha hồ ăn uống và cao hứng đến mức bác ta cũng đề nghị nâng cốc bằng một câu khôi hài. Bỗng trong hàng khách dự tiệc, bác thợ làm bánh to béo nâng cốc và lớn tiếng: "Chúc sức khỏe tất cả những người dùng hàng của chúng ta, *unserer Kundleute* \*!". Cũng như mọi lần trước, đề nghị này được mọi người

vui vẻ đồng thanh hưởng ứng. Khách bắt đầu chúc lẫn nhau, bác thợ may chúc bác thợ giày, bác thợ giày chúc bác thợ may, bác hàng bánh chúc cả hai người, tất cả mọi người chúc bác hàng bánh và cứ thế tiếp tục mãi. Giữa những lời chúc tụng lẫn nhau ấy, Urocô quay sang ông bạn bên cạnh hét to: "Thế nào đây? Bác cũng phải nâng cốc chúc sức khỏe các người chết của bác chứ!" Mọi người phá lên cười. Nhưng bác chủ hiệu đám ma cho rằng họ mỉa mình và sa sầm nét mặt. Cũng chẳng ai để ý đến điều đó, khách tiếp tục ăn uống, và khi họ đứng dậy thì hồi chuông lễ buổi chiều đã vang lên. Khách tản mát ra về thì đã quá muộn, phần đông ngà ngà say. Bác hàng bánh to béo và anh thợ đóng sách, khuôn mặt "*trông như một bì da láng hồng*"(14) vừa khoát tay dắt Urocô về trạm gác vừa suy ngẫm về câu tục ngữ Nga trong trường hợp này: "Nợ đời có vay có trả". Bác chủ hiệu đám ma ra về, vừa say vừa cáu: "Thực ra là thế nào hả? - Bác lớn tiếng suy luận như vậy, - nghề của ta đây không lương thiện bằng các nghề khác hay sao? chủ hiệu đám ma có phải là anh em của đao phủ đâu? tội dị giáo ấy cười cái gì? Chủ hiệu đám ma có phải là thằng hề của ngày lễ Nô-en đâu? Ta định mời chúng ăn mừng nhà mới, thết đãi cho ra hồn: nhưng đã vậy thì thôi! Ta sẽ mời khách dùng hàng của ta, ta sẽ mời những người chết chính giáo". - "Sao thế hả ông? - Chị đây tớ đang cởi giày cho bác hỏi, - ông nói nhảm nhí gì vậy? Hãy làm dấu đi! Mời người chết về ăn mừng nhà mới? Ý muốn gì quái gỡ thế!" - "Thế đây, nói có trời, - Adrian nói tiếp, - ta sẽ mời và ngay ngày mai đây! Các ngài hãy đến cho kịp thời, hồi các ân nhân của tôi, mời các ngài chiều mai đến dự tiệc ở nhà tôi, nhà tôi có gì tôi sẽ đem thết đãi các ngài hết". Dứt lời bác vào giường nằm và trong chốc lát đã ngáy khò khò. Ngoài sân còn tối mịt, người ta đã đánh thức Adrian dậy. Mụ lái buôn Toriukhina đã chết ngay đêm hôm ấy, lão quản lý của mụ cho người phi ngựa cấp báo với Adrian tin này. Bác chủ hiệu đám ma tặng người đưa tin mười cô-pếch làm quà uống rượu rồi vội vã mặc áo quần, thuê xe và đi ngay đến Radogulai. Trước cửa nhà người chết, cảnh sát đã đứng sẵn, bọn lái buôn láo nháo như lũ quạ đánh hơi được xác chết. Kẻ quá cố nằm trên một chiếc bàn, vàng ệu như sáp, nhưng hãy còn chưa trưng phình lên. Xung quanh mụ, họ hàng, láng giềng, gia thuộc chen chúc. Các cửa sổ đều mở toang, nền thấp sáng trưng; các linh mục đang cầu kinh. Adrian lại gần người cháu mụ Toriukhina, một chàng lái buôn trẻ tuổi, mặc áo lễ rất hợp thời trang, trình bày với y rằng: áo quan, nến, vải phủ quan tài và mọi thứ cần dùng cho tang lễ đều được đưa đến tức khắc, tất cả đều chu tất. Anh chàng thừa kế ấy lơ đãng cảm ơn bác và nói rằng y không mặc cả, hoàn toàn tin cậy vào lương tâm của bác. Bác chủ hiệu đám ma theo thói quen thề rằng sẽ không lấy thừa một đồng nào; bác trao đổi một cái liếc nhìn đầy ý nghĩa đối với viên quản lý và chạy đi lo liệu công việc cần thiết. Suốt ngày bác



chạy đi chạy về giữa Radogulai và cửa ô Nhikítxki; đến chiều xong mọi việc, bác không thuê xe nữa, đi bộ về nhà. Đêm ấy sáng trăng. Bác chủ hiệu đám ma khoan khoái về đến cửa ô Nhikítxki. Gần đến nhà thờ Mừng Chúa thăng thiên, bác cảnh binh Urocô quen biết của chúng ta cất tiếng hô "đứng lại" nhưng nhận ra bác chủ hiệu đám ma, bèn chúc bác về ngủ ngon giấc. Khuya rồi. Bác chủ hiệu đám ma đã về gần đến nhà. Bỗng bác thấy hình như có ai đi tới trước cổng, mở cánh cửa ra và lẫn biến vào trong. "Như thế là thế nào? - Adrian thầm nghĩ. - Ai có việc cần đến mình bây giờ nhỉ? Hay một tên ăn trộm muốn vào cuỗm cái gì của mình? Hay lũ tình nhân nào đến tìm mấy con bé mất nết? Chắc là triệu bất tường rồi đây!" Và bác đã nghĩ đến việc gọi ông bạn Urocô đến. Ngay lúc ấy, một người nữa đến gần bên cửa sắp bước vào, nhưng thấy chủ nhân đang chạy lại, thì dừng chân, cất chiếc mũ ba góc xuống chào. Adrian thấy một gã hình như quen quen, nhưng không kịp chú ý nhìn kỹ. "Ông đến nhà tôi à? - Adrian vừa nói vừa thở hổn hển. - Mời ông chiếu cố quá bộ vào nhà". - "Đừng khách sáo nữa bác ạ, - người kia đáp lại giọng trầm trầm, - xin mời bác vào trước và chỉ đường cho khách!" Adrian có khách sáo bao giờ đâu. Cửa đã mở, bác leo lên cầu thang, và người kia nối gót theo sau. Adrian nghe như trong nhà có nhiều bước chân người. "Ma quỷ gì thế!" - bác nghĩ thầm và bước vội vào phòng... Cặp giò bác khuyu xuống. Gian phòng chật ních những người chết. Ánh trăng xuyên qua cửa sổ, chiếu lên những khuôn mặt vàng ệu xanh nhợt của họ, những cái mồm sâu hoắm, những con mắt đục nhờ nhờ hé mở, những lỗ mũi toang hoác... Adrian khiếp sợ nhận ra họ là tất cả những người mà bác đã đưa đi chôn và cùng vào với bác chính là viên đại tá mà bác đưa đám hôm có trận mưa rào. Tất cả bọn họ, đàn bà và đàn ông xúm quanh bác chào hỏi và chúc mừng, chỉ trừ một con ma nghèo kiết vừa mới được chôn bố thí, lúng túng và then thùng vì rách rưới không đến gần, thủ phận đứng ở một góc. Mọi người khác đều ăn mặc chỉnh tề: những người đàn bà đội mũ mềm có dải lụa, những người chết có chức tước thắp cả một bộ sắc phục, nhưng râu ria không cạo, bọn lái buôn thì khoác áo ca-phơ-tan ngày lễ. "Thấy không, bác Prôkhôrốp, - viên đại tá thay mặt đám khách lương thiện nói, - theo lời mời của bác, tất cả chúng tôi đều trời dậy. Còn lại chẳng ở nhà là những kẻ đã ruồng nát chỉ còn bộ xương không có da, nhưng kia, tuy thế, trong số đó vẫn có một người không cảm lòng được, - anh ta muốn đến thăm bác quá chừng..." Ngay lúc ấy một bộ xương thấp bé rẽ đám đông tiến đến gần Adrian. Chiếc sọ dừa mỉm cười thân mật với bác chủ hiệu. Nhưng miếng giẻ dạ xanh màu lá cây và màu đỏ, những mảnh vải rách treo lủng lẳng trên người y như dính trên ngọn sào và bộ xương ống chân va lộc cộc vào đôi ủng kéch sù như cặp chày giã trong cối. "Bác không nhận ra tôi ư, bác Prôkhôrốp, - bộ xương nói, - bác không nhớ viên đội vệ binh hưu trí Piôt

Pêtorôvích Curinkin, người bác bán chiếc quan tài đầu tiên năm 1799, chiếc quan tài bằng gỗ thông mà bác bảo là gỗ sồi ấy mà?" Dứt lời bộ xương dang hai cánh tay xương xẩu ôm lấy bác, còn Adrian thì cố hết sức hét lên và đẩy bộ xương ra. Piôt Pêtorôvích lão đảo ngã rụi xuống, vỡ vụn thành từng mảnh. Tiếng rì rầm bất bình nổi lên giữa đám người chết; tất cả đều đứng ra bảo vệ danh dự cho bạn họ, họ xông vào Adrian mà nguyên rủa và đe dọa, còn bác chủ nhà khốn khổ ù tai vì những tiếng la ó của họ, thấy ngọt ngào, hồn vía lên mây, ngã quỵ trên những mảnh xương tàn của viên đội hưu trí và ngất đi.

Mặt trời rơi đã lâu vào giường của bác chủ hiệu đám ma nằm. Cuối cùng bác mở mắt ra và thấy trước mặt mình chị đầy tớ đang thổi lửa trong ấm xa-mô-va. Bác sợ hãi nhớ lại những biến cố đêm qua. Toriukhina, viên đại tá, viên đội Curinkin mờ mờ hiện ra trong trí tưởng tượng của bác. Bác yên lặng chờ chị đầy tớ nói chuyện về những biến cố đêm qua.

- Ông Adrian Prôkhôvôvích ngủ say quá đi mất, - Acxinhia vừa nói vừa trao cho bác chiếc áo khoác dài. - Ông thợ may bên cạnh có ghé thăm ông, và bác cảnh binh đến báo với ông rằng hôm nay là ngày lễ thánh của bác ấy, nhưng ông ngủ say quá, chúng tôi không muốn đánh thức dậy..

- Có ai đến đây hỏi tôi về việc làm ma cho bà Toriukhina không?

- Làm ma à? Bà ấy chết rồi ư?

- Ô, cái con này! Đầu óc để đâu, chẳng phải chiều hôm qua chính mày giúp tao lo đám ma cho mẹ ấy ư?

- Ông nói gì thế? Ông mất trí rồi ư? Hay là rượu hôm qua chưa tỉnh? Đám ma nào chiều hôm qua? Hôm qua ông ăn tiệc cả ngày bên nhà người Đức ấy, lúc trở về say khướt ra, ông lăn vào giường ngủ cho mãi đến tận giờ này, bây giờ đã quá buổi cầu kinh rồi đấy.

- Thật thế ư? - bác chủ hiệu đám ma vui mừng nói.

- Đúng thật như thế đấy, - chị đầy tớ đáp.

- A, nếu thế thì pha trà nhanh đi, rồi đi gọi các cô lại nhé!

\*Các khách hàng của chúng ta! (tiếng Đức)

PHỤ LỤC

(1) Đề từ trích trong bài tụng ca "Thác nước" (1794) của nhà thơ Nga G.R.Đerghiavin (1743-1816).

(2) Hai phố ở hai đầu khác nhau của Mátxcova thời ấy.

(3) Thần Amua cầm một cây đuốc chúc ngược xuống là biểu tượng của sự chết chóc.

(4) Ở Nga ngày xưa, những nhà nghèo, khi có người chết, không có đủ tiền mua quan tài tốt, họ thuê một quan tài loại tốt để hoàn thi hài trong khi người ta phúng viếng. Rồi lúc đem chôn thì dùng quan tài xấu hơn.

(5),(6) *Sếchxpia Uyliam (1564-1616) - nhà thơ và nhà soạn kịch Anh vĩ đại, Uônơ Scốt (1771-1832) - nhà văn Anh viết nhiều tiểu thuyết lịch sử. Ở đây Puskin muốn nói tới hình tượng những người phu đào huyết trong vở bi kịch "Hăm lét" của Sếchxpia và trong tiểu thuyết "Cô dân xứ Laméc mua" của Uônơ Scốt.*

(7) *Hội tam điểm là một tổ chức theo chủ nghĩa thần bí tồn tại vào nửa cuối thế kỷ thứ XVIII. Hội này đặt cho mình mục tiêu phục hồi mặt đạo đức của loài người. Ba tiếng gõ cửa là một trong những nghi thức của hội viên hội tam điểm. Ở đây cách gọi ba tiếng gõ cửa "theo kiểu hội tam điểm" được dùng theo nghĩa pha trò.*

(8) *Ở nước Nga đám cưới bạc là lễ mừng kỷ niệm 25 năm ngày thành hôn. Đám cưới vàng là kỷ niệm 50 năm ngày thành hôn.*

(9) *Người Phần Lan ở vùng Ban Tích.*

(10) *Viên phu trạm về hưu Ônúphrích - nhân vật trong truyện "Cô hàng kẹo ở Lêphoócôvô" (1825) của Antôni Pôgôrenxki (A.A.Pêrôpxki, 1787-1836).*

(11) *Chi việc Napôlêông chiếm Mátxcova, kinh thành tự thiêu huỷ năm 1812.*

(12) *Kiểu Đôriđa - một trong ba kiểu kiến trúc chủ yếu cổ Hy Lạp (các loại bố cục kiến trúc). Các công trình xây dựng theo kiểu Đôriđa nổi bật bởi tính hàm súc, giản dị và nghiêm trang về đường nét.*

(13) *Trích trong truyện cổ tích bằng thơ "Mụ ngốc Pakhômốpna" của A.E.Idomailốp (1779-1831).*

(14) *Câu trích không thật đúng theo hài kịch "Tay khoác lác" (1786) của Ia.B.Knhiagionhin (1742-1791).*

## Tập Truyện ngắn

### Tập truyện của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố

#### NGƯỜI COI TRẠM

**Viên chức vào hạng bét**

**Độc tài trạm giao thông**

*Công tước Viademxki(1)*

Thử hỏi ai là kẻ chưa từng nguyên rủa những người coi trạm, ai là kẻ chưa từng chửi bới họ? Ai mà chả có lần, trong một phút giận dữ, đã đòi cho được quyền sổ tai hại để ghi vào đó những lời than phiền bất lợi về một sự xúc phạm, một thái độ lỗ mãng hay một điều sai hện? Ai là người chưa từng xem họ như những ác ôn giữa giống người, như là lũ thơ lại(2) hiện hình, hay ít nhất cũng như những tên kẻ cướp ở Murôm(3)? Nhưng chúng ta phải công bằng một chút, hãy thử đặt mình vào hoàn cảnh của họ, và có thể, chúng ta sẽ xét đoán về họ một cách khoan dung độ lượng hơn. Vậy người coi trạm là gì? Đó là kẻ bị đầy ải thực sự ở bậc thang thứ mười bốn, may lắm cũng chỉ nhờ vào thứ bậc ấy mà thoát khỏi những cái đám đá, nhưng không phải lúc nào cũng thoát được đâu (điều này thì tôi để tùy lương tâm độc giả xét lấy). Thế thì những con người mà công tước Viademxki vẫn gọi đùa là nhà độc tài ấy, cương vị của họ ra sao? Đó không phải là khổ sai thực sự ư? Cả đêm lẫn ngày chẳng lúc nào được yên. Mọi nỗi bức tức chất chứa trong cuộc hành trình buồn chán của mình, khách lữ hành đều trút cả lên đầu người coi trạm. Trời xấu, đường sá gập ghềnh, người đánh xe cứng đầu cứng cổ, lũ ngựa không chịu kéo - tất cả đều là lỗi của người coi trạm. Bước vào chỗ ở nghèo nàn của y, khách đi đường nhìn y như nhìn một kẻ thù; may mắn thay, nếu y tổng tiền được nhanh chóng người khách không cần mà đến ấy; nhưng nếu rủi không có ngựa?... Lạy Chúa! Bao nhiêu lời nguyên rủa, dọa nạt trút xuống đầu y. Giữa trời mưa lầy lội, y vẫn phải chạy vạy khắp các nhà; giữa bão táp, giá băng cắt thịt, y vẫn phải bước ra ngoài phòng đệm, chỉ cốt được yên thân một phút, thoát khỏi những tiếng la ó, những cái xô đẩy của khách đi đường đang cơn thịnh nộ. Một vị tướng đến; người coi trạm run rẩy dâng ngay hai cỗ xe cuối cùng, trong đó có cả cỗ xe chạy công văn hỏa tốc. Vị tướng ra đi không có lấy một lời cảm ơn! Và năm phút sau lại có tiếng nhạc ngựa!... Và viên sĩ quan liên lạc(4) ném lên bàn cho y một tờ lộ trình!... Hãy xét cho đến nơi đến chốn mọi nguồn cơn ấy, thì nổi tức giận sẽ tiêu tan và

lòng ta sẽ chan chứa một mối thông cảm chân thành. Xin thêm vài dòng nữa; trong suốt hai mươi năm trời, tôi đã đi ngang về dọc khắp nước Nga, đã thông thuộc hầu hết các đường trạm, đã biết vài thế hệ những người đánh xe; ít có những người coi trạm mà tôi không quen mặt, và cũng hiếm những người không có việc liên quan tới tôi; những chuyện lý thú lượm lặt được dọc đường tôi sẽ cho xuất bản một ngày gần đây; trong khi chờ đợi, tôi chỉ cần nói rằng dư luận chung quan niệm về tầng lớp những người coi trạm một cách thật là sai lệch. Những người coi trạm bị vu khống quá chừng ấy, nói chung, là những con người bình lặng, bản tính vốn ân cần, dễ chan hoà, chỉ có những ước vọng khiêm tốn về danh vị và không hề tham lam quá độ.

Trong những chuyện trò của họ (thứ chuyện trò mà quý ngài hành khách vẫn không thêm lưu ý) có thể rút ra nhiều điều thú vị và bổ ích. Riêng tôi, thú thật là tôi thích những chuyện trò ấy hơn là lời lẽ của các ngài quan chức bậc sáu di chuyển vì công vụ.

Cũng chẳng khó khăn gì mà không đoán ra rằng tôi có những người bạn thân ở tầng lớp coi trạm đáng kính ấy. Quả thật ký ức tôi còn trân trọng hình ảnh của một người trong số đó. Trước đây, hoàn cảnh đã khiến cho chúng tôi gần gũi nhau và giờ đây, chính đó là người tôi muốn đem ra nói chuyện cùng độc giả thân mến.

Tháng Năm năm 1816, tôi có dịp qua tỉnh X. theo con đường trạm, đường trạm ấy ngày nay đã bỏ rồi. Tôi ở cấp bậc thấp nên đi xe thư và nhận trả phần tiền hai con ngựa. Do đó mà đối với tôi, những người coi trạm chẳng có gì vĩ đại, và thường thường tôi cứ phải đấu tranh gay go để giành lấy những gì mà tôi cho là quyền lợi chính đáng của mình. Còn trẻ trung và xốc nổi, tôi công phần vì thái độ luôn cúi và hèn nhát của những người coi trạm khi người này đem cỗ tam mã dành phần tôi thắng ngay vào chiếc xe lớn của một vị đại thần quyền quý. Và cũng như thế, trong một thời gian khá lâu, tôi không thể nào quen được với việc người hầu hay bắt bẻ bỏ sót tôi trong bữa tiệc của viên tổng đốc. Ngày nay, việc này hay việc kia, đối với tôi hình như cũng là điều tự nhiên thôi. Thật vậy, sự thể sẽ ra sao, nếu thay thế vào quy tắc phổ biến: *cấp bậc tôn trọng lấy cấp bậc*, ta đem áp dụng một quy tắc khác, chẳng hạn như: *trí tuệ tôn trọng lấy trí tuệ*? Bao nhiêu cuộc bàn cãi sẽ nổ ra! Và những người hầu còn biết ai là người mình cần phải phục dịch trước tiên? Nhưng thôi, hãy trở về với câu chuyện tôi đang kể.

Hôm ấy là một ngày oi bức. Còn cách trạm N. ba véc-xta thì trời bắt đầu mưa đổ hột, và một phút sau thì một trận mưa rào xối cho chúng tôi ướt như chuột lột. Đến trạm, việc đầu tiên là thay quần áo cho nhanh và việc thứ hai là bảo pha trà. - "Này, Đunhia! - bác coi trạm lớn tiếng gọi, - soạn đốt ấm xa-mô-xa và đi lấy kem nhé". Bác vừa dứt lời thì từ sau vách ngăn một thiếu nữ độ mười bốn tuổi đi ra, rào bước về phía phòng đệm. Sắc đẹp của cô bé

làm tôi choáng người. - "Con gái của bác đấy à?" - tôi hỏi người coi trạm. - "Vâng, con gái tôi đấy! - bác ta đáp lại với một vẻ hãnh diện, - cháu rất ngoan và nhanh nhẹn, giống hệt mẹ nó lúc sinh thời". Rồi bác bắt đầu vào sổ giấy lộ trình của tôi, còn tôi thì chú ý ngắm những bức tranh trang trí trong ngôi nhà đậm bạc, nhưng tươi tắn. Một bức tranh kể lại chuyện "Đứa con hư": bức thứ nhất vẽ một cụ già đội mũ chụp, mặc chiếc áo khoác ngủ, từ biệt một thanh niên có vẻ sốt ruột đang vội vàng nhận lấy lời ban chúc của cha cùng với một túi bạc đầy. Trong bức thứ hai, đời sống hư hỏng trác táng của chàng thanh niên được vẽ nên với những đường nét sắc sảo: y ngồi bên một cái bàn giữa đám bạn bè đối trá và những người đàn bà trơ trẽn. Bức tiếp theo vẽ người thanh niên khốn cùng rách rưới, đầu đội mũ ba góc, đang chặn mấy con lợn và chia thức ăn với chúng; mặt y lộ rõ vẻ buồn sâu sắc và lòng hối hận. Cuối cùng là cảnh anh chàng trở về với người cha; ông già phúc hậu vẫn chiếc mũ và cái áo ấy, niềm nở ra đón chàng: đứa con hư hỏng đang quỳ trước mặt cha; phía hậu cảnh, người ta thấy chủ đầu bếp đang thịt một con bê béo mập và người anh đang hỏi đầy tớ về duyên cớ của bữa tiệc mừng. Dưới mỗi bức tranh tôi đọc được những câu thơ họa cảnh bằng tiếng Đức. Đến ngày nay, ký ức của tôi còn giữ nguyên tất cả những thứ ấy, cùng chậu hoa phụng tiên, chiếc giường với chiếc màn cửa sặc sỡ và những đồ vật khác ở quanh tôi hồi ấy. Tôi cũng còn thấy rõ như đang ở trước mặt tôi, người chủ nhà ấy trạc độ năm mươi, tươi tắn nhanh nhẹn trong chiếc áo hơi dài màu xanh lá cây với ba tấm mẽ-day mà dây đeo đã bạc màu.

Tôi chưa kịp thanh toán xong tiền nong với người đánh xe trạm trước, thì Đunhia đã trở về với âm xa-mô-va. Chỉ liếc nhìn tôi đến lần thứ hai là cô bé yếu điệu đã nhận thấy tác động của nàng đối với tôi: cặp mắt to và xanh của cô nhìn xuống; tôi bắt chuyện, nàng đáp lại không chút e thẹn như một cô gái lịch duyệt. Tôi mời người cha một cốc rượu pun-sờ; trao cho Đunhia một chén trà, và cả ba chúng tôi chuyện trò như những người quen biết nhau từ đời nào đời nào.

Ngựa sẵn sàng đã lâu, nhưng tôi vẫn chưa muốn rời người coi trạm và cô con gái của bác ta. Cuối cùng tôi cũng đành phải từ biệt họ; người cha chúc tôi đi đường mạnh khỏe, và cô gái tiễn tôi ra tận xe. Trong phòng đệm, tôi dừng lại và xin phép ôm hôn nàng; Đunhia không từ chối... Kể từ khi tôi làm việc đó, tôi cũng đã từng hôn nhiều lần, nhưng chưa có chiếc hôn nào để lại trong tôi một kỷ niệm lâu dài và êm đềm đến thế.

Mấy năm trôi qua, tôi lại có dịp đi trên con đường trạm ấy, trở lại những chốn cũ ấy. Tôi nhớ đến cô gái con bác coi trạm già và thấy lòng vui thích khi nghĩ rằng mình sẽ được gặp nàng một lần nữa. Nhưng tôi lại tự nhủ có thể bác coi trạm già ấy đã đổi đi nơi khác; chắc là Đunhia đã lấy chồng. Tôi thoáng có ý nghĩ rằng bác ta hay cô gái kia đã chết, và tôi tiến gần tới trạm

N. với một mối linh cảm buồn rầu.

Ngựa dừng lại trước ngôi trạm nhỏ bé. Vào phòng tôi nhận ra ngay những bức tranh kể lại câu chuyện đưa con hư hỏng; cái bàn và chiếc giường vẫn nguyên chỗ cũ; nhưng bên cửa sổ không còn thấy những đoá hoa như xưa, tất cả xung quanh đều đượm một vẻ tàn tạ và bừa bãi. Bác coi trạm già đang nằm ngủ, mình đắp chiếc áo lông tu-lúp; tiếng chân tôi bước vào đã đánh thức bác; bác đã choàng dậy... Đúng là bác Xamxôn Vurin; nhưng sao già đi nhiều quá! Trong lúc bác vào sổ giấy lộ trình của tôi, tôi ngắm nhìn mái tóc bạc, những nếp nhăn in sâu trên khuôn mặt từ lâu không cạo, cái lưng còng của bác, tôi không khỏi lạ lùng sửng sốt: thời gian ba hay bốn năm đã có thể biến đổi một người đàn ông cường tráng thành một cụ già lom khom như thế ư? Tôi hỏi: "Bác không nhận ra tôi à? Tôi với bác là chỗ quen biết cũ đây mà?" - "Vâng, có thể như thế đấy, - bác cau có đáp lại, - con đường lớn lắm, tôi đã gặp bao nhiêu khách đi về". - "Đunhia của bác vẫn mạnh khỏe chứ?" - tôi hỏi tiếp. Ông già cau mặt. "Ồ, có trời biết được", - bác trả lời. - "Thế nghĩa là cô ấy lấy chồng rồi?" - tôi lại hỏi. Ông già làm ra vẻ như không nghe, và tiếp tục lăm bằm đọc tờ lộ trình của tôi. Tôi không hỏi nữa và bảo pha trà. Trí tò mò bắt đầu day dứt tôi, và tôi hy vọng rằng một cốc rượu pun-sơ sẽ làm cho ông bạn già của tôi cởi mở hơn.

Tôi đã không lầm: ông già chẳng từ chối cốc rượu mời. Tôi để ý thấy rượu mạnh đã xoá dần vẻ cau có của ông. Sang cốc thứ hai ông bắt đầu nói nhiều; ông đã nhớ ra tôi, hoặc làm ra vẻ như đã nhớ ra, và tôi biết được câu chuyện của ông, một câu chuyện đã làm tôi chú ý và xúc động mãnh liệt.

- "Thế ra ông có biết con Đunhia nhà tôi? - ông ta bắt đầu. - Ai mà không biết con bé kia chứ? Chao, Đunhia! Đunhia! Thật là một con bé khó ai bì kịp! Mọi khách đi qua đều trầm trồ khen ngợi chẳng hề ai chê bai nó. Các bà phu nhân làm quà cho nó hoặc chiếc khăn mùi-soa, hoặc đôi hoa tay. Các khách nam giới thì cố ý dừng lại để ăn bữa trưa hoặc bữa tối, nhưng kỳ thực chỉ là để nhìn nó được lâu hơn. Các vị công hầu, dù con thịnh nộ đến thế nào chẳng nữa, trước mặt nó cũng dịu ngay xuống và ăn nói với tôi rất ôn tồn. Ông có biết không? Ngay các giao thông viên hoả tốc, các sĩ quan liên lạc cũng trò chuyện với nó hàng nửa giờ. Việc nhà, việc cửa đều một tay nó lo liệu: cần sắp đặt nấu nướng gì nó làm đâu ra đấy cả. Còn tôi một lão già ngu ngốc, tôi cũng để tâm đến nó, có khi tôi cũng nở ruột nở gan về nó nữa; đâu có phải tôi không thương yêu Đunhia, tôi không nâng niu con gái rượu của tôi; đâu có phải là cuộc sống ở đây không xứng đáng với nó? Không! Con người ta dù cầu khẩn thế nào cũng không tránh được tai hoạ, số trời đã định thì không ai thoát khỏi". - Rồi ông ta kể cho tôi rõ chi tiết câu chuyện đau buồn của mình. - Ba năm về trước, một buổi chiều mùa đông, giữa lúc bác coi trạm đang kể dòng quyền sổ mới, và sau vách ngăn, cô con gái đang ngồi

khâu chiếc áo của mình, thì một cỗ xe tam mã đến, một người khách đầu đội chiếc mũ lông kiêu Tséckétxơ, khoác áo ca-pốt nhà binh, choàng khăn san bước vào phòng đòi lấy ngựa. Bao nhiêu ngựa đều đã cho đi hết rồi. Được báo như thế khách lập tức to tiếng và giơ cao chiếc roi da lên, nhưng Đunhia đã quen với những cảnh ấy, liền từ sau vách ngăn chạy ra, dịu dàng hỏi khách: "Thưa ngài, ngài có cần xoi gì không ạ?" Sự xuất hiện của Đunhia đã có tác dụng như thường lệ. Trận lôi đình của khách tiêu tan ngay; khách bằng lòng chờ ngựa và bảo dọn bữa ăn tối. Sau khi khách đã cất cái mũ lông ướt sũng, tháo chiếc khăn san và cởi áo ca-pốt mới thấy rõ đó là một sĩ quan khinh kỵ trẻ tuổi đáng người cân đối, hàng ria mép đen tía nhỏ. Anh chàng ngồi xuống, chuyện trò vui vẻ cùng bác coi trạm và cô con gái. Bữa ăn chiều đã dọn xong. Giữa lúc ấy có ngựa về. Bác coi trạm không kịp cho ngựa ăn, bảo thắng ngay vào xe của khách; nhưng khi trở vào, bác thấy chàng trai trẻ sổng sượt trên ghế dài, gần như bất tỉnh nhân sự. Chàng thấy khó chịu và nhức đầu quá, không thể đi được nữa... Biết làm sao đây! Bác coi trạm nhường chiếc giường của mình cho khách, và định bụng rằng nếu bệnh nhân không thuyên giảm thì sáng sớm hôm sau phải cho người đi mời thầy thuốc ở S.

Hôm sau chàng khinh kỵ càng ốm nặng. Gia nhân của chàng phải phóng ngựa lên phố mời thầy thuốc. Đunhia buộc vào đầu chàng một chiếc khăn tẩm giấm và ngồi ngay cạnh giường khâu vá. Trước mặt bác coi trạm thì bệnh nhân rên rỉ, hầu như không nói được một tiếng nào, nhưng chàng lại uống những hai cốc cà-phê và vừa rên vừa bảo cứ dọn bữa ăn trưa. Đunhia không rời chàng một bước. Chàng luôn mồm đòi uống và Đunhia bưng cho chàng cốc nước chanh tự tay nàng pha lấy. Bệnh nhân chỉ nhấp môi, và mỗi lần trao lại cốc, để tỏ ý cảm ơn, bàn tay yếu ớt của chàng lại nắm chặt lấy tay nàng. Vào khoảng giờ ăn trưa thì thầy thuốc đến. Ông ta bắt mạch người ốm và trao đổi với chàng bằng tiếng Đức, rồi giải thích bằng tiếng Nga rằng chỉ cần để khách yên tĩnh là khỏi thôi và sau hai hôm là có thể lên đường. Chàng khinh kỵ trẻ trả cho ông ta hai mươi lăm đồng rúp tiền khám bệnh và mời ở lại ăn trưa; thầy thuốc nhận lời; cả hai ăn uống rất ngon lành, cạn hết một chai rượu vang và chia tay, đôi bên đều rất hài lòng.

Một ngày nữa trôi qua, chàng khinh kỵ đã hoàn toàn bình phục. Anh chàng cực kỳ vui vẻ, luôn mồm nói đùa khi thì với Đunhia, khi thì với bác coi trạm; huýt sáo, chuyện trò với khách, ghi giấy lộ trình của họ vào sổ, được lòng bác coi trạm tới mức sớm ngày thứ ba bác rất lưu luyến khi phải từ biệt người khách đáng yêu ấy. Hôm ấy là ngày chủ nhật; Đunhia sửa soạn đi xem lễ. Xe của chàng khinh kỵ đã đánh ra. Chàng từ giã bác coi trạm và trả tiền trọ, tiền ăn cho bác rất hậu; chàng chào Đunhia và tình nguyện chở nàng đến nhà thờ ở cuối làng. Đunhia đang phân vân. Cha nàng bảo: "Con sợ gì kia



chứ, ngài đây không phải là con sói, ngài có ăn thịt con đâu mà sợ? Hãy đi nhờ xe ngài đến nhà thờ con ạ". Đunhia ngồi lên xe bên cạnh chàng sĩ quan khinh kỵ, người hầu nhảy lên chỗ mình, anh đánh xe huýt lên một tiếng và mấy con ngựa phóng đi.

Bác coi trạm khốn khổ kia không hiểu làm sao tự mình lại có thể cho Đunhia cùng đi với chàng khinh kỵ, cái gì làm cho mình mê muội đi và lý trí mình để đâu? Chưa được nửa giờ, tim bác bắt đầu thắt quặn và nỗi lo âu giày vò tâm can đến nỗi bác không làm sao chịu được nữa, bác liền ra nhà thờ. Đến nơi bác thấy người đi xem lễ đã tản mát ra về, mà ở trên sân nhà thờ vẫn không thấy Đunhia đâu, trên bậc thềm cũng không có. Bác vội vã đi vào thánh đường, linh mục đang từ điện thờ bước xuống; người trợ lễ đang tắt các ngọn nến, trong một góc hai bà già đang còn cầu nguyện nhưng Đunhia thì không thấy tăm dạng. Người bố khốn khổ mãi mới dám đánh bạo hỏi người trợ lễ xem Đunhia có đi xem lễ không. Người ấy trả lời là cô ta không đến. Bác coi trạm như người dờ sống dờ chết trở về. Chỉ còn một hy vọng cuối cùng: Đunhia đang ít tuổi nhẹ dạ, có thể lại muốn đi chơi một chuyến đến tận trạm sau thăm bà mẹ đỡ đầu ở đó. Trong tâm trạng lo âu quẩn quại, bác chờ cỗ xe trở về, cỗ xe mà bác đã trót để cho con gái ra đi. Người đánh xe vẫn bất tăm. Cuối cùng, mãi đến chiều tối anh ta mới trở về, chỉ có một mình, say túy lúy, với một cái tin chết chóc: "Đến trạm sau, Đunhia đã tiếp tục đi luôn với chàng khinh kỵ"

Ông già không chịu nổi vì bất hạnh ấy, ngã lăn ra ngay trên chiếc giường mà hôm trước anh chàng trai trẻ bịp bợm kia đã nằm. Giờ đây bác coi trạm mới nghĩ lại những việc đã qua và vỡ lẽ ra rằng cái trò đầu óc kia hoàn toàn là vớ vẩn cả. Ông già bị một trận sốt ly bì. Họ chở bác đến S. và chỉ định một người khác tạm thế cho ông. Người chữa cho bác lại cũng chính là viên thầy thuốc đã được mời chữa cho chàng khinh kỵ trước kia. Viên thầy thuốc quả quyết với bác rằng anh chàng thanh niên ấy chẳng bệnh tật gì cả, và ngay bấy giờ ông đã đoán được dụng ý hiểm độc của hắn, nhưng không dám nói vì ông sợ chiếc roi da. Không biết người Đức ấy nói thật hay chỉ là muốn khoe rằng mình có con mắt tin đời, nhưng điều ông ta nói cũng chẳng an ủi gì được cho bệnh nhân khốn khổ. Vừa mới bình phục thì bác đã xin chủ sự bưu vụ ở S. cho nghỉ phép hai tháng, và không hỏi với ai một lời về ý định của mình, bác cuốc bộ lên đường đi tìm con gái. Xem lại sổ, bác được biết rằng người đó là đại úy khinh kỵ Minxki đi từ Xmôlenxơ đến Pêterburg. Người đánh xe chở y đi đã kể lại rằng Đunhia khóc suốt dọc đường, mặc dù nàng đi là tự nguyện. Bác coi trạm nghĩ: "Có thể ta lại dắt được con cừu lạc của ta trở về!" Với ý nghĩ ấy bác đi đến Pêterburg, nghỉ lại ở chỗ đóng quân của trung đoàn Idomailốp(5), trong nhà một hạ sỹ quan hồi hưu, bạn đồng ngũ trước kia và bắt đầu cuộc tìm kiếm của mình. Chẳng bao lâu bác được

biết rằng đại úy Minxki ở tại khách sạn Đêmutóp(6). Bác coi trạm quyết định đến gặp y.

Từ sáng sớm, bác đã đến tiền sảnh và nhờ vào bấm với đại úy rằng có một người lính già xin yết kiến. Người lính hầu đang lau một chiếc ủng lông trong cốt, bảo rằng: "Ngài đang ngủ và không tiếp ai trước mười một giờ". Bác coi trạm bỏ đi và trở lại đúng giờ đã định. Minxki đầu đội mũ chụp đỏ, mặc áo choàng ngủ, thân hành ra đón bác. "Nào, người anh em, cần gì đây?" - y hỏi. Tim ông già đập mạnh, nước mắt trào ra và giọng rung rung chỉ nói được mấy lời: "Bấm quan lớn!... xin ngài hãy vì Chúa mà sinh phúc..."

Minxki liếc nhìn bác rất nhanh, mặt y đỏ bừng, y chụp lấy tay bác, kéo vào phòng mình, đóng kín cửa lại. "Bấm quan lớn, - ông già nói tiếp, - dù sao việc cũng đã lỡ rồi; ít nhất cũng xin ngài trở con Đunhia tội nghiệp lại cho tôi. Bây giờ ngài đã thoả thích với nó rồi, xin ngài đừng đẩy nó đến chỗ tàn tạ làm gì". - "Việc đã qua, ta không bàn trở lại, - chàng trai trả lời, về hết sức bối rối, - tôi có lỗi với lão, tôi mong lão bỏ qua cho; nhưng chớ có nghĩ rằng tôi có thể rời bỏ Đunhia, nàng sẽ được sung sướng, tôi lấy danh dự mà nói với lão như thế. Lão đem nàng về làm gì nào? Nàng yêu tôi; nàng không còn quen với cảnh sống trước kia nữa rồi. Việc đã xảy ra, lão cũng như Đunhia, sẽ không thể nào quên được đâu". Nói đoạn, Minxki chuôi vào ống tay áo của bác một vật gì đó; y mở cửa ra, và người coi trạm chưa kịp trấn tĩnh thì đã thấy mình đang đứng ở giữa đường.

Bác đứng chờ ra đây hồi lâu, cuối cùng thấy trong tay áo mình có cuộn giấy; bác rút ra, mở xem thấy mấy tờ giấy bạc năm rúp và mười rúp nhàu nát. Nước mắt bác lại trào ra, những giọt nước mắt phần uất! Bác vò nát mấy tờ giấy bạc ném xuống đất, xéo dưới gót chân, rồi bỏ đi... Được mấy bước, bác dừng chân, suy nghĩ... và quay trở lại... nhưng mấy tờ giấy bạc không còn đó nữa. Một anh chàng trai trẻ ăn mặc bảnh bao thấy bác, bèn chạy nhanh đến một cỗ xe cho thuê, nhảy vội lên và hét: "Đi đi!..." Bác coi trạm không buồn đuổi theo. Bác quyết định sẽ trở về trạm sở, nhưng bác lại muốn nhìn thấy cô con gái Đunhia đáng thương của mình dù chỉ một lần nữa thôi cũng được. Vì thế, hai hôm sau bác trở lại chỗ Minxki; người lính hầu lạnh lùng bảo rằng quan lớn không tiếp ai cả, lấy người ấy bác ra khỏi nhà và đóng sầm cửa ngay trước mũi bác. Bác coi trạm đứng lặng một lúc, rồi bỏ đi.

Cũng ngay ngày hôm ấy, vào buổi chiều, sau khi xem lễ ở nhà thờ "Tất cả những người đau khổ", bác đi dọc đường phố Lichâynaia. Bỗng một chiếc xe ngựa sang trọng vụt qua, và bác coi trạm nhận ra Minxki. Chiếc xe dừng bánh trước cổng một ngôi nhà ba tầng và gã kỵ binh bước nhanh lên bậc thềm. Một ý nghĩ bất ngờ chợt loé lên trong trí óc người coi trạm. Bác quay trở lại, đến gần anh đánh xe, hỏi: "Ông bạn ơi, ngựa này có phải của ngài Minxki không?" - "Phải đấy, - anh đánh xe đáp, - nhưng bác muốn gì?" -

"May quá, ngài Minxki có bảo tôi đem đến cho cô Đunhia một lá thư nhỏ, nhưng tôi quên mất không nhớ nhà cô Đunhia ở đâu cả?" - "Ồ, ở đây chứ đâu, trên gác hai ấy. Nhưng bác và thư đến chậm rồi; bây giờ thì chính ông ấy đã đến đây với cô ta". - "Không cần, - bác coi trạm trả lời, lòng hồi hộp không sao tả xiết, - cảm ơn anh đã chỉ bảo cho, nhưng việc tôi, tôi phải làm".

Dứt lời, bác bước ngay lên cầu thang.

Cửa đóng kín; bác gõ cửa, mấy giây chờ đợi đối với bác thật là nặng nề.

Tiếng chìa khoá lách cách, có người mở cửa. - "Có cô Ápđôchia

Xamxônôpna\* ở đây phải không ạ?" - bác hỏi. - "Phải, ở đây, - cô hầu gái trẻ tuổi đáp, - bác cần hỏi việc gì?" Bác coi trạm không trả lời, bước vào phòng. "Ấy chớ, chớ! - cô hầu gái gọi với theo. - Ápđôchia Xamxônôpna đang bận khách".

Nhưng bác coi trạm không nghe, cứ đi thẳng. Qua hai gian phòng tối, đến phòng thứ ba thì thấy có đèn. Bác đến gần cái cửa đang mở và dừng lại. Trong gian phòng bày biện sang trọng, Minxki đang ngồi tư lự.

Đunhia phục sức lộng lẫy theo thời trang ngồi trên tay vịn của ghế bành trông như một nữ kỵ mã trên chiếc yên ngựa kiểu Anh(7) của mình. Nàng đang âu yếm nhìn Minxki, mân mê quần mơn tóc quăn đen nhánh của chàng vào mấy ngón tay óng ánh kim cương. Tội nghiệp cho bác coi trạm! Chưa bao giờ bác thấy con gái của bác xinh đẹp đến thế; bác ngẩng mặt nhìn. "Ai đấy?" - Đunhia cất tiếng hỏi, không ngẩng mặt nhìn. Bác vẫn im lặng.

Không nghe tiếng trả lời; Đunhia ngẩng đầu... và thét lên một tiếng, ngã lảo ra trên tấm thảm. Minxki hoảng hốt vội chạy đến đỡ nàng, nhưng bỗng nhìn ra cửa, thấy người coi trạm già, y bỏ Đunhia, xông về phía bác, run lên vì tức giận. "Người cần gì? - y nghiến răng hỏi, - tại sao người cứ theo ta khắp nơi như đồ trộm cướp? hay là người muốn ám sát ta? Cút đi!" - và bàn tay khoẻ mạnh của y túm lấy cổ áo ông già, tống ra cầu thang.

Bác trở về chỗ trọ. Người bạn khuyên bác đi kiện; nhưng bác coi trạm suy đi tính lại, đành phó mặc trời, và quyết định rút lui. Hai ngày sau bác từ già Pêterburg trở về trạm sở tiếp tục làm nhiệm vụ của mình. "Thế là đã ba năm rồi, - bác kết luận, - tôi sống không có Đunhia và cũng biết vô âm tín về nó. Nó còn sống hay không, chỉ có Chúa mới biết. Lường sao cho hết được việc đời. Nó không phải là người đầu tiên cũng phải là kẻ cuối cùng bị bọn phóng đảng qua đường quyến rũ, giữ một ít lâu, rồi ruồng bỏ. Ở Pêterburg có rất nhiều những cô ả, hôm nay sống trong nhung lụa, ngày mai đã thấy ra quét đường cùng với lũ người khốn cùng rách mướp(8). Đôi khi nghĩ rằng Đunhia sẽ có ngày lâm vào cảnh ấy, thì dù biết là mang tội với Chúa, tôi vẫn mong cho nó chết đi còn hơn..."

Câu chuyện của người bạn coi trạm già của tôi là như thế ấy, một câu chuyện luôn bị ngắt quãng vì những giọt nước mắt mà bác lấy ống tay áo gạt khéo đi giống như nhân vật Têrentích(9) cần mẫn trong bài ca tuyệt tác của

Đmitoriép. Những giọt nước mắt này nhỏ ra một phần cũng vì sự kích thích của năm cốc rượu pun-sờ mà bác đã nốc cạn trong khi kể chuyện; nhưng dù sao vẫn làm cho tim tôi xúc động mãnh liệt. Sau khi từ biệt, tôi vẫn còn nhớ mãi bác coi trạm già và rất lâu tôi vẫn cứ nghĩ đến cô Đunhia đáng thương... Vừa rồi đi ngang qua vùng X. tôi sức nhớ tới ông bạn cũ; tôi được biết rằng ngôi trạm do bác ấy trông nom, ngày nay đã bãi bỏ rồi. Nhưng khi tôi hỏi: "Bác coi trạm già còn sống không?", - thì không một ai trả lời cho thoả đáng, tôi quyết định tới thăm chốn quen thuộc ấy, và thuê ngựa tư về làng N. Hôm ấy đang trong tiết thu. Mây xám phủ kín bầu trời; gió lạnh thổi qua những cánh đồng đã gặt, cuốn theo những chiếc lá đỏ, vàng của cây cối bên đường. Tôi đến làng khi trời đã ngả về chiều và dừng lại trước túp nhà trạm cũ. Một người đàn bà to béo ra phòng đệm (nơi xưa kia đã có lần Đunhia hôn tôi), nghe tôi hỏi, bà ta trả lời rằng bác coi trạm già đã mất hơn một năm nay, nhà này bây giờ một người nấu rượu bia đến ở và bà ta là vợ của người ấy. Tôi tiếc cuộc hành trình vô ích và bầy đồng rúp chi tiêu uổng phí. "Bác ta vì sao mà chết thế?" - tôi hỏi vợ người hàng rượu. "Vì uống rượu nhiều quá", - bà ta đáp lại. "Họ an táng bác ấy ở đâu thế nhỉ?" - "Ở ven rìa làng, bên cạnh mộ bà vợ của ông ấy". - "Có thể giúp tôi đến viếng mộ bác ấy không?" - "Sao lại không? Đây, Vanhia, thôi đừng nghịch con mèo nữa. Mà đưa ông ấy ra nghĩa trang và chỉ cho ông mộ của bác coi trạm nhé!" Bà ta vừa dứt lời, một em bé rách rưới, tóc hoe, chột mắt chạy đến bên tôi và lập tức đưa tôi ra nghĩa trang.

Dọc đường tôi hỏi chú bé:

- Cháu có biết bác coi trạm ấy không?
- Sao lại không? Ông ấy vẫn dạy chúng cháu khoét sáo và (mong Chúa cứu vớt linh hồn ông) đôi lúc ông ở quán rượu ra, chúng cháu vẫn bu theo vôi: "Ông ơi ông, hạt dẻ nào!" - thế là ông phân phát hạt dẻ cho chúng cháu. Ông vẫn đùa với chúng cháu đấy.
- Thế hành khách có ai nhớ đến bác ta không?
- Bây giờ thì ở đây ít người qua lại; hoạ hoàn chỉ có ông bồi thẩm thỉnh thoảng về đây. Nhưng ông ấy không hơi đâu mà nghĩ đến người chết. Mùa hè vừa rồi có một bà phu nhân đi qua đây, bà có hỏi thăm ông coi trạm và viếng mộ ông ấy.

Tôi tò mò hỏi:

- Phu nhân nào thế?
- Một phu nhân rất đẹp, - chú bé đáp, - đi một cỗ xe sáu ngựa kéo, với ba cậu ấm, một người vú và một con chó nhỏ đen; khi nghe nói ông coi trạm chết, bà ấy khóc và bảo mấy cậu con rằng: "Các con ngồi đây cho ngoan nhé, mẹ đi ra nghĩa trang". Cháu đã toan tình nguyện đưa đường, nhưng bà bảo: "Ta biết lối đi rồi". Bà cho cháu năm đồng xu bằng bạc, bà ấy tốt quá!...

Chúng tôi đã đến nghĩa trang, một cái bãi tro trụi, không rào giậu, không một bóng cây, chỉ lơ thơ mấy chiếc thánh giá bằng gỗ. Xưa nay tôi chưa thấy một nghĩa trang nào ảm đạm thế lương đến thế.

- Đây là mộ ông coi trạm già, - chú bé vừa bước tới vừa chỉ một nắm cát có trồng một cây thánh giá mang tượng thánh bằng đồng.

- Bà phu nhân có đến đây à? - tôi hỏi.

- Vâng, đến đây, - em Vanhia đáp; - cháu đứng đằng xa nhìn. Bà ấy sụp xuống đất nằm mãi một hồi lâu. Sau đó bà vào trong làng gặp linh mục trao một món tiền, rồi ra đi, lại cho cháu một đồng xu năm nữa - bà ấy tốt quá! Tôi cũng thế, tôi cho em bé một đồng xu năm và không tiếc cuộc hành trình cũng như bảy đồng rúp tiêu phí nữa.

\*Ápđôchia tức là Đunhia (Đunhia là tên gọi âu yếm)

#### PHỤ LỤC

(1) Đề từ trích không thật đúng theo bài thơ "Thư trạm" (1825) của nhà thơ Nga P.A.Viademxki (1792-1878). Bảng phân loại về cấp bậc của Piôt I chia toàn bộ giới quan chức dân sự ra thành mười bốn ngạch bậc, viên chức đẳng lục là thuộc bậc thấp nhất, bậc thứ mười bốn.

(2) Bọn thơ lại ở nước Nga trước thời Piôt I nổi tiếng về chuyện ăn của dút và hối lộ. -

(3) Rừng cây ở vùng Murôm (thuộc Vladimira) trên bờ phải sông Ôca là chỗ trốn tránh của bọn côn đồ trộm cướp.

(4) Người đưa thư từ công văn.

(5) Ý nói vùng ngoại vi của Pêterburg, nơi có doanh trại của trung đoàn Idomailốp.

(6) Khách sạn loại sang ở Pêterburg trên bờ sông Môika, không xa đại lộ Nhépuxki; bản thân Puskin cũng đã nhiều lần trọ ở đó.

(7) Phụ nữ cưỡi ngựa thường có kiệu yên riêng, ngồi vắt hai chân sang một bên. -

(8) Chỉ những người say rượu lúc đêm khuya ngoài đường phố bị bắt buộc phải gác đường cho đến sáng dưới sự giám sát của cảnh sát và phu quét đường.

(9) *Têrentích* - người hầu nô lệ, nhân vật trong bài thơ "Thầy đội kỵ binh về hưu" (1791) của I.I.Đmitoriép.

## **Tập Truyện ngắn**

### **Tập truyện của ông Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cố**

**Nguyễn Duy Bình dịch**

#### **CÔ TIÊU THU NÔNG DÂN**

*Em xinh, em mặc áo nào cũng xinh*

*Boócđanôvích(1)*

Trang viên của Ivan Pêtorôvích Bêrêxtốp ở vào trong những tỉnh xa xôi của chúng ta. Thuở còn trẻ lão tòng ngũ trong quân cận vệ, đến đầu năm 1797 hồi hưu(2), trở về trại ấp riêng của mình và từ bấy giờ không rời khỏi nơi ấy nữa. Lão kết hôn với một phụ nữ quý tộc nghèo, bà tao chết kỳ ở cũ, giữa lúc lão đang đi săn. Chẳng bao lâu công việc trại ấp đã làm cho lão khuây khoả. Lão cho xây nhà theo bản đồ án thiết kế tự vẽ lấy, dựng lên một xưởng dệt dạ trong trại ấp của mình, tăng lợi nhuận lên gấp ba lần, và bắt đầu tự cho mình là kẻ thông minh nhất trong vùng. Về ý nghĩ này của lão thì những bạn láng giềng cũng không ai phản đối; họ vẫn thường cùng gia đình và đem cả chó nữa đến nhà lão ăn uống. Ngày thường lão mặc áo nhung ngắn, ngày hội lão khoác chiếc áo lễ bằng dạ do nhà lão dệt ra. Lão tự tay ghi lấy những khoảng chi tiêu và chẳng đọc gì hết ngoài tập "Tin tức của Pháp viện tối cao"(3). Nói chung, mọi người đều yêu mến lão, mặc dù họ vẫn cho là lão hợm mình. Không giao hảo với lão thì chỉ có Grigôri Ivanôvích Murômxi, kẻ láng giềng gần nhất. Lão này là một tay quý tộc Nga chính cống. Lão đã vung phí hết phần lớn gia tài ở Mát-xcơ-va, và đến khi goá vợ lão về ở cái trại ấp cuối cùng còn sót lại. Nơi đây, lão cũng tiếp tục vung phí, nhưng lại theo một cách thức khác. Lão chăm bón một khu vườn theo kiểu Anh và đã ném vào đấy gần hết các khoản thu nhập còn lại. Lũ giữ ngựa nhà lão ăn mặc theo kiểu giô-kê\* bên Anh. Con gái lão cũng có một người đàn bà Anh chăm nom. Đồng ruộng của lão cũng trông rọt theo kiểu Anh:

Nhưng với cách trồng lạ, lúa mì Nga không mọc(4), và mặc dù đã giảm bớt các khoản chi tiêu đi khá nhiều, thu nhập của lão Grigôri Ivanôvích cũng vẫn không tăng thêm lên được. Và tuy ở thôn quê mà lão vẫn tìm được cách chồng chất thêm những món nợ mới. Tuy vậy, người ta vẫn không thể xem lão như là một người ngốc vì lão là người đầu tiên trong các địa chủ của tỉnh đã đem trại ấp mình giao cho Hội đồng giám hộ trông nom(5), một hành động mà thời ấy người ta cho là khó hiểu và táo bạo. Trong số những người chê bai lão này thì Bêrêxtốp là người tỏ ra khe khắt nhất. Thù ghét mọi sự

canh tân là một nét đặc biệt trong bản tính của Bêrêxtốp. Lão không thể nào giữ được bình tĩnh khi nói đến thói sùng Anh của kẻ láng giềng và luôn luôn tìm dịp chỉ trích thói ấy. Những khi đưa khách đi xem các trại ấp, hề khách có khen ngợi cách quản lý của lão, thì lão cười ranh mãnh trả lời: "Thưa vâng, ở nhà tôi không phải như ở nhà ông láng giềng Grigôri Ivanôvích. Tôi gì mà lại phá sản theo lối Anh! Tốt hơn là hãy no đủ theo lối Nga là được rồi". Những lời lẽ châm chọc tương tự như thế, được các ngài láng giềng sốt sắng đem đến tai Grigôri Ivanôvích với những lời bổ sung và giải thích thêm. Cũng giống hết như các nhà báo của chúng ta, lão sùng Anh này không thể kiên nhẫn chịu đựng những lời phê bình. Lão phát khùng lên và mệnh danh các nhà phê bình ác khẩu kia là đồ quê mùa, đồ gấu.

Quan hệ giữa hai trại ấp đang trong tình trạng ấy thì con trai lão Bêrêxtốp về làng. Anh chàng này đã từng học qua trường đại học X. và có nguyện vọng muốn tòng ngũ. Nhưng cha chàng không đồng ý. Mà phục vụ trong hàng văn quan thì chàng trai trẻ này tự cảm thấy là hoàn toàn không có khả năng. Hai cha con chẳng ai chịu ai, và chàng Alếchxây trong khi chờ đợi vẫn bình tĩnh sống cuộc đời quý tộc nông thôn, để sẵn bộ ria(6) để chờ dịp.

Alếchxây quả là một thanh niên tuấn tú. Nếu cái thân hình cân đối của chàng mà không được bỏ trong bộ quân phục, nếu đáng lẽ xuất hiện trên mình ngựa mà chàng đem lại tuổi trẻ gò lưng trên bàn giấy văn phòng thì thật là đáng tiếc. Nhìn thấy chàng đi sẵn, luôn luôn phóng ngựa ở hàng đầu, chẳng thèm để ý đến đường sá, những người láng giềng đều nhất trí bảo rằng anh chàng này chẳng bao giờ trở nên một ông chánh văn phòng cho ra hồn được. Các cô tiểu thư để mắt đến chàng, có những cô còn nhìn chàng mê mết nữa là khác. Nhưng Alếchxây ít lưu ý đến họ, và họ đoán rằng sở dĩ chàng lãnh đạm chắc là chàng đã có nhân tình, nhân ngãi ở đâu rồi. Quả có như thế, họ đã chuyển tay nhau một địa chỉ chép lại từ một bức thư mà chàng đã gửi đi: Gửi Akulina Pêtorôpna Kurôtskina ở Mátxcova, trước tu viện Alếchxêépki, nhà bác thợ đồng Xavêliép, trân trọng nhờ chuyển thư này. A.N.R.

Trong số độc giả của tôi, có nhiều bạn không sống ở nông thôn, các bạn ấy chắc không hình dung được cái duyên dáng của các cô tiểu thư ở các huyện! Được nuôi nấng giáo dục giữa bầu không khí trong lành, dưới bóng những cây lá ở trong vườn nhà, những hiểu biết về thế giới và cuộc đời họ chỉ thu lượm được từ trong sách vở. Tâm trạng cô tịch, tính tự do và thói quen đọc sách đã làm cho các cô ấy sớm có những tình cảm, những nỗi niềm say đắm rất xa lạ đối với những giai nhân thành thị vốn hay lơ đãng của chúng ta. Đối với các tiểu thư này thì tiếng nhạc ngựa là cả một cuộc phiêu lưu ly kỳ, một chuyến đến thăm một thành phố gần ở đâu đấy đã là cả một biến cố đáng ghi nhớ trong đời, một buổi viếng thăm của một người khách sẽ ghi lại trong họ một kỷ niệm lâu dài, có khi là vĩnh viễn. Chắc hẳn là bất cứ ai cũng có thể

sẵn sàng che giấu những điều kỳ quặc ấy của họ, nhưng những lời giấu cợt của một người quan sát nông cạn không thể nào xoá mờ được những phẩm chất căn bản của họ, mà chủ yếu là cái đặc điểm tính cách, cái nhân cách độc đáo (individualité) mà Giăng-Pôn(7) cho rằng hề thiếu cái đó là không có cái vĩ đại của con người nữa. Có thể là ở các thủ đô thì phụ nữ được hấp thụ một nền giáo dục tốt hơn; nhưng tập quán của giới thượng lưu nhanh chóng san bằng mọi cá tính làm cho tâm hồn họ cũng rập khuôn với nhau giống như những chiếc mũ cùng một thời trang vậy. Điều này nói lên hẳn chắc không phải là để lên án hay chỉ trích, nhưng, như một nhà bình luận xưa đã nói: *nota nostra manet*.

Alécxây đã gieo vào đám các cô tiểu thư của chúng ta một ấn tượng như thế nào thì cũng dễ hiểu thôi. Chàng là kẻ đầu tiên xuất hiện trước các cô ấy với vẻ u sầu và chán chường, là người đầu tiên nói với các cô ấy về những hạnh phúc đã tiêu tan và tuổi xuân của mình đã tàn tạ; nhất là chàng lại đeo một chiếc nhẫn đen có khắc hình một cái đầu lâu. Tất cả những điều này đều cực kỳ mới lạ đối với cái tỉnh ấy. Các cô tiểu thư cứ phát cuồng lên vì chàng. Nhưng kẻ chú ý đến chàng nhiều nhất là cô gái gã quý tộc sùng Anh của chúng ta, cô Lida (hay Bétxi\*\*\* như Grigôri Ivanôvích vẫn gọi). Hai ông bố của đôi bên không đi lại với nhau, nàng chưa được trông thấy Alécxây, nhưng trong lúc ấy thì tất cả các cô thiếu nữ láng giềng đều một mực chỉ bàn tán về anh chàng ấy. Nàng mới mười bảy tuổi. Cặp mắt huyền đã điểm thêm vẻ linh hoạt cho khuôn mặt nước da bánh mật rất duyên dáng của nàng. Nàng là con một và do đó cũng là con cưng. Tính hiếu động và những trò tinh nghịch không ngớt của nàng khiến cho ông bố rất thích thú, nhưng lại làm cho người gia sư của nàng là mụ Giécxơn hết sức khổ sở. Mụ này đã bốn mươi tuổi, nhưng còn rất kiêu cách, đánh phẩn, kẻ lông mày, mỗi năm hai lần tụng đọc "Pamêla"(8) để nhận khoản lương hai nghìn rúp và chết mòn vì buồn chán trong cái nước Nga man rợ này.

Hầu hạ Lida thì có chị Naxchia; chị này lớn hơn Lida vài tuổi, nhưng tính cũng lại nông nổi hết cô chủ. Lida rất mến chị ta, thổ lộ với chị tất cả mọi điều bí mật và thường cùng chị ta bàn bạc những trò tinh nghịch của mình. Tóm lại trong trại ập Prilútsinô, Naxchia là một nhân vật quan trọng hơn bất cứ người thị tỳ tâm phúc nào trong bi kịch Pháp.

- Hôm nay xin phép cô cho tôi đi ăn cơm khách, - một hôm Naxchia vừa mặc áo cho Lida vừa nói.

- Được, nhưng ở đâu?

- Ở Tughilôvô, nhà Bêrêxtốp. Hôm nay bên ấy ăn mừng ngày lễ thánh của vợ anh đầu bếp ở nhà họ, và chị ta đến mời chúng tôi tới ăn trưa.

Lida nói:

- A, chủ nhà thì hục hặc với nhau, còn tôi tớ thì tiệc tùng với nhau thế đấy.



Naxchia đáp:

- Nhưng việc chúng tôi thì có quan hệ gì đến các ông chủ, hơn nữa, tôi là người hầu của cô, chứ có phải là của ông nhà đâu. Mà cô thì nhất định không có xích mích gì với cậu Bêrêxtốp trẻ tuổi chứ; các cụ sẽ cứ mặc kệ họ cãi nhau; nếu họ lấy đó làm điều thích thú.

- Naxchia, hãy cố mà nhìn rõ xem Alêchxây Bêrêxtốp ra sao, trông anh ta như thế nào, rồi về kể lại cho ta nghe tường tận nhé.

Naxchia nhận lời, và Lida suốt ngày sốt ruột chờ đợi chị ta về. Chiều tối, Naxchia mới ló mặt ra; chị vừa bước vào phòng vừa nói với nàng:

- Ô, Lidavêta Grigôriépna, tôi đã thấy chàng thanh niên Bêrêxtốp rồi, tha hồ mà ngắm; suốt ngày chúng tôi cùng vui chung mà lại.

- Thế nào? Nào kể đi, kể tuần tự có đầu có đũa nhé.

- Thưa cô, thế này này, chúng tôi đi, tôi, Anhixia Êgôrôpna, Nhênhila, Đunhia...

- Được, được, ta biết rồi. Nhưng rồi sao?

- Thưa cô, để tôi kể tuần tự cho có đầu có đũa! Chúng tôi đến dự bữa ăn trưa. Gian phòng chật ních những người, nào gia nhân nhà Cônbin, gia nhân nhà Dakhariép, mụ quản gia và các cô con gái, người nhà Khilupin...

- Thôi! Còn Bêrêxtốp?

- Khoan đã, thưa cô. Chúng tôi ngồi cả vào bàn, mụ quản gia ngồi ở hàng đầu, tôi ngồi bên cạnh mụ... các cô con gái của mụ thì cứ vênh mặt lên, nhưng tôi chả thèm đếm xỉa gì đến chúng...

- Chao ôi, Naxchia, chán cho mày quá, sao nhiều chi tiết miên man vô tận thế!

- Vâng, nhưng sao cô sốt ruột quá chừng thế! Rồi chúng tôi rời khỏi bàn ăn... chúng tôi ngồi suốt ba giờ đấy, bữa ăn thịnh soạn lắm: bánh mật, bánh kem xanh đỏ và rần rện... Và rồi chúng tôi rời khỏi bàn ăn, ra vườn chơi trò đuổi bắt nhau, thì công tử hiện ra.

- Nào, thế nào? Có thực đúng là chàng ta đẹp thật không?

- Đẹp lạ lùng, có thể nói là một trang thanh niên tuấn tú. Dáng người cân đối, cao, đôi má hồng hào...

- Thật không? Thế mà ta tưởng rằng da mặt chàng ta tái xanh kia đấy. Thế là thế nào? Mày trông chàng ta thế nào? Buồn rầu chứ? Có vẻ tư lự chứ gì?

- Cô nói gì vậy? Thật trong đời tôi chưa thấy một người nào táo tợn như thế. Cậu ta nảy ra ý kiến chơi đuổi bắt với chúng tôi kia đấy.

- Chạy chơi đuổi bắt với các người. Đâu có thể như thế được!

- Rất có thể như thế đấy! Cậu ta bày ra chuyện này nữa chứ! Hễ bắt được thì ôm hôn.

- Mặc kệ này, Naxchia ơi, mày nói dối!

- Mặc kệ cô, tôi không nói dối. Tôi phải cố hết sức mới bứt khỏi tay cậu ta.

Suốt ngày cậu ấy chơi đùa với chúng tôi như thế đấy.

- Thế sao họ bảo Bêrêxtốp chẳng có người yêu và chẳng để mắt đến ai cả?

- Cái đó thì tôi không biết, chứ cậu ta cứ nhìn tôi chăm chặp ấy, nhìn cả Tanhia, con gái ông quản gia, nhìn cả Pasa, đầy tớ gái ông Cônbin nữa, nói của đáng tội, cậu ta cũng chẳng làm cho ai phật ý, anh chàng thật đến hay!

- Lạ thật! Thế mà có nghe người trong nhà nói về chàng như thế nào không?

- Họ nói công tử thật là tuyệt diệu, rất hảo tâm, rất vui tính. Chỉ có một điều không tốt là cậu thích chạy theo các cô gái quá chừng. Nhưng theo tôi, điều ấy chưa phải là tai hoạ gì: lâu rồi cũng phải đâm tét lại.

- Sao mà ta muốn thấy mặt chàng quá đi mất! - Lida thở dài nói.

- Thừa cô, điều ấy có gì là khó khăn? Tughilôvô ở gần ta, chỉ chừng ba vécxta: cô cứ dạo về phía ấy, hay phóng ngựa đi chơi, nhất định là cô sẽ gặp. Ngày nào cậu ấy cũng xách súng đi săn từ sáng sớm.

- Nhưng không được, như thế không tốt. Bêrêxtốp có thể tưởng rằng tao chạy theo chàng. Hơn nữa, hai ông bố đang xích mích ta cũng không nên làm quen với chàng... A, Naxchia! Người có biết không? Ta sẽ cải trang làm một cô gái nhà quê!

- Ô, đúng đấy. Cô hãy mặc một chiếc áo sơ-mi vải thô, một chiếc áo xa-ra-phan và mạnh dạn đi bộ đến Tughilôvô. Tôi cam đoan rằng nhất định Bêrêxtốp sẽ chẳng để cho cô thoát đâu.

- Ủ, mà tiếng vùng này ta nói thạo lắm. Này, Naxchia, Naxchia yêu mến ơi! Sáng kiến này thật tuyệt diệu! - Và Lida đi ngủ, định bụng sẽ thi hành bằng được cái ý định tinh nghịch ấy.

Ngày ngày hôm sau nàng bắt tay vào thực hiện kế hoạch. Nàng cho người ra tiệm tạp hoá mua vải thô, vải xanh Tàu, khuy đồng. Với sự giúp đỡ của Naxchia, nàng cắt áo sơ-mi và xa-ra-phan, huy động tất cả các chị đầy tớ gái may, đến chiều hôm ấy mọi việc đã chuẩn bị xong. Lida mặc thử áo mới ngắm mình trước gương soi mà thú nhận rằng chưa bao giờ nàng thấy mình xinh đến thế! Nàng lập tức đi duyệt lại vai trò của mình, vừa đi vừa chào cúi sát người, chốc chốc lại lắc lư cái đầu như con mèo đất(9), nàng nói theo giọng gái nhà quê, vừa cười vừa lấy ống tay áo che mặt. Naxchia hoàn toàn tán thưởng tài cô tiểu thư của mình. Duy chỉ còn một điều khó khăn: nàng thử đi chân đất qua qua lại lại trong sân, ngọn cỏ đâm gót chân mịn màng của nàng đau quá, cát và sỏi đối với nàng hình như không sao chịu nổi.

Naxchia lại giúp nàng: chị đo bàn chân Lida, chạy ra đồng tìm gã chăn cừu Torôphim và đặt cho gã tét đôi giày vỏ cây theo kích thước ấy. Hôm sau trời vừa tờ mờ sáng Lida đã dậy. Cả nhà vẫn đang ngủ. Naxchia ra cửa đón gã chăn cừu. Tiếng tù và vang lên và đàn cừu vùng thôn dã lần lượt đi qua trước cổng nhà lãnh chủ. Torôphim đến gần Naxchia, đưa cho chị đôi giày

xinh xắn nhiều màu và nhận năm mươi cô-péché tiền thưởng. Lida lặng lẽ cải trang làm thôn nữ, thì thầm dặn dò Naxchia về cách phó với mục Giécxon, rồi ra cửa sau, băng qua vườn rau, chạy ra đồng.

Bình minh rạng sáng ở phương đông, những hàng mây vàng rực rỡ chờ đón vầng thái dương, khác nào như những triều thần đang chờ đón hoàng đế: bầu trời trong sáng, không khí mát mẻ của buổi ban mai, những giọt sương đọng, làn gió nhẹ và đàn chim hót, tất cả khiến cho lòng Lida tràn ngập một niềm vui sướng như trẻ con. Vì sợ gặp phải người quen, nên Lida đi rất nhanh, dường như là bay, chứ không phải bước đi nữa. Đến gần cánh rừng ở ven đường phân ranh giới trại ấp của cha mình, Lida chậm bước lại. Đây là nơi nàng đến gặp Aléchxây. Tim nàng đập mạnh, tự nàng cũng không biết vì sao. Nhưng cái nỗi lo sợ vẫn cứ đi kèm theo cái trò tinh nghịch của tuổi trẻ lại chính là điều làm cho các trò đó càng thêm thú vị. Lida đi vào khoảng tranh tối tranh sáng của lùm cây. Tiếng rì rào của cánh rừng chào mừng cô gái. Niềm vui của nàng dịu lại. Tâm hồn nàng bắt đầu phiêu diêu trong cõi mộng. Nàng nghĩ... nhưng nào ai biết đích xác được một tiểu thư mười bảy tuổi đang suy nghĩ gì một mình trong cánh rừng vào lúc năm giờ của một buổi sáng mùa xuân? Nàng cứ thế bước đi, tự lự, trên con đường có những cây cao che phủ dọc hai bên bờ, bỗng một con chó săn tuyệt đẹp chồm về phía nàng mà sủa. Lida hoảng sợ thét lên. Vừa ngay lúc ấy có tiếng gọi:

"Tout beau, Sbogar, ici\*\*\*\*..." - và một chàng đi săn trẻ tuổi hiện ra sau lùm cây. - "Đừng sợ, cô thiếu nữ xinh đẹp ơi, - chàng bảo Lida, - chó của tôi không cắn đâu!". Lida đã hoàn hồn sau cơn sợ hãi, nàng lập tức lợi dụng ngay cơ hội. Nàng nói làm ra vẻ nửa sợ hãi, nửa e thẹn: "Trời ơi, thưa ngài, tôi sợ quá, trông nó dữ tợn chưa kia, đây, nó lại chồm lên nữa đây".

Aléchxây (độc giả chắc đã nhận ra chàng rồi) trong lúc ấy chăm chú ngắm nhìn cô thôn nữ trẻ trung; chàng bảo: "Nếu cô sợ thì tôi sẽ đưa cô đi, thế cô có cho phép tôi đi bên cạnh cô chăng?" - Nàng đáp: "Nào có ai ngăn cản ngài, tùy ý chứ, đường đi là của làng nước kia mà". - "Cô từ đâu đến đây thế?" - "Từ Prilútsinô, tôi là con gái ông thợ rèn Vaxili, tôi đi hái nấm" (Lida có đeo một cái giỏ lưng lủng đầu sợi dây con). - "Còn ngài, thưa ngài có phải là ngài là người làng Tughilôvô không ạ?" - Aléchxây đáp: "Đúng thế, tôi là người hầu phòng công tử". Aléchxây muốn cho quan hệ giữa đôi bên được bình đẳng nhưng Lida nhìn chàng và phá lên cười: "Ngài nói dối, tôi chưa phải là đồ ngốc đâu. Tôi biết rồi, chính ngài là công tử đấy!" - "Vì sao cô lại nghĩ thế?" - "Vì đủ mọi thứ." - "Nhưng như thế là thế nào?" - "Thưa ngài, lẽ nào lại không phân biệt được công tử và kẻ hầu ư? Là người hầu thì ngài ăn mặc phải khác, nói năng phải khác, ngài lại cho gọi chó khác hẳn chúng tôi". Lida mỗi lúc lại càng khiến cho Aléchxây mê mẩn. Vốn quen thói suồng sã với các cô gái ở nông thôn, chàng định ôm choàng lấy Lida; nhưng Lida giật

lùi lại một bước, vẻ mặt bỗng trở nên nghiêm nghị lạnh lùng, điều đó tuy khiến cho chàng buồn cười, nhưng đã kìm giữ được chàng lại, không để chàng đi xa hơn nữa. Nàng nói trịnh trọng: "Nếu như ngài muốn sau này chúng ta làm quen với nhau thì xin ngài đừng sỗ sàng như thế". Aléchxây cười lớn nói: "Ai dạy cho cô cái nét khôn ngoan ấy? Phải chăng là nhà chị Naxchia, người quen của tôi hay là một người hầu của tiểu thư nhà cô. Đây người ta mách bảo nhau như vậy đấy!" Lida cảm thấy mình suýt quên mất vai trò đang đóng, nàng nói chững: "Thế ngài bảo sao, há dễ tôi chẳng bao giờ bước chân đến nhà lãnh chủ hay sao, tôi cũng được nghe nhiều và thấy nhiều chứ? Nhưng, - nàng nói tiếp, - mãi chuyện trò với ngài tôi không hái được nấm. Thôi, công tử, ngài hãy đi lối của ngài, tôi đi đường khác, xin lỗi ngài..." Lida muốn đi xa, Aléchxây nắm tay nàng lại: "Nhưng này, cô tên là gì?" - "Akulina, - Lida đáp, cố gắng gỡ mấy ngón tay của mình ra khỏi bàn tay Aléchxây, - buông tôi ra, công tử, đến lúc tôi phải trở về nhà đây". - "Được rồi, cô Akulina của tôi ơi nhất định tôi sẽ đến chơi nhà ông thân cô, đến nhà bác thợ rèn Vaxili".

Lida cuống quýt hỏi: "Ngài bảo gì, vì Chúa, xin ngài chớ có đến. Nếu ở nhà biết rằng tôi nói chuyện với công tử một mình ở trong rừng thì sẽ khổ thân tôi; cha tôi, ông thợ rèn Vaxili sẽ đánh chết tôi thôi". - "Nhưng thế nào tôi cũng phải gặp cô lần nữa". - "Thế thì có hôm tôi còn đến hái nấm ở đây kia mà". - "Bao giờ mới được chứ?" - "Thôi thì mai cũng được". - "Cô Akulina xinh đẹp ơi, tôi muốn ôm hôn cô quá, nhưng tôi không dám. Thế là sáng mai đúng giờ này, thật chứ?" - "Vâng, vâng". - "Nhưng nếu cô nói dối tôi thì sao?" - "Tôi không nói dối". - "Cô thề đi!" - "Vâng, giờ này ngày mai, xin thần thánh chứng giám cho, tôi sẽ đến đây".

Đôi lứa thanh niên chia tay nhau, Lida ra khỏi khu rừng, băng qua cánh đồng, lọt vào khu vườn nhà, ba chân bốn cẳng chạy nhanh vào trong trại, ở đây Naxchia đang đợi nàng. Nàng thay áo quần, lơ đãng trả lời những câu hỏi sốt ruột của cô đầy tớ gái tâm phúc, rồi đi vào phòng khách. Bàn ăn đã bày sẵn, bữa ăn sáng đã dọn xong, và mẹ Giécxon, mặt trét phấn, mình bó trong chiếc áo thắt lưng ong, đang cắt bánh thành từng lát mỏng. Cha nàng ngợi khen cuộc dạo chơi buổi sáng của con gái. "Không có gì làm cho người ta mạnh khỏe hơn là dậy sớm" - lão nói. Rồi lão dẫn ra một số ví dụ về những người sống lâu, rút từ trong các tạp chí Anh, và nhận xét rằng tất cả những người sống lâu ngoài trăm tuổi đều không uống rượu mạnh, vào mùa đông cũng như mùa hè đều dậy từ sớm tinh sương. Lida không nghe cha nói gì. Nàng đang ôn lại trong trí tất cả những tình tiết trong cuộc gặp gỡ buổi sáng sớm, tất cả những câu chuyện trò giữa Akulina với người đi săn trẻ tuổi và lương tâm nàng bắt đầu bứt rứt. Nàng biện hộ cho mình rằng câu chuyện giữa hai người chẳng có gì vượt ra ngoài điều đoan chính, rằng trò tình

ngịch ấy chẳng đem đến hậu quả gì; nhưng vô hiệu, tiếng trách móc của lương tâm nàng vẫn to hơn tiếng nói của lý trí. Điều làm cho nàng lo lắng hơn cả là đã trót hứa với Bêrêxtốp ngày mai sẽ gặp nhau, nàng toan dứt khoát không giữ lời thề trịnh trọng của mình. Nhưng Alếchxây mà đợi nàng không được thì có thể sẽ đi vào trong làng tìm cô con gái của bác thợ rèn Vaxili, cô Akulina thực, béo núc ních, mặt rỗ chằng chịt và như thế chàng ta sẽ khám phá ra được trò tinh nghịch nông nổi của nàng mất. Ý nghĩ ấy khiến cho Lida sợ hãi, và nàng quyết định sáng hôm sau sẽ lại đóng vai Akulina đến cánh rừng nọ.

Về phần mình, Alếchxây đã mê mẩn cả tâm thần, suốt ngày chàng nghĩ đến cô gái mới quen biết; ban đêm bóng dáng người đẹp, nước da bánh mật ấy ám ảnh chàng ngay cả trong các giấc ngủ. Bình minh vừa mới hé, chàng đã mặt áo quần xong. Không kịp để thì giờ nạp đạn vào súng, chàng đi ra đồng với con chó Sbôga trung thành, và chạy đến chốn hẹn hò gặp gỡ. Gần nửa giờ đã trôi qua, nửa giờ chờ đợi khiến chàng sốt ruột không sao chịu nổi. Cuối cùng thấy giữa lùm cây thấp thoáng bóng xa-ra-phan xanh, chàng vội lao tới đón nàng Akulina đáng yêu. Nàng mỉm cười đáp lại vẻ hân hoan chen lẫn lòng biết ơn của chàng. Nhưng bỗng Alếchxây nhận thấy trên khuôn mặt nàng có nét buồn và lo âu. Chàng muốn biết rõ nguyên nhân. Lida thú nhận rằng nàng thấy hành vi của mình quá nhẹ dạ và nàng lấy làm hối hận, rằng lần này nàng không muốn lỗi hẹn nhưng buổi gặp gỡ này sẽ là buổi cuối cùng và nàng xin chàng thôi cho, từ nay chấm dứt việc làm quen chẳng đưa lại một điều gì tốt đẹp cho hai người cả. Lẽ dĩ nhiên là tất cả những điều ấy, nàng đều nói theo lời lẽ của một cô gái nhà quê; nhưng những ý nghĩ và tình cảm khác thường của một cô thôn nữ chất phác khiến Alếchxây kinh ngạc. Chàng sử dụng tất cả cái tài hùng biện của mình để làm cho Akulina từ bỏ ý định ấy; chàng quả quyết với nàng rằng những ước nguyện của chàng rất trong sạch, hứa hẹn rằng sẽ không để xảy ra một điều gì khiến nàng phải ân hận, sẽ hoàn toàn chiều theo ý nàng và van xin nàng đừng tước mất niềm vui duy nhất của chàng là được gặp nàng dù chỉ hai ngày một lần hay mỗi tuần hai lần. Lý lẽ của chàng là lời lẽ của tình yêu say đắm chân thành và trong giây phút ấy Bêrêxtốp quả đã say mê nàng thật sự. Lida im lặng nghe chàng nói. Cuối cùng nàng bảo: "Anh hãy hứa với tôi rằng không bao giờ anh vào trong làng tìm tôi hay hỏi han gì thêm về tôi. Anh phải hứa là sẽ không tìm cách nào khác để gặp tôi ngoài những buổi mà tôi đã hẹn". - Alếchxây toan viện thánh thần ra thề, nhưng nàng đã mỉm cười ngăn chàng lại: "Tôi không cần lời thề, chỉ lời hứa của anh thôi cũng đủ rồi". Sau đó họ cùng trò chuyện thân mật, cùng dạo chơi trong rừng cho đến lúc Lida bảo chàng là đã đến lúc phải về. Họ chia tay nhau và khi Alếchxây đứng lại một mình chàng không thể hiểu được vì sao một cô gái chất phác ở thôn quê, chỉ mới có hai lần gặp

gỡ mà đã có thể chi phối được mình như thế. Mỗi quan hệ với Akulina đối với chàng có đủ cái sức quyến rũ của một điều gì mới lạ và dù rằng lời giao hẹn của cô thôn nữ lạ lùng này làm cho chàng khổ tâm, nhưng trong đầu óc chàng không hề có ý định là mình sẽ thất tín. Nói cho thật ra, Aléchxây dù có chiếc nhẫn thâm khốc, dù có những quan hệ thư từ bí ẩn, dù có cái vẻ thất vọng ưu sầu, chàng vẫn là một thanh niên tốt và nồng nhiệt, có một tấm lòng trong sáng, có thể rung động với cái hồn nhiên.

Nếu tôi chỉ làm theo ý thích riêng, thì nhất định tôi sẽ miêu tả chi tiết những cuộc hẹn hò của đôi thanh niên, nỗi niềm quyến luyến và tin cậy ngày càng tăng giữa hai người, những câu trò chuyện và những việc khác nữa; nhưng tôi biết rằng phần đông các độc giả sẽ không đồng tình với sở thích của tôi. Những chi tiết ấy, nói chung sẽ có vẻ hư cấu quá mức; vì vậy tôi xin bỏ qua và nói tóm tắt là đầy chưa hai tháng mà Aléchxây đã đắm say ngây ngất và Lida cũng không phải là dửng dưng đối với chàng, tuy nàng lặng lẽ ít nói hơn. Cả đôi bên đều sung sướng với hiện tại mà ít nghĩ đến tương lai.

Thỉnh thoảng trong trí họ cũng thoáng có ý nghĩ về việc kết nghĩa trăm năm, nhưng chẳng ai nói với ai cả. Lý do cũng rõ ràng thôi: dù Aléchxây thấy quyến luyến nàng Akulina xinh đẹp của mình đến thế nào chăng nữa, chàng vẫn luôn luôn nhớ rằng có sự cách biệt giữa mình với cô thôn nữ nghèo hèn; còn Lida thì biết rõ mối hiềm khích giữa cha nàng với cha Bêrêxtốp và không dám hy vọng rằng đôi bên sẽ hoà giải. Hơn nữa, lòng tự ái của nàng được kích thích bởi một ước mong lãng mạn thâm kín là làm sao rút cuộc được nhìn thấy nhà quý tộc Tughilôvô quỳ dưới chân người con gái bác thợ rèn ở Prilútsinô. Bỗng một việc quan trọng xảy ra suýt nữa làm mối quan hệ giữa hai người thay đổi hẳn.

Một buổi sáng, trời lạnh, quang đãng (cũng như rất nhiều buổi sáng mùa thu ở nước ta) Ivan Pêtorôvích cưỡi ngựa dạo chơi; như thường lệ, lão đem theo ba cặp chó săn, người giám mã và mấy đứa trẻ con nông nô cầm mõ. Cũng trong buổi sáng ấy, Grigôri Ivanôvích Murômxki thích cảnh trời đẹp, ra lệnh thả ngựa và phóng nước kiệu dạo quanh khu trại ấp kiểu Anh của mình. Đến khu rừng, lão gặp ông láng giềng, hiên ngang trên mình ngựa, mặc áo khoác ngắn lót da cáo, chực đón một con thỏ đang bị lũ trẻ la ó, đánh mõ đuổi ra khỏi lùm cây. Giá Grigôri Ivannôvích có thể biết trước rằng sẽ có cuộc chạm trán này thì nhất định lão ta đã quay ngoắt sang lối khác; nhưng lão ta hoàn toàn vô tình đi về phía Bêrêxtốp và đột nhiên thấy mình đứng trước mặt kẻ láng giềng chỉ cách một tầm súng ngắn. Không còn có cách nào khác. Murômxki, như một người Âu có học thức, liền thúc ngựa đến trước mặt đối phương, nhã nhặn nghiêng mình chào, Bêrêxtốp, cũng đáp lễ rất sốt sắng, giống như một con gấu bị xích cúi chào quý vị khán giả theo lệnh của viên quản trò. Vừa ngay lúc ấy, con thỏ nhảy phóc khỏi bụi cây và chạy ra

cánh đồng. Bêrêxtốp và tên giám mã gào hết gân cổ, thả chó ra và phóng ngựa lao theo vết cỏ chạy. Ngựa của Murômxi vốn chẳng hề đi săn bao giờ, nó sợ hãi lồng lên. Murômxi vốn tự hào là một tay kỵ mã kiệt xuất, buông cương cho ngựa phóng, mừng thầm được dịp thoát khỏi cuộc chuyện trò miễn cưỡng. Nhưng con ngựa phi đến một cái hố bất ngờ không thấy trước, vụt nhảy sang một bên và Murômxi bị hất khỏi yên ngựa. Bị ngã khá đau trên mặt đất giá băng, lão nằm nguyên rửa con ngựa của mình. Con vật như đã hoàn hồn, cảm thấy trên yên không còn có người, lập tức dừng lại. Ivan Pêtrôvich phi ngựa đến hỏi thăm lão có bị thương không. Giữa lúc ấy tên giám mã đang túm dây cương dắt cổ con ngựa phạm tội kia lại. Họ đỡ cho Murômxi trèo lên yên và Bêrêxtốp mời lão về nhà mình. Murômxi không thể chối từ vì cảm thấy mình đã bị hàm ơn. Và như thế là Bêrêxtốp trở về một cách vinh quang, tóm cổ được con cỏ và dẫn theo mình cả kẻ đối phương bị thương, gần như bị bắt làm tù binh vậy.

Hai kẻ lảng giềng ăn sáng, chuyện trò khá thân mật. Murômxi yêu cầu Bêrêxtốp cho mọi chiếc xe ngựa, và thú nhận là mình bị ngã đau không thể cưỡi ngựa về đến nhà được. Bêrêxtốp tiễn lão ra tận thêm, và Murômxi trước khi lên đường nhất định đòi cho được Bêrêxtốp phải hứa danh dự là hôm sau sẽ đến dự một bữa ăn thân mật ở Prilútsinô, (cả Alếchxây Ivanôvich nữa). Thế là mỗi hiềm khích xưa cũ bắt rễ khá sâu sắc, hình như sẵn sàng chấm dứt nhờ cái nhát gan của con ngựa.

Lida chạy ra đón Grigôri Ivanôvich, nàng ngạc nhiên hỏi: "Làm sao thế này? Vì sao cha lại đi khắp khiêng thế? Ngựa của cha đâu? Xe nhà ai thế này?"

- My dear\*\*\*\*\*, con không đoán ra được đâu, con ạ, - Grigôri Ivanôvich trả lời và thuật lại đầu đuôi việc đã xảy ra. Lida không tin ở tai mình nữa.

Grigôri Ivanôvich không để cho nàng kịp trấn tĩnh, báo cho nàng biết rằng ngày mai cả hai cha con nhà Bêrêxtốp sẽ đến ăn trưa ở nhà mình. "Cha nói gì thế? - nàng hỏi, mặt tái đi. - ông Bêrêxtốp, cả hai bố con! Ngày mai ăn trưa ở nhà ta! Không, cha ơi, mặc cha muốn sao tùy ý: con sẽ không ra mặt đâu". - "Cái gì thế? Con điên rồi ư? - cha nàng bảo, - con hoá ra nhút nhát từ bao giờ thế? Hay là con cứ muốn nuôi mỗi hiềm khích cha truyền con nối như một nhân vật tiểu thuyết. Thôi, đừng có lời thôi nữa!..." - "Không cha ạ, không có gì trên đời này, không có vàng bạc châu báu nào có thể bắt con ra tiếp cha con nhà Bêrêxtốp được". Grigôri Ivanôvich nhún vai và không tranh cãi với con gái nữa, vì biết rằng cãi với Lida cũng chẳng ăn thua gì, rồi lão đi nghỉ ngơi cho lại sức sau cuộc dạo chơi ly kỳ của mình.

Lida về phòng và thuật lại câu chuyện cho Naxchia nghe. Cả hai bàn tính mãi về cuộc thăm viếng ngày mai. Alếchxây sẽ nghĩ gì nếu chàng nhận ra rằng cô tiểu thư con nhà thi lễ này chính là cô ả Akulina của chàng? Chàng sẽ nghĩ như thế nào về hạnh kiểm, tính tình nét na và sự chín chắn của nàng.

Mặc khác, Lida lại rất thích nhìn xem cuộc gặp gỡ bất ngờ này sẽ đem đến cho anh chàng một cảm tưởng như thế nào... Bỗng một ý nghĩ thoáng nảy ra. Nàng lập tức nói với Naxchia; cả hai lấy làm khoái chá về phát kiến mới của nàng và họ nhất định sẽ thực hiện.

Hôm sau, sau bữa ăn sáng, Grigôri Ivanôvích hỏi con gái có phải là vẫn giữ ý định lánh mặt cha con Bêrêxtốp không. Lida đáp: "Cha ơi, nếu đã là ý cha muốn, thì con sẽ tiếp họ, nhưng cha phải đồng ý là dù con có xuất hiện trước mặt họ như thế nào, con có làm gì chẳng nữa, thì cha cũng đừng quở mắng con và tỏ vẻ gì ngạc nhiên hay phật ý". Grigôri Ivanôvích vừa cười vừa nói: "Lại những trò tinh nghịch gì đây nữa rồi, thôi được, được, đồng ý, ranh con mắt huyền của cha muốn gì cứ tùy tiện". Dứt lời lão hôn lên trán con gái và Lida liền chạy đi sửa soạn.

Đúng hai giờ chiều, một chiếc xe lục mã tiến vào trong sân và lăn bánh một vòng quanh bãi cỏ dày rậm xanh biếc. Lão già Bêrêxtốp bước lên thêm, có hai tên người nhà của Murômxi theo đỡ. Cậu con trai cưỡi ngựa đến ngay sau lão và theo vào phòng ăn. Bữa ăn đã dọn sẵn. Murômxi đón các láng giềng của mình hết sức ân cần, đề nghị với họ, trước khi vào bàn ăn hãy đi thăm vườn và chỗ nuôi gia súc, đưa họ đi theo con đường rải cát, quét sạch, giữ gìn rất chu đáo. Lão Bêrêxtốp trong bụng phàn nàn về nỗi phí sức, phí thì giờ vì cái trò cầu kỳ vô vị ấy, nhưng vì phép lịch sự nên im lặng. Con trai lão thì cũng chẳng đồng tình với sự phật ý của ông bố hay tính toán so đo, mà cũng chẳng phục gì lão sùng Anh đầy tự ái; chàng sốt ruột chờ đợi sự xuất hiện của cô con gái của chủ nhân; chàng đã nghe nói đến cô tiểu thư này khá nhiều; như chúng ta đã biết, quả tim của chàng đã bị chiếm rồi, nhưng một cô tiểu thư son trẻ như vậy vẫn có quyền chi phối trí tưởng tượng của chàng.

Trở về phòng khách, cả ba cùng ngồi xuống: hai ông già nhắc nhở lại thời xưa cũ và những giai thoại trong cuộc đời lính của mình, còn Alếchxây ngẫm nghĩ xem mình nên đóng vai trò như thế nào trước mặt Lida. Chàng quyết định rằng trong mọi trường hợp thì kẻ lơ đãng lạnh lùng vẫn là tốt hơn cả, cho nên chàng liền sắp sẵn một thái độ như thế. Cánh cửa mở, chàng ngoảnh lại với một vẻ bình thản, một vẻ thờ ơ kiêu hãnh, nó có thể khiến cho một cô tiểu thư đỏm dáng, quả cảm nhất cũng phải rợn mình. Nhưng rủi ro thay, không phải Lida mà là cô gái già Giếcxon bước vào, mặt trát phấn bôi son, mắt cụp xuống, khẽ nhún mình chào, và cái tư thế oai hùng đẹp đẽ của Alếchxây bị tung hứng một cách vô vị. Chàng chưa kịp trấn tĩnh thì cửa lại mở và Lida bước vào. Mọi người đứng dậy; cha nàng toan bắt đầu giới thiệu khách ăn, bỗng im lặng cắn môi... Lida, cô bé Lida nước da rám nắng của lão trát phấn đến tận mang tai, kẻ lông mày rậm hơn cả mẹ Giếcxon, tóc giả nhạt hơn mớ tóc thật của nàng rất nhiều, tết theo kiểu tóc giả của Luy XIV,



ống tay áo à l'imbécile \*\*\*\*\* xù ra giống như kiểu áo lông khung của Madame de Pompadour(10), thân hình nàng thắt eo lại như một chữ X và tất cả châu ngọc của mẹ nàng còn lại mà chưa đem gửi ở tiệm cầm đồ đều lấp lánh ở tay, ở tai và ở cổ nàng. Aléxây không thể nhận ra được Akulina của mình trong cô tiểu thư lỗ bịch và choáng lộn này. Cha chàng tiến đến hôn tay nàng và chàng cũng bực bội làm theo cha; khi môi chàng chạm vào những ngón tay trắng trẻo của cô gái, chàng thấy hình như những ngón tay ấy run run. Và lúc ấy chàng cũng nhận ra được rằng hình như đôi bàn chân nhỏ nhắn chùng ra một cách cố ý và mang đôi giày hết sức đom đóm. Điều này cũng khiến cho chàng hài lòng đôi chút so với tất cả những phần trang phục khác của nàng. Còn về cái mặt phẩn và đôi lông mày tô đen thì trong tâm lòng chất phác của chàng, thú thật là ban đầu chàng không chú ý, sau đó thì hoàn toàn không có gì nghi ngờ. Grigôri Ivanôvich nhớ lại lời hứa của mình, nên cố gắng để không tỏ vẻ gì ngạc nhiên; nhưng trò tinh nghịch của con gái nó buồn cười đến nỗi suýt nữa lão không kìm nổi. Nhưng với mẹ người Anh kiểu cách kia thì đây lại không phải chuyện cười. Mẹ đoán rằng chỗ phẩn son và chì ấy là đánh cắp ở tủ ngăn của mẹ, da mặt đỏ bừng lên vì bực bội hiện rõ qua lớp phấn trắng. Mẹ ném một cái nhìn nảy lửa vào cô bé tinh nghịch, cô bé đành để lúc khác sẽ phân trần, vờ như không để ý.

Mọi người ngồi vào bàn ăn. Aléxây tiếp tục đóng vai trò lơ đãng và trầm ngâm. Lida làm duyên làm dáng, nói lí nhí qua kẻ răng, giọng uốn éo như hát, và chỉ nói tiếng Pháp. Cha nàng luôn luôn liếc nhìn Lida và không hiểu con gái mình định giở trò như vậy để làm gì. Nhưng lão thấy rằng tất cả những trò ấy rất lý thú. Mẹ Giécxơn thì cau tiết, ngâm tẩm. Chỉ có Ivan Pêtorôvich là cứ như ở nhà, ăn gấp đôi ngày thường, uống thả sức, luôn luôn chuyện trò thân mật và cười ha hả rất tự nhiên.

Ăn xong mọi người đứng dậy; khách ra về; và bây giờ Grigôri Ivanôvich mới tha hồ cười thoả thuê và hỏi: "Con định giở trò ra với họ để làm gì thế? Nhưng mà này, con biết không? Đánh phẩn thế mà hợp với con ấy nhé, cha không đi sâu vào những điều bí ẩn trong cách trang sức của nữ giới, nhưng cha mà như con thì cha cũng đánh phẩn, cố nhiên là đừng đánh nhiều quá, đánh phơn phớt thôi". Trò đùa thành công khiến Lida mừng quỳnh. Nàng ôm hôn cha và hứa sẽ suy nghĩ về lời khuyên đó, rồi nàng chạy đi xoa dịu mẹ Giécxơn bây giờ đang cau; phải khẩn khoản mãi mẹ mới chịu mở cửa phòng và nghe lời thanh minh của nàng: Lida thấy xấu hổ, phải ra mắt những người khách lạ với nước da đen đui của mình; nàng không dám hỏi xin mẹ... nàng tin chắc rằng cô Giécxơn tốt bụng và đáng yêu sẽ tha thứ cho nàng... và vân vân... Mẹ Giécxơn yên tâm, tin rằng Lida không có ý định ché giễu mẹ, mẹ bình tĩnh lại, hôn Lida, và để đánh dấu sự hoà giải, mẹ tặng nàng hộp phấn Anh mà Lida cầm lấy với một thái độ biết ơn chân thành.

Độc giả cũng đoán biết được rằng sáng sớm ngày hôm sau, không chút chậm trễ, Lida đã có mặt ở chỗ hẹn trong khóm rừng. "Hôm qua công tử mời cơm ở nhà tiểu thư của chúng tôi phải không? - nàng lập tức hỏi Aléchxây, - công tử thấy tiểu thư thế nào?" Aléchxây trả lời rằng chàng không để ý đến cô ta. Lida nói: "Rõ đáng tiếc!" Aléchxây hỏi: "Tại sao thế?" "À, tôi muốn hỏi xem công tử xem có đúng như người ta nói không?" - "Người ta nói gì?" - "Người ta nói tôi giống tiểu thư, có đúng không anh?" - "Nhảm nhí quá đi mất! Trước mặt em, cô ấy chỉ là một con quái vật". - "Ôi, sau công tử lại nói quá đáng thế? Tiểu thư của chúng tôi trắng trẻo là thế, thanh lịch là thế! Tôi làm sao mà sánh được với tiểu thư". Aléchxây thề rằng nàng đẹp hơn tất cả các cô tiểu thư trắng trẻo nhất trên đời, và để cho nàng hoàn toàn yên tâm, chàng bắt đầu miêu tả cô tiểu thư của nàng bằng những nét rất hài hước khiến cho Lida cười như nắc nẻ. "Tuy thế, - nàng thờ dãi nói, - mặc dù tiểu thư cũng có buồn cười thật, nhưng dù sao trước mặt tiểu thư thì tôi chỉ là một đứa ngu ngốc mù chữ". Aléchxây nói: "Ô, việc ấy có gì là đáng buồn đâu? Nếu em muốn thì tôi sẽ dạy cho em biết đọc và biết viết ngay thôi". Lida nói: "Ừ nhỉ, việc gì không cố gắng học thực sự xem sao". - "Được lắm, cô nàng xinh đẹp ơi, ta bắt đầu ngay bây giờ nhé!" Hai người ngồi lại. Aléchxây rút trong túi ra một cây bút chì và một cuốn sổ tay, Akulina học thuộc chữ cái nhanh chóng lạ thường, Aléchxây không thể không thán phục trí thông minh của nàng. Đến sáng hôm sau nàng đã muốn thử tập viết, ban đầu thì cây bút không chịu nghe theo ý nàng, nhưng sau mấy phút nàng đã tô được những nét chữ khá rõ. Aléchxây bảo: "Thật là phi thường, thế là chúng ta học có kết quả nhanh hơn là theo phương pháp Lencátxtơ đây"(11). Quả nhiên sang buổi học thứ ba, Akulina đã có thể đánh vần được truyện "Natalia, cô con gái nhà quý tộc"(12). Trong khi đọc, nàng thỉnh thoảng ngừng lại nhận xét mấy câu khiến cho Aléchxây rất đổi kinh ngạc, và nàng viết đầy trang giấy những câu cách ngôn rút từ trong truyện ra. Một tuần lễ sau, họ đã có thể thư từ qua lại với nhau. Phòng bưu vụ được thành lập trong một gốc cây sồi già. Naxchia bí mật làm nhiệm vụ đưa thư. Aléchxây mang đến đó những tập thư viết chữ to như con gà mái và nhận được những dòng chữ nguệch ngoạc của người yêu viết trên mảnh giấy thô màu xanh. Akulina hình như đã quen với những lời lẽ ý nhị hơn và trí tuệ ngày càng được mở mang và trao dồi thêm một cách rõ ràng trông thấy. Trong lúc ấy thì tình quen biết mới đây giữa Ivan Pêtorôvích Bêrêxtốp và Grigôri Ivanôvích Murômxxki ngày một thắt chặt thêm và chẳng bao lâu đã trở thành tình bạn thân thiết. Số là Murômxxki thường vẫn nghĩ rằng hễ Ivan Pêtorôvích qua đời thì tất cả tài sản sẽ chuyển sang tay Aléchxây, và như thế thì Aléchxây sẽ trở thành một trong những kẻ giàu có nhất tỉnh, và không có lý do gì lại không gả Lida cho chàng ta. Về phía mình cũng thế, lão già

Bêrêxtốp tuy có nhận thấy lão lẳng giềng của mình cũng có rồ dại ít nhiều (hay nói theo lời của lão ta là mắc bệnh sùng Anh ngu ngốc), nhưng cũng không phủ nhận rằng lão này có nhiều phẩm chất đặc biệt, chẳng hạn như là tài tháo vát hiếm có; Grigôri Ivanôvích là người có họ gần với bá tước Prônxi, một người quyền quý và có thế lực, bá tước sẽ có thể giúp ích rất nhiều cho Alếchxây và chắc hẳn là Murômxi (theo như Ivan Pêtorôvích nghĩ) sẽ vui mừng khi thấy có dịp gả con gái mình một cách có lợi. Từ đó hai lão già cứ luôn luôn ngẫm nghĩ về việc ấy, rồi cuối cùng họ cũng trao đổi ý kiến với nhau, ôm hôn nhau và hứa hẹn sẽ chăm lo thu xếp cho ổn thỏa, rồi mỗi người bắt tay lo lắng chu tất về phần mình. Một khó khăn đối với Murômxi là làm sao khuyên Lida nhanh chóng làm thân với Alếchxây, kể mà từ sau bữa ăn đáng ghi nhớ kia, nàng chẳng hề gặp lại lần nào nữa. Hình như đôi bên cũng chẳng thích gì nhau lắm; dù sao thì Alếchxây cũng chẳng hề trở lại đất Prilútsinô, và cứ mỗi lần Ivan Pêtorôvích có lòng chiều cô đến chơi thăm là Lida vội lánh mặt chạy vào buồng. Nhưng Grigôri Ivanôvích nghĩ rằng nếu ngày nào Alếchxây cũng đến nhà mình, thì rồi Lida sẽ phải say mê nó. Đó là lẽ thường của tạo vật. Thời gian sẽ dần xếp cho mọi việc ổn thỏa.

Ivan Pêtorôvích thì ít băn khoăn hơn, lão tin chắc rằng dự định của mình thế nào cũng thành công. Ngay buổi chiều lão gọi con trai vào phòng, châm tẩu thuốc hút, rồi sau mấy phút yên lặng, lão nói: "Thế nào đấy con, Alếchxây, sao lâu nay không thấy con nói gì đến việc tòng ngũ nữa. Hay là bộ quân phục khinh kỵ không còn quyến rũ con nữa!..." Alếchxây lễ phép trả lời: "Không, thưa cha, con thấy cha không thích con nhập ngũ vào quân khinh kỵ; bốn phận con là phải vâng là cha". Ivan Pêtorôvích nói: "Tốt, ta thấy con là một đứa con ngoan; ta rất hài lòng; chính ta cũng chẳng muốn cưỡng ép con; ta sẽ không bắt buộc con phải đi vào chính giới vội... Nhưng trong khi chờ đợi, ta có ý định cưới vợ cho con".

- Cưới ai thế, thưa cha? – Alếchxây sững sốt hỏi.
- Cưới cô Lida, con gái Grigôri Ivanôvích Murômxi, - Ivan Pêtorôvích trả lời, - đám này thật là có một không hai đấy, đúng không nào?
- Thưa cha, con chưa nghĩ đến việc hôn nhân.
- Con chưa nghĩ, nhưng ta đã nghĩ cho con, đã suy đi nghĩ lại mãi rồi đấy.
- Xin cha thứ lỗi, Lida Murômxi hoàn toàn không hợp ý con.
- Rồi sẽ hợp ý sau. Cứ chung sống, rồi sẽ yêu nhau.
- Con tự thấy mình không có khả năng đem lại hạnh phúc cho cô ta được.
- Việc gì mà phải lo cho hạnh phúc của nó. Thế nào? Mà tôn trọng ý muốn của cha mà như thế đấy à? Tốt lắm!
- Cha muốn sao tùy ý, con không muốn cưới vợ và con sẽ không cưới vợ.
- Mà sẽ cưới vợ, nếu không tao sẽ từ mà, còn gia tài tao thì sẽ bán và tiêu

xài hết, tao sẽ không để lại cho mày một xu nhỏ! Tao cho mày ba ngày để suy nghĩ, và trong thời gian ấy chớ có liều lĩnh mà dấn mặt ra trước tao. Alécxây biết rằng nếu cha mình đã có ý định gì trong đầu thì nói như Tarát Xcôtinin(13), cứ chắc như đinh đóng cột; nhưng Alécxây cũng giống cha ở chỗ khó lòng mà làm cho chàng thay đổi ý định. Chàng về phòng riêng và bắt đầu suy nghĩ về giới hạn quyền lực của cha, nghĩ đến Lida Murômxcia, đến lời giao hẹn của cha là sẽ để cho chàng bàn cùng, và cuối cùng nghĩ đến Akulina. Lần đầu tiên chàng nhận thấy rõ ràng mình yêu nàng say đắm; một ý nghĩ phiêu lưu nảy ra trong đầu chàng: chàng sẽ cưới cô bé nông dân và hai người sẽ cùng sống bằng sức lao động của mình, càng ngẫm nghĩ về giải pháp quyết liệt ấy, chàng càng thấy rằng làm như vậy là phải. Từ ít lâu nay, những buổi hẹn hò ở cánh rừng bị gián đoạn vì mùa mưa. Chàng tự tay viết cho Akulina một bức thư nét chữ rất rõ ràng và lời lẽ rất thiết tha, giải bày cho nàng rõ con đông tố đang đe dọa mình và ngỏ lời hỏi nàng làm vợ. Lập tức chàng đem bỏ thư ở phòng bưu vụ, nơi hộc cây sồi và đi nằm, lòng hoàn toàn thanh thản.

Ngày hôm sau, từ sáng sớm, Alécxây, chí đã quyết, hăm hở đi đến nhà Murômxciki để trình bày thành thực với ông ta. Chàng hy vọng sẽ kích động được lòng độ lượng của ông ta, và sẽ khiến cho ông ta nghiêng về phía mình. Chàng dừng ngựa trước thềm dinh chủ ấp Prilútsinô. Chàng hỏi: "Ông Grigôri Ivanôvích có nhà không?" Người hầu trả lời: "Thưa ông, không ạ, ông Grigôri Ivanôvích đi chơi từ sáng sớm rồi ạ". Alécxây trầm nghĩ: "Thật là đáng tiếc". Sau đó hỏi: "Thế ít nhất cô Lida có nhà chứ?" – "Thưa, có ạ". Alécxây nhảy xuống ngựa, trao dây cương cho người hầu và bước vào nhà, không báo tin trước.

"Tất cả sẽ được định đoạt, - chàng nghĩ thầm khi bước vào phòng khách, - ta sẽ tự giải bày ngay với cô ta vậy". Chàng bước vào và.. đứng ngẩn ra! Lida... không phải, Akulina, nàng Akulina nước da rám nắng xinh đẹp, không phải mặc xa-ra-phan, mà lại mặc một chiếc áo dài trắng thường mặc vào buổi sáng trong nhà, ngồi trước cửa sổ đang đọc bức thư của chàng; nàng chăm chú đến nỗi không nghe thấy tiếng chân chàng bước vào. Alécxây không giữ nổi một tiếng kêu vui sướng. Lida giật mình, ngẩng đầu, thét lên và toan chạy trốn. Chàng lao người đến, giữ nàng lại. – "Akulina. Akulina!..." Lida cố sức gỡ tay chàng ra: "Mais laissez-mmoi donc, monsieur; mais êtes-vous fou\*\*\*\*\*?" – nàng nói rồi rít lên và quay mình đi. "Akulina yêu dấu của tôi, Akulina !" - chàng cũng rôi rít gọi và nắm tay chàng. Mụ Giécxon lúc bấy giờ được chứng kiến cảnh ấy, không còn biết nghĩ ra sao nữa. Vừa ngay lúc ấy cửa mở và Grigôri Ivanôvích bước vào.

- A ha! – Murômxciki nói, - hình như mọi việc giữa các con đã ổn thỏa cả rồi...

Xin độc giả miễn cho tôi một nhiệm vụ thừa là phải kể lại phần kết cục.

\*Người cười ngửa đầu

\*\*Lời nhận xét của chúng tôi vẫn có hiệu lực - tiếng La-tinh.

\*\*\*Lida là cách gọi âu yếm tên Lidavêta của người Nga, tức tên Elisabeth của người Anh. Người Anh thì gọi tắt tên Elisabeth là Betsy.

\*\*\*\*Im, Sbôga, lại đây - tiếng Pháp

\*\*\*\*\*Con ơi - tiếng Anh

\*\*\*\*\*Kiểu lơ lửng, kiểu áo có cánh tay áo hẹp và vai bông lên - tiếng Pháp

\*\*\*\*\*Kìa ông buông tôi ra chứ ! Ông điên rồi hay sao? - tiếng Pháp

Truyện của ông I.P.Benkin đến đây là hết.

1830

**Nguyễn Duy Bình dịch**

**PHỤ LỤC**

(1) Đề từ trích trong trường ca "Đusenka" (1775) của nhà thơ Nga Ipôlít Bôgđanôvích (1743-1803).

(2) Có nghĩa là vào đầu triều đại Paven I, ông vua độc đoán này có thái độ thù địch với đội cận vệ của Êcatêrina và bắt tay cải tổ quân đội theo kiểu Phổ. Điều này làm cho nhiều nhà quý tộc, đặc biệt là các sĩ quan cận vệ thời Êcatêrina căm ghét ông ta, vội vã bỏ về hưu.

(3) "Tin tức của Pháp viện tối cao" - xuất bản phẩm (từ năm 1808) đăng các chỉ thị nhà nước.

(4) Trích trong "Thơ trào phúng" (1808) của nhà văn Nga A.A.Sakhốpxki (1777-1864).

(5) Hội đồng giám hộ - cơ quan cho vay vốn dưới hình thức ký quỹ bằng điền trang của quý tộc.

(6) Khác biệt với các quan chức dân sự, thời đó các sĩ quan đều dễ rìa.

(7) Giảng Pôn - biệt danh của nhà văn Đức Iôhannơ Paun Richter (1763-1825), tác giả những tiểu thuyết và bài báo có nội dung chính trị và triết học. Puskin ở đây muốn ám chỉ câu cách ngôn trong cuốn sách Pháp " Tư tưởng của Giảng Pôn, lấy ra từ tất cả các tác phẩm của ông" (1829) .

(8) "Pamêla, hay đức hạnh được ban thưởng" (1741) - cuốn tiểu thuyết được ưa thích của nhà văn Anh Rixarxon (1689-1761).

(9) Một thứ đồ chơi cổ bằng đất, như con voi đất của Việt Nam.

(10) Madame de Pompadour - phu nhân Pôngpađua (1721-1764), người được vua Pháp Luy XV sủng ái.

(11) Phương pháp giáo dục do nhà sư phạm Anh Giôn Lencátxtơ (1777-1838) đưa ra, ở đây các học sinh khá hơn cả giúp thầy giáo trong việc giảng dạy. Phương pháp này phổ biến rộng rãi đầu thế kỷ XIX.

(12) "Natalia, cô con gái nhà quý tộc" (1792) - truyện dài lịch sử của nhà sử học Nhicôlai Mikhailôvích Karamdin (1766-1826).

*(13) Ý muốn nói đến lời của Tarát Xcôtinin, nhân vật trong vở hài kịch "Vị thành niên" của Đ.I.Phônvidin.*

---

Nguồn: Huytran

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 21/11/2006 1:25:57 CH